



## Mục lục

### SỰ KIỆN

3 **Mãi mãi niềm tin theo Đảng**

6 **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:**

Nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phục vụ tốt hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

17 **TẠ NGỌC TẤN:**

Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp

35 **LÊ HỮU NGHĨA:**

Vì sao nhiều Đại hội Đảng nhận định công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu

49 **VŨ VĂN HIỀN:**

Nhận thức lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Thực trạng và vấn đề đặt ra

63 **NGUYỄN VIẾT THÔNG:**

Sự phát triển nhận thức của Đảng ta trên lĩnh vực chính trị, xây dựng Đảng

**77 ĐOÀN MINH HUẤN:**

Tổng kết thực tiễn phục vụ công tác nghiên cứu lý luận: Thực trạng và những vấn đề đặt ra

---

**87 PHẠM VĂN LINH:**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý, tiếp thu các vấn đề lý luận của Đảng trước yêu cầu mới

**LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

---

**97 TRẦN QUỐC TOẢN:**

Nhận thức lý luận về văn hóa, xã hội, con người: Thực trạng và những vấn đề đặt ra

---

**110 NGUYỄN VIỆT THẢO:**

Đào tạo cán bộ lý luận: Thực trạng và giải pháp

---

**116 PHAN XUÂN BIÊN:**

Những vấn đề lý luận từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh

---

**125 TRẦN TRUNG HIẾU:**

Nâng cao chất lượng đảng bộ phường từ thực tiễn Hà Nội

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**133 Kỳ họp thứ 4 Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021****135 Một số kết quả công tác nổi bật năm 2017 của Cơ quan Hội đồng Lý luận Trung ương****139 Kết quả công tác năm 2017 của Chương trình "Nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020"****141 Hội thảo khoa học "Đổi mới cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam trong thời gian tới"****143 Tọa đàm khoa học tại Bộ Khoa học và Công nghệ**

---



*Chúc Mừng Năm Mới*  
MẬU TUẤT  
2018

## MÃI MÃI NIỀM TIN THEO ĐẢNG

**X**uân Mậu Tuất năm 2018, Đảng ta tròn 88 tuổi. 88 năm qua Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện đã làm nên những thắng lợi vĩ đại.

Xuân Canh Ngọ năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt to lớn trong lịch sử cách mạng nước ta, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước.

15 năm tuổi, mùa Thu năm 1945, với 5 nghìn đảng viên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám

vĩ đại, giành chính quyền về tay nhân dân. Nước Việt Nam Dân Chủ cộng hòa ra đời - một nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

24 năm tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Sau chiến thắng thực dân Pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.

45 tuổi, Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, miền Nam hoàn toàn được giải phóng,

thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xuân Bính Thân, năm 2016, Đại hội XII của Đảng tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới. Đại hội khẳng định: Đây là một chặng đường lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”. Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xuân Mậu Tuất 2018, chúng ta đón Xuân vui hơn. Bởi, năm 2017, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta vẫn tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, chúng ta đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức toàn bộ 13 chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tăng

trưởng GDP đạt 6,81%, vượt kế hoạch đề ra, là mức cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu đạt 485 tỷ đô la Mỹ, cao nhất từ trước đến nay. Mặc dù chịu tác động nặng nề của thiên tai, bão lũ, nông nghiệp vẫn tăng 2,9%, gấp 4 lần so với năm 2016; kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 36 tỷ đô la Mỹ, cao nhất từ trước đến nay.

Năng lực đổi mới sáng tạo khoa học - công nghệ nâng lên. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội được quan tâm chăm lo, bảo đảm; thực hiện tốt hơn chế độ, chính sách đối với người có công, người nghèo, nhất là những khi xảy ra thiên tai, bão lũ. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần củng cố an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Năm 2017, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực được đẩy mạnh hơn bao giờ hết và bước đầu đạt nhiều kết quả cụ thể, tích cực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ. Các vụ án tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp đã được làm rất kiên quyết, nghiêm minh, theo đúng quy

định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kể cả đối với cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu.

Năm 2017 cũng là một trong những năm thành công nhất trong công tác đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Quan hệ với các nước, nhất là với các đối tác quan trọng ngày càng toàn diện và hiệu quả hơn. Đặc biệt, chúng ta đã tổ chức rất thành công tuần lễ cấp cao APEC 2017 ở Đà Nẵng. Hà Nội cũng lần đầu tiên đón hai cường quốc hàng đầu thế giới Trung Quốc và Mỹ tới thăm cấp nhà nước trong hai ngày liên tiếp. Các hợp tác song phương với Mỹ trị giá 12 tỷ đô la Mỹ và một loạt thỏa thuận, ghi nhớ trong nhiều lĩnh vực với Trung Quốc đã được ký kết. Với vai trò chủ nhà, chúng ta đã thực sự tạo nên dấu ấn Việt Nam trong tiến trình hợp tác của APEC nói riêng và liên kết kinh tế và chính trị tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung.

Tất cả những điều trên đã tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của

sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang được nhân lên và lan rộng khắp cả nước.

Xuân Mậu Tuất này, mừng Đảng ta tròn 88 tuổi, mừng chế độ và Nhà nước ta 73 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng, một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới, ý Đảng, lòng dân ngày càng thêm hòa quyện. Năm 2018 - năm bản lề của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 sẽ khởi đầu mọi điều tốt đẹp như mùa xuân khởi đầu của năm. Mãi mãi niềm tin theo Đảng, chúng ta có cơ sở để tin tưởng vững chắc năm 2018 năm Mậu Tuất - hoa của đất trời và hoa của lòng người sẽ nở rộ với hương thơm ngào ngạt và sắc màu lung linh sẽ lan tỏa khắp mọi miền đất nước và bạn bè gần xa trên thế giới ■

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, PHỤC VỤ TỐT HƠN NỮA CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

*(Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Kỳ họp thứ tư Hội đồng Lý luận Trung ương, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Đầu đề là của Tòa soạn)*

Hôm nay, tôi rất vui mừng đến dự Kỳ họp thứ tư Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021, một kỳ họp bàn chuyên sâu về chủ đề “Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp” và Tổng kết công tác năm 2017, xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng. Tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí thành viên Hội đồng, các đồng chí đại biểu đã đến dự Kỳ họp quan trọng này.

Chúng ta vừa được nghe các báo cáo của Hội đồng và một số tham luận có nhiều nội dung phong phú, sâu sắc.

Sau đây tôi xin lưu ý, nhấn mạnh, gợi mở thêm một vài vấn đề để các đồng chí cùng thảo luận.

Đại hội XII của Đảng đã khẳng định, ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc lịch sử và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn



*Kỳ họp thứ tư Hội đồng Lý luận Trung ương,  
nhiệm kỳ 2016 - 2021 (Ảnh: TTXVN)*

minh”. Đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới. Thành tựu của hơn 30 năm đổi mới vừa qua có sự đóng góp xứng đáng của đội ngũ cán bộ lý luận.

Tuy nhiên, trong công cuộc đổi mới nói chung và công tác lý luận thời kỳ đổi mới nói riêng cũng còn những hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất

nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Đại hội XII đã nêu rõ, chất lượng và hiệu quả của công tác lý luận chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Thực tiễn công cuộc đổi mới đang đặt ra và đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa về tư duy lý luận, về công tác lý luận. Chúng ta đều biết, lý luận có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống xã hội.

VI.Lênin đã chỉ rõ: Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng; chỉ đảng nào có được lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới làm tròn vai trò của người chiến sĩ tiên phong. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần khẳng định: Không có lý luận thì như người nhắm mắt mà đi. Tuy nhiên, lý luận không phải là một cái gì khô khan, cứng nhắc; trái lại, nó đầy tính sáng tạo,

sinh động, luôn luôn được thực tiễn phong phú, muôn màu, muôn vẻ bổ sung để không ngừng phát triển, hoàn thiện. Thấm nhuần sâu sắc những di huấn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội XII của Đảng một lần nữa khẳng định: tiếp tục

đổi mới mạnh mẽ tư duy, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên



**Không có lý luận thì như người nhắm mắt mà đi. Tuy nhiên, lý luận không phải là một cái gì khô khan, cứng nhắc; trái lại, nó đầy tính sáng tạo, sinh động, luôn luôn được thực tiễn phong phú, muôn màu, muôn vẻ bổ sung để không ngừng phát triển, hoàn thiện.**



**HỒ CHÍ MINH**

cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta.

Đại hội XII của Đảng nêu rõ, thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người là nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Từ sau Đại hội, bám sát tư tưởng chỉ đạo, những định hướng lớn, những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong Văn



kiện Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt. Trung ương đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; về tiếp tục đổi mới, sắp xếp hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; về chăm lo an sinh xã hội, xây dựng con người, chú trọng nâng cao thể chất, sức khỏe con người và chất lượng dân số. Đây là những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp thiết, đáp ứng đúng đòi hỏi của thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Các nghị quyết Trung ương đã cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng rõ hơn tư tưởng chỉ đạo của Đại hội XII, có giá trị định hướng nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ lý luận, trong đó, Hội đồng Lý luận Trung ương là một đầu mối quan

trọng, đã khẩn trương, tích cực triển khai nhiều hoạt động phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thông qua việc triển khai nghiên cứu các chuyên đề phục vụ chương trình nghiên cứu của Bộ Chính trị; các đề tài thuộc Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020; các báo cáo tư vấn, báo cáo khảo sát, tổng kết thực tiễn, trao đổi lý luận với một số đảng cộng sản, đảng cầm quyền; các hoạt động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch..., đội ngũ cán bộ lý luận đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạch định, tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, chính sách lớn. Nhiều đề xuất của các cơ quan tham mưu, tư vấn lý luận chính trị đã được tiếp nhận đưa vào các nghị quyết của Đảng.

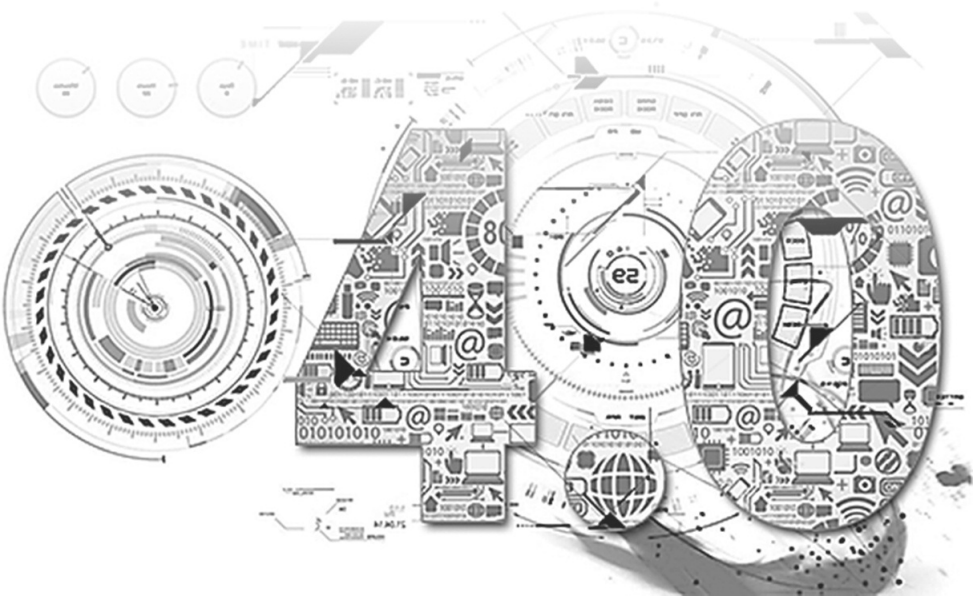
Tuy nhiên, cũng cần nghiêm túc nhận thức sâu sắc và quyết tâm khắc phục những hạn chế, bất cập đã được nêu trong Báo cáo tổng kết của Hội đồng, nhất là sự chậm trễ về tiến độ, những hạn chế về chất lượng của một số báo cáo tổng kết thực tiễn, nghiên cứu chuyên đề, đặc biệt là chưa giải

đáp được kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn. Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn.

Tình hình thế giới, khu vực đang và sẽ diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Những bất ổn trên thế giới có chiều hướng gia tăng. Sự di chuyển quyền lực từ Tây sang Đông, sự điều

chinh chiến lược của các nước lớn, cùng với chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ đang là những biến động lớn trên thế giới hiện nay. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới, từng bước vẽ lại bản đồ kinh tế trên thế giới, với sự suy giảm quyền lực của các quốc gia chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và

**Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới, từng bước vẽ lại bản đồ kinh tế trên thế giới.**



sự gia tăng sức mạnh của các quốc gia dựa chủ yếu vào công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cuộc cách mạng đó đang và sẽ làm thay đổi căn bản cách nghĩ, cách làm và phương thức sinh hoạt của con người.

Chúng ta phải chủ động dự báo, chủ động chuẩn bị về mọi mặt để đưa đất nước tiến lên nhanh hơn, mạnh hơn trước sự vận động mau lẹ của thời cuộc. Nhiều vấn đề rất mới về lý luận, thực tiễn đang đặt ra, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và giải quyết tốt. Bối cảnh đó đặt lên vai giới lý luận nước nhà trọng trách rất lớn. Phải có tầm nhìn vượt trước; dự báo chuẩn xác xu thế phát triển; xây dựng hệ thống luận cứ vững chắc cho chiến lược phát triển quốc gia với lộ trình khoa học, bước đi hợp lý.

Về định hướng những vấn đề lý luận cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong thời gian tới, Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Văn kiện Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị khóa XI đã xác định. Tôi nhấn mạnh thêm một số vấn đề để các đồng chí nghiên cứu, vận dụng trong

việc xây dựng chương trình làm việc, kế hoạch công tác năm 2018 và những năm tiếp theo. Phải chăng, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản, từng bước bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn mới, cần lưu ý tập trung thực hiện một số công việc trước mắt sau đây:

*Trước hết, cần tập trung nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phục vụ tốt hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ nay đến cuối nhiệm kỳ.*

Trong các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4, thứ 5, thứ 6, Trung ương đã chỉ rõ những quan điểm, định hướng, giải pháp lớn cần được tổ chức thực hiện có kết quả. Đồng thời, cũng nêu ra một số vấn đề còn có những ý kiến khác nhau cần được tổ chức nghiên cứu, thí điểm, tổng kết để kết luận rõ. Ví dụ: vấn đề nhận thức và giải quyết đúng quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội; vấn đề chế độ sở hữu tài sản; vấn đề tích tụ, tập trung đất đai phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; vấn đề huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững; vấn đề mô hình tổng thể của hệ thống chính trị nước ta phù hợp với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; vấn đề kiểm soát quyền lực... Hội đồng Lý luận Trung ương cần làm đầu mối tập hợp trí tuệ đội ngũ cán bộ lý luận, tích cực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ những vấn đề này.

Trong năm 2018, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tổng kết việc thực hiện Chiến lược công tác cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và Chiến lược Biển, để tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, chính sách lớn. Đây là vấn đề rất hệ trọng, đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng, thật sự khoa học. Hoạt động lý luận phải tham gia tích cực

vào quá trình chuẩn bị này, tư vấn giúp Trung ương có những căn cứ lý luận, thực tiễn vững chắc để có những quyết sách đúng đắn, đáp ứng yêu cầu mới, rất cao của thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

*Cần khởi động chuẩn bị cho việc xây dựng dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.*

Theo Chương trình làm việc toàn khóa, Hội nghị Trung ương 8 (tháng 10-2018) sẽ thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng. Hội nghị Trung ương 9 (tháng 5/2019) sẽ thảo luận Đề cương các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Đại hội XIII

**Chúng ta phải chủ động dự báo, chủ động chuẩn bị về mọi mặt để đưa đất nước tiến lên nhanh hơn, mạnh hơn trước sự vận động mau lẹ của thời cuộc. Nhiều vấn đề rất mới về lý luận, thực tiễn đang đặt ra đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và giải quyết tốt.**

có tầm quan trọng đặc biệt. Đại hội không chỉ kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII mà còn phải Tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2020. Đại hội không chỉ

xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong chặng đường 5 năm 2021 - 2025 mà còn định hướng phát triển toàn diện, bền vững đất nước đến năm 2030 - năm Đảng ta tròn 100 tuổi, và xa hơn, phải đưa ra tầm nhìn đến năm 2045 - năm chúng ta kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045).

Việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện Đại hội XIII đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, trong đó có vai trò rất quan trọng của giới lý luận. Các văn kiện Đại hội yêu cầu phải có tính tổng kết, tính dự báo, tính định hướng rất cao, với tầm bao quát rất rộng. Cần nghiên cứu, tổng kết toàn diện các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Đảng. Bao trùm, xuyên suốt các nội dung, lĩnh vực cần nghiên cứu, tổng kết chính là xác định cho được con đường, lộ trình thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước giàu mạnh về mọi mặt và trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ thứ XXI.

Từ Đại hội XI đến nay, Đảng ta đã có nhiều quyết sách đúng đắn để phát triển đất nước nhanh, bền vững, nổi bật là chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh...; xác định đột phá chiến lược về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, theo hướng hiện đại... Thực tiễn chứng minh tính đúng đắn và hiệu quả tích cực của những quyết sách đó. Những năm tới, chúng ta tiếp tục thực hiện mạnh mẽ hơn những định hướng chiến lược này trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với nhịp độ rất nhanh, với những nội dung, phương thức, hình thức vô cùng mới mẻ. Thế giới đang nói nhiều và khẩn trương triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông minh, đặc biệt là kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, đô thị thông minh, nền quản trị và những nhà quản trị cùng cư dân thông minh... Chúng ta cần chủ động chớp thời cơ để đưa đất nước phát triển nhanh hơn, khắc

phục bằng được nguy cơ bị tụt hậu. Những người làm công tác nghiên cứu lý luận cần nhạy bén, năng động tiếp cận, tiếp thu sáng tạo những vấn đề lý luận mới, phân tích, chắt lọc, lựa chọn những giá trị tinh hoa có thể vận dụng phù hợp với điều kiện nước ta; đề xuất các luận cứ khoa học để hoàn thiện các chủ trương, quyết sách của Đảng trước những yêu cầu mới. Chân chừa, chậm trễ sẽ bỏ lỡ thời cơ, sẽ ngày càng tụt hậu; song nóng vội, sao chép giản đơn kinh nghiệm nước ngoài, triển khai ồ ạt theo kiểu phong trào mà không tính đến đầy đủ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước cũng sẽ dẫn đến thất bại.

Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập với thế giới ngày càng hoàn thiện, nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết nối, hiện đại; xây dựng hệ

thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa liêm chính, phát triển; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, trí tuệ; xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng dân tộc thông thái, con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng và phát huy giá trị nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh, ngoại giao hiện đại, nhân văn; huy động, nuôi dưỡng, bảo vệ, phân bổ hợp lý, sử dụng tối ưu mọi nguồn lực; tạo động lực phát triển đất nước nhanh, bền vững, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa... là những

định hướng cốt lõi ở tầm chiến lược đối với công tác nghiên cứu lý luận của chúng ta, phù hợp với yêu cầu của đất nước và xu thế phát triển của thế giới. Chưa bao giờ thực tiễn phong phú, mới mẻ của thế giới và đất nước lại mở ra chân trời sáng tạo rộng lớn và đầy

**Những người làm công tác nghiên cứu lý luận cần nhạy bén, năng động tiếp cận, tiếp thu sáng tạo những vấn đề lý luận mới, phân tích, chắt lọc, lựa chọn những giá trị tinh hoa có thể vận dụng phù hợp với điều kiện nước ta; đề xuất các luận cứ khoa học để hoàn thiện các chủ trương, quyết sách của Đảng trước những yêu cầu mới.**

sức hấp dẫn đối với đội ngũ những người làm công tác lý luận như bây giờ. Đảng, Nhà nước và nhân dân đòi hỏi và kỳ vọng vào những thành tựu, đóng góp mới của giới lý luận nước nhà.

Gần 2 năm qua, nhất là năm 2017, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có một số đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động: Lấy hoạt động của các tiểu ban làm trọng tâm trong triển khai công việc của Hội đồng; coi trọng tổng kết thực tiễn; phối hợp chặt chẽ với một số cơ quan, địa phương, phát huy vai trò là đầu mối tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng các báo cáo, các chuyên đề khoa học. Tập thể Hội đồng và cơ quan Hội đồng đoàn kết, thống nhất, rà soát, bố trí công việc hợp lý, đúng người, đúng việc theo đề án vị trí việc làm.. Những đổi mới đó đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng.

Tôi hoan nghênh những kết quả đó của các đồng chí. Tôi cũng rất vui mừng được biết trong thời gian qua, nhiều ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương, nhiều cấp ủy địa phương đã

quan tâm nhiều hơn đến công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; đã phối hợp và giúp đỡ Hội đồng Lý luận Trung ương triển khai công việc thuận lợi, hiệu quả. Mong rằng quan hệ tốt đẹp đó tiếp tục được tăng cường, thường xuyên, gắn bó chặt chẽ hơn.

Để hoàn thành tốt những nhiệm vụ nặng nề của năm 2018 và những năm còn lại của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021, các đồng chí cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nội dung và phương thức hoạt động, theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng mà Bộ Chính trị đã giao cho.

Hội đồng cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các bộ, ban ngành liên quan và một số địa phương đẩy mạnh tổng kết thực tiễn. Chú trọng khảo sát, tổng kết thực tiễn là rất đúng hướng. Vấn đề mấu chốt là cần bảo đảm tính thiết thực, chất lượng, hiệu quả. Khảo sát thực tiễn không chỉ dừng lại ở sao chụp, mô tả bề mặt của thực tiễn, mà phải khám phá tầng sâu của thực tiễn, phát hiện các mâu thuẫn, các xu hướng và nhân tố phát triển mới. Đó là tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận, đòi hỏi phải rất

chuyên tâm và công phu. Đẩy mạnh việc nghiên cứu các đề tài trong Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị cấp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; các chuyên đề nghiên cứu lý luận chính trị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII. Cố gắng đề xuất những điểm mới, nhất là giải pháp có tính đột phá trong từng đề tài, từng chuyên đề để Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, thảo luận, tiếp thu.

Tham gia tích cực, chủ động và có hiệu quả hơn nữa vào việc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, thù địch, bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác lý luận với các đảng cộng sản cầm quyền và một số đảng khác trên thế giới, tích cực trao đổi, đối thoại với các học giả nước ngoài nhằm cập nhật, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa lý luận thế giới có giá trị tham khảo cho Việt Nam; đồng thời giới thiệu, quảng bá đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và những thành tựu lý luận Việt Nam.

Hội đồng, Cơ quan Hội đồng tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xác định thật khoa học vị trí việc làm; chú

trọng công tác kết nối, cập nhật thông tin lý luận trong nước, quốc tế; đoàn kết, sáng tạo, kỷ luật, kỷ cương, phấn đấu hoàn thành tốt nhất chức năng, nhiệm vụ. Phát huy tốt hơn nữa vai trò của các tiểu ban và các thành viên Hội đồng. Các tiểu ban của Hội đồng cần nêu cao tính chủ động, tính kế hoạch, tính dân chủ. Tăng cường các sinh hoạt chuyên môn, trao đổi, thảo luận sâu, tranh luận thẳng thắn các vấn đề chưa đủ rõ để đi đến nhận thức thống nhất. Các thành viên Hội đồng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ, tâm huyết với công việc. Tham gia Hội đồng là để thực hiện những công việc rất quan trọng, hệ trọng, liên quan đến quá trình hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng. Không thấy hết vinh dự và trách nhiệm; không đầu tư tâm sức, trí tuệ, không trăn trở, tâm huyết, tìm tòi, sáng tạo thì không thể hoàn thành được nhiệm vụ.

Sắp bước sang năm 2018 và chuẩn bị đón Xuân Mậu Tuất, với tình cảm gắn bó thân thiết, tôi xin chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc. Năm mới quyết tâm mới, nỗ lực mới, thành công mới ■





NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# CÔNG TÁC LÝ LUẬN: THỰC TRẠNG, VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

● GS, TS. TẠ NGỌC TẤN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Thực trạng công tác lý luận

*Những thành tựu cơ bản, quan trọng về công tác lý luận của Đảng ta trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới*

Trong hơn 30 năm đổi mới, công tác lý luận của Đảng ta đã có những bước phát triển quan trọng, thu được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện, trong đó có một số thành tựu cơ bản, quan trọng sau:

(1) Xuất phát từ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, Đảng ta đã không ngừng phát triển và hoàn thiện nhận thức lý luận chung về mô

*hình, mục tiêu, tính chất, con đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Từ một đất nước mới đi ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, khắc nghiệt, với nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu, manh mún, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Đảng ta đã xác định, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường, bước đi cụ thể. Trong quá trình phát triển đó, mô hình mục tiêu mà chúng ta hướng tới gồm 8 đặc trưng được trình bày trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* - Cương lĩnh năm 2011: (1) Dân giàu, nước mạnh, dân

chủ, công bằng, văn minh; (2) Do nhân dân làm chủ; (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; (4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Với việc khẳng định mô hình chủ nghĩa xã hội theo 8 đặc trưng trên, nhận thức lý luận của Đảng ta đã có những thay đổi to lớn theo hướng kiên định với nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng không ngừng sáng tạo trên cơ sở thực tiễn cách mạng của đất nước.

Để hiện thực hóa mô hình chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã xác định 4 trụ cột chính sách cho thời kỳ quá độ, gồm: (1) Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; (2) Xây dựng Đảng là then chốt; (3) Xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; (4) Tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Đồng thời với việc xác định mô hình mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã phát triển nhận thức về nội dung và yêu cầu giải quyết tốt những mối quan hệ lớn, có ý nghĩa quyết định thành bại đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước: “Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và

phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”<sup>1</sup>.

(2) *Phát triển lý luận và xác lập trên thực tế thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả của một quá trình tìm tòi, trải nghiệm đầy sáng tạo của Đảng ta.*

Lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hoàn thiện cùng với tiến trình của công cuộc đổi mới. Đó là “nền kinh tế được vận hành đầy đủ và đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường,

đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>2</sup>. Trong nền kinh tế đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân là động lực quan trọng. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự kế thừa có chọn lọc những thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và tổng kết những bài học kinh nghiệm từ thực



tiến xây dựng, phát triển kinh tế của Việt Nam.

(3) *Phát triển lý luận về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, về xây dựng con người Việt Nam*

Từ thực tế thời kỳ đổi mới, vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội ngày càng được nhận thức đúng với bản chất của nó. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh 1991) xác định mục tiêu xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó, văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội. Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh quan điểm: “*Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,*

phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa... trở thành *sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển...* xây

dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao”.

Cương lĩnh năm 2011 xác định: “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển*”.

**Cùng với việc xác định: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của chiến lược phát triển”, Đại hội XII của Đảng đã phát triển nhận thức về phát triển và quản lý phát triển xã hội. Đại hội yêu cầu: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.**

Cùng với việc xác định: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của chiến lược phát triển”, Đại hội XII của Đảng đã phát triển nhận thức về phát triển và quản lý phát triển xã hội. Đại hội yêu cầu: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Đồng thời, tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa

lành mạnh, xây dựng *văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế* phù hợp với yêu cầu, điều kiện của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nếu như Cương lĩnh 1991 của Đảng chỉ ra rằng: “Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh”, thì tại Đại hội XII, Đảng ta đã nhận thức “sâu sắc” hơn về “vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”. Trên cơ sở nhận thức ấy, Đại hội XII của Đảng yêu cầu xây dựng, thực hiện các chính sách xã hội “phù hợp với các giai tầng xã hội”, “giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội”, ngăn chặn, giải quyết “những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội”. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ các chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, cải thiện môi trường sống, làm cho “mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện”.

(4) *Phát triển nhận thức lý luận về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.*

Từ thực tiễn cách mạng, Đảng ta khẳng định mối quan hệ biện chứng,

hữu cơ giữa hai nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, khẳng định sức mạnh toàn dân trong bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức về *đối tác - đối tượng* là một bước phát triển mới về lý luận, thể hiện sự mềm dẻo, hợp lý trong điều kiện hội nhập quốc tế, đồng thời với sự nhất quán, kiên quyết trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trên cơ sở những nhận thức cơ bản đó, Đảng đề ra đường lối, chủ trương, mục tiêu và các nhiệm vụ trọng yếu nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ, bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ môi trường hòa bình cho cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Đại hội XII của Đảng xác định mục tiêu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước”. Để thực hiện mục tiêu đó, Đại hội XII nhấn mạnh

phương châm kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, từng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

(5) *Phát triển, nâng cao nhận thức lý luận về đối ngoại và hợp tác quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.*

Bước chuyển quan trọng nhất của Đảng ta trong quá trình nhận thức lý luận về đối ngoại và hợp tác quốc tế là chuyển từ chính sách lấy đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là “hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta” sang chính sách “sẵn sàng làm bạn, làm đối tác tin cậy của tất cả các nước trên thế giới”. Từ bước chuyển này, nhận thức lý luận của Đảng ta về đối ngoại và hợp tác quốc tế đã không ngừng được phát triển và hoàn thiện.

Trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã xác định đường lối của Đảng về đối ngoại và hợp tác quốc tế với những nội dung cơ bản: Bảo đảm lợi ích tối đa của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình

đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; vừa hợp tác, vừa đấu tranh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

(6) *Xây dựng cơ sở lý luận cho việc phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Trong quá trình lãnh đạo đất nước thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã nhận thức ngày càng rõ dân chủ xã hội chủ nghĩa là một thuộc tính bản chất của chế độ ta, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đây là cơ sở quan trọng để tại Hội nghị Trung ương

lần thứ 6, khóa VI, tháng 3-1999, khái niệm *hệ thống chính trị* được thay thế cho khái niệm *chuyên chính vô sản* để chỉ hệ thống quyền lực chính trị của đất nước. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo* là một trong 8 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

Nền tảng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là “đại đoàn kết toàn dân tộc” với nòng cốt là liên minh công - nông và đội ngũ trí thức, vấn đề chiến lược này ngày càng được nhận thức sâu sắc hơn. Nhận thức đó cũng là cơ sở cho đường lối đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam; cho đường lối nhất quán đối với các tôn giáo, tín ngưỡng, các cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, khuyến khích tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc.

(7) *Phát triển nhận thức lý luận về xây dựng Đảng trong điều kiện mới.*

Cương lĩnh năm 2011 của Đảng đã khẳng định bản chất của Đảng ta: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng

thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam”. Diễn đạt mới về bản chất của Đảng thể hiện bước đổi mới quan trọng của Đảng ta trong nhận thức về vai trò, vị trí và trách nhiệm cao cả của Đảng trước giai cấp và dân tộc với tư cách là một đảng cầm quyền, một đảng lãnh đạo nhà nước và lãnh đạo xã hội. Đảng vừa giữ vững bản chất là đội tiên phong của giai cấp công nhân với nền tảng tư tưởng là Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm tình hình riêng có của nước ta, phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân.

Đại hội IX của Đảng ta đã tổng kết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”. Việc xác định tư tưởng Hồ Chí Minh

cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng thể hiện sự kiên định về lập trường chính trị của Đảng, đồng thời chỉ ra tinh thần sáng tạo của Đảng ta trong việc vận dụng, bổ sung, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào tình hình thực tiễn Việt Nam.

Cũng trong quá trình đổi mới, Đảng nhận thức sâu sắc hơn và từng bước làm sáng tỏ nhận thức lý luận về vai trò lãnh đạo, trách nhiệm cầm quyền của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Trong môi trường, điều kiện mới, vai trò then chốt của công tác xây dựng Đảng càng thể hiện rõ hơn, có ý nghĩa quyết định hơn. Đó đó, yêu cầu Đảng phải không ngừng xây dựng song song với chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ tài năng, đức độ để đảm bảo lãnh đạo đất nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp dân

giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### ***Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác lý luận***

Cùng với những thành tựu to lớn, cơ bản trên, công tác lý luận thời gian qua cũng còn *một số hạn chế, bất cập*. Có thể khái quát về một số hạn chế, bất cập sau đây:

(1) Công tác lý luận chưa đáp ứng kịp thời những yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển nhanh chóng của công cuộc Đổi mới, chưa giải đáp kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước. Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc điểm riêng có về chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện cụ thể của Việt Nam, v.v... chưa được làm rõ. Do đó, công tác lý luận cũng chưa làm tốt trách nhiệm cung cấp cơ sở khoa học, thực tế cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chưa thực sự thực hiện tốt vai trò dẫn đường, định hướng chính trị cho cả xã hội.

(2) Công tác lý luận còn có biểu hiện ở cả hai khuynh hướng: Khuynh hướng giáo điều, tư biện, xa rời cuộc



sống, xa rời thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc và khuynh hướng chậm đổi mới, thiếu nhạy bén đối với sự phát triển và những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn. Khuynh hướng thứ nhất là kết quả của sự tách rời giữa nghiên cứu với tổng kết thực tiễn, chỉ dựa vào những kiến thức sách vở mà không tích cực đi vào thực tế cuộc sống để phát hiện, tổng kết những kinh nghiệm hay, mô hình tốt, những bài học thực tiễn quý báu. Khuynh hướng thứ hai xuất phát từ sự bảo thủ trong tư duy, bảo thủ đối với các luận điểm lý luận cũ, không nhạy cảm với những vận động, biến đổi nhanh chóng của thực tiễn; cũng là kết quả của sự hạn chế về cập nhật, hạn chế trong chọn lọc và tiếp thu những tri thức, thành tựu nghiên cứu lý luận mới nhất ở trong nước và thế giới.

(3) Công tác nghiên cứu lý luận nói chung còn hạn chế trong quan hệ hợp tác nghiên cứu, tiếp thu và chia sẻ các kết quả nghiên cứu với các đối tác trên thế giới. Hạn chế trong hợp tác với các đối tác nghiên cứu lý luận chính trị trên thế giới dẫn đến sự bất cập của chúng ta trong việc cập nhật những

thành tựu mới về lý luận chính trị của nhân loại, đồng thời cũng làm cho chúng ta giảm thiểu các khả năng chia sẻ quan điểm, tranh thủ sự đồng tình của các học giả tiến bộ, đấu tranh trực diện có hiệu quả chống sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ đường lối, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ ta.

(4) Hạn chế trong dự báo của công tác lý luận là logic không tránh khỏi của những hạn chế, bất cập trong nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, trong phát triển, mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài. Công tác lý luận chưa làm tốt việc dự báo xu hướng vận động, phát triển của các tiến trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước, cũng như sự vận động của các mối quan hệ của khu vực và quốc tế, do đó chưa xây dựng được những cơ sở khoa học và thực tế vững chắc, phục vụ cho Đảng trong việc chủ động, kịp thời xây dựng các chiến lược xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

(5) Công tác lý luận còn hạn chế trong đấu tranh chống sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực thù địch chống phá Đảng, chống phá chế độ và công cuộc đổi mới. Còn ít những công

trình, tác phẩm có sức thuyết phục, đấu tranh phản bác các luận điệu chống phá của kẻ địch. Chưa có các giải pháp kịp thời và có hiệu quả để vạch trần và đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả những biểu hiện sai lầm về nhận thức chính trị ngay trong nội bộ cán bộ, đảng viên.

Những hạn chế trên của công tác lý luận xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Về *khách quan*, sự đổ vỡ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Trung Âu trong những năm 1989 -1991 thực sự đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng lý luận về chủ nghĩa xã hội. Một hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội được phát triển dưới thời kỳ xô viết hầu như cũng bị đổ vỡ hoặc bị tước bỏ cơ sở thực tiễn. Nhiều vấn đề của Chủ nghĩa Mác - Lênin bị các nhà nghiên cứu đặt lên bàn cân để xem xét lại về giá trị và ý nghĩa thực tế. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội nhân cơ hội này lớn tiếng phủ nhận hoàn toàn giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và học thuyết về chủ nghĩa xã hội. Một số nước còn trụ vững định hướng xã hội

chủ nghĩa sau sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới cũng lâm vào những khó khăn, lúng túng về lý luận. Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi tình hình ấy. Trên thực tế, Đảng ta đã một lần nữa vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào tình hình cụ thể của Việt Nam, hoàn thiện dần dần những nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đưa đất nước vượt qua thử thách khó khăn, phức tạp để dành được những thành tựu có tính lịch sử trong công cuộc đổi mới.

Về *chủ quan*, có thể nói những hạn chế của công tác lý luận xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

(1) Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác lý luận, chưa coi trọng công tác lý luận. Không ít cán bộ, đảng viên không chịu học tập, nâng cao nhận thức lý luận chính trị, thậm chí coi thường lý luận. Do đó, công tác lý luận chưa được quan tâm thích đáng từ việc chỉ đạo, định hướng hoạt động nghiên cứu, tổng kết, việc

tạo dựng các cơ sở, điều kiện cho hoạt động lý luận, đến việc xem xét, đánh giá và tiếp thu các kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận.

(2) Môi trường nghiên cứu lý luận chính trị vẫn còn không ít hạn chế, trở ngại. Dân chủ trong nghiên cứu lý luận chưa được phát huy đầy đủ. Có lúc, có nơi, nghiên cứu lý luận chưa được đối xử thật sự khoa học, thậm chí có trường hợp còn bị quy chụp về chính trị, nhất là đối với những quan điểm, nhận thức lý luận khác với những quan điểm, nhận thức hiện hành.

(3) Đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận còn bất cập cả về số lượng và chất lượng. Thiếu vắng đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Môi trường, điều kiện làm việc, cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho những người làm công tác nghiên cứu lý luận còn khó khăn, thiếu thốn, không đồng bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lý luận khó khăn, hạn chế trong điều kiện kinh tế thị trường. Nhiều cán bộ nghiên cứu lý luận hạn chế về năng lực, phương pháp nghiên cứu lạc hậu, hạn chế về ngoại ngữ. Cơ chế sử dụng cán bộ nghiên cứu lý luận còn cứng nhắc, chưa có những giải pháp đột

phá nhằm động viên, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ lý luận.

(4) Tổ chức hệ thống các cơ quan nghiên cứu lý luận còn bất hợp lý, vừa thiếu lại vừa thừa do trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ, không chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn. Chưa có cơ chế gắn kết các cơ quan nghiên cứu khoa học theo mục tiêu chung. Hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tế chưa gắn bó chặt chẽ với yêu cầu về hoạch định chính sách.

(5) Hệ thống chế độ, chính sách về công tác lý luận chưa hoàn thiện, còn nhiều bất cập. Vấn đề phân bổ nguồn lực và quản lý tài chính trong nghiên cứu khoa học tuy đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều khâu, nhiều thủ tục phức tạp, chưa sát với yêu cầu về chất lượng khoa học, hiệu quả kinh tế - xã hội. Yêu cầu và các biện pháp quản lý chưa thống nhất, đồng bộ giữa một số cơ quan quản lý nhà nước...

## **2. Những vấn đề đang đặt ra cho công tác lý luận hiện nay**

Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh, “Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt

ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn”<sup>3</sup>.

Tình hình cũng đòi hỏi công tác lý luận của Đảng cần được tiếp tục đổi mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy

nhiên để xác định được các nội dung, yêu cầu và giải pháp nhằm đổi mới công tác lý luận, cần thiết phải làm rõ những vấn đề gì đang đặt ra cho lĩnh vực này.

### ***Vấn đề chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn***

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI trình Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra rằng: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa

làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội

và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số

### **Công tác lý luận của Đảng cần được tiếp tục đổi mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.**

vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”<sup>4</sup>. Sự bất cập mà Báo cáo Chính trị chỉ ra chính là hạn chế về chất lượng của công tác lý luận, thể hiện ở việc chưa nghiên cứu, tổng kết kịp thời để làm rõ một số

vấn đề đặt ra trong thực tế công cuộc đổi mới. Hạn chế về chất lượng công tác lý luận, *nhất là hạn chế, bất cập trong tổng kết thực tiễn*, là hệ quả tất yếu của những hạn chế về nội dung, phương pháp nghiên cứu lý luận, cách thức đặt hàng, quản lý hoạt động nghiên cứu, từ những hạn chế chất lượng các công trình, đề tài nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và cả chất lượng của nhiều hội nghị, hội thảo khoa học lý luận.

***Vấn đề nghiên cứu, tiếp nhận có chọn lọc các thành tựu lý luận, các học thuyết khoa học, các bài học kinh nghiệm về phát triển của nhân loại***

Có một thời kỳ dài do mặc cảm về ý thức hệ và yêu cầu khắc nghiệt của chiến tranh, hầu như chúng ta đóng cửa với những phát triển lý luận chính trị của thế giới nếu không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi những quan điểm chính thống của các nhà nghiên cứu xô-viết. Trong thời kỳ đổi mới, với tinh thần mở cửa hội nhập quốc tế, chúng ta đã có nhiều đổi mới về nhận thức trong vấn đề nghiên cứu, chắt lọc những thành tựu nghiên cứu, tổng kết lý luận của nhân loại, nhất là những vấn đề về kinh tế. Đây là xu hướng khách quan, khoa học, theo đúng phương pháp luận mác xít.

Trong điều kiện ngày nay, khi mà cuộc các mạng khoa học - công nghệ và tiến trình toàn cầu hóa diễn ra vô cùng nhanh chóng, tác động hàng ngày, hàng giờ đến mọi quốc gia, dân tộc, vấn đề nghiên cứu, tiếp nhận có chọn lọc các thành tựu lý luận, các học thuyết khoa học, các bài học kinh

nghiệm về phát triển của nhân loại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Đó là phương pháp thông minh để phát triển, hay như cách nói khác, “đứng trên vai” của người khác để thực hiện thành công mục tiêu cộng sản chân chính. Tuy nhiên trên thực tế, vấn đề nghiên cứu, tiếp thu chọn lọc tinh hoa về lý luận của nhân loại hầu như còn chậm, chưa cập nhật kịp thời nhiều thành tựu nghiên cứu, bài học phát triển của thế giới, chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế về kinh tế, chính trị và nhiều lĩnh vực khác của chính chúng ta.

***Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ nghiên cứu lý luận***

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thực tế đời sống xã hội đã có nhiều thay đổi to lớn, kéo theo những thay đổi về vị trí lao động, việc làm. Từ vị trí trong top đầu của ưu tiên lựa chọn công việc, ngày nay, công tác nghiên cứu, giảng dạy về lý luận hầu như đã xuống vị trí rất thấp, thay vào đó là các ưu tiên cho ngành nghề, công việc liên quan đến kinh doanh, kinh tế. Tình trạng chung hiện nay cho thấy đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy

về lý luận của ta thiếu cả về số lượng và chất lượng, nhất là sự thiếu hụt đội ngũ cán bộ đầu đàn, chuyên gia trình độ cao. Cùng với sự thiếu hụt về số lượng, tư tưởng của cán bộ lý luận cũng có vấn đề. Một bộ phận cán bộ nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị nhưng không tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, còn nghi ngờ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đào tạo ban đầu ở trình độ đại học về các môn chính trị cũng có vấn đề, do các chuyên ngành lý luận chính trị không còn sức hấp dẫn đối với thanh niên. Chương trình giảng dạy về chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng đã bị thu hẹp lại. Việc tuyển sinh đi đào tạo ở nước ngoài về lĩnh vực lý luận chính trị chưa chặt chẽ, chưa thống nhất trong cả hệ thống, phụ thuộc nhiều vào học bổng của nước ngoài. Việc tuyển dụng sinh viên các chuyên ngành lý luận chính trị ra trường vào các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy cũng còn nhiều vướng mắc, hạn chế.

Việc sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận cũng gặp những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Việc sử dụng cán bộ

nghiên cứu lý luận khi đã hết tuổi lao động theo luật lao động không rõ ràng, không thống nhất về điều kiện, chế độ. Các điều kiện làm việc của cán bộ lý luận còn nhiều hạn chế, nhất là cơ sở hạ tầng thông tin khoa học, chế độ nhuận bút...

***Vấn đề cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho công tác lý luận của Đảng mang lại hiệu quả mong đợi***

Nghiên cứu lý luận là một khoa học đặc thù. Đặc biệt, hoạt động nghiên cứu khoa học về lý luận lại diễn ra trong điều kiện các tiến trình xã hội liên tục vận động, vì thế, việc đưa ra đánh giá về tính chất của thực tiễn xã hội là vô cùng khó khăn. Khi nói về tính chất, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong bức thư gửi cho K.Smith, Ph.Ăng-ghe-n đã cho rằng “đó là vấn đề khó khăn nhất trong tất cả các vấn đề, vì *các điều kiện biến đổi không ngừng*”. Mặt khác, việc minh chứng cho sự đúng đắn của các kết quả nghiên cứu lý luận phần lớn phải đòi hỏi có thời gian, thậm chí thời gian khá lâu. Vì thế, hoạt động nghiên cứu lý luận cũng đòi hỏi phải được ứng xử khoa học, phù hợp với tính chất của nó. Nói cách khác, môi trường chính

trị - xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển lý luận. Tuy nhiên, nhận thức về lý luận của nhiều cán bộ, cấp ủy chưa ngang tầm với yêu cầu. Thiếu các cơ chế đánh giá thực sự khoa học, khách quan, các quy định pháp lý bảo đảm về mặt khoa học cho các kết quả nghiên cứu, cũng như bảo vệ những người nghiên cứu lý luận. Một số kết quả nghiên cứu khoa học, ý kiến phản biện còn bị đánh giá quá khắt khe, nhiều khi có những quy kết có tính chính trị bất lợi cho các tác giả. *Đặc biệt là chưa có cơ chế để kịp thời đánh giá, kết luận và đưa các kết quả nghiên cứu lý luận vào đường lối, chính sách.* Ngay trong Báo cáo Chính trị của Đại hội XII cũng đã chỉ ra một số hạn chế về công tác xây dựng Đảng, những yếu tố cơ bản quy định công tác nghiên cứu lý luận: “Chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng... Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương. Chưa thật sự phát huy dân chủ trong Đảng...”<sup>5</sup>.

### **3. Một số giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với công tác lý luận của Đảng**

Từ thực tế và các vấn đề đặt ra trên đây, có thể nêu lên một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lý luận, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

#### ***Đổi mới nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược về công tác lý luận***

Việc đổi mới nhận thức về công tác lý luận đặt ra trước hết đối với *đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, những người đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước trong việc hiểu đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng và tính chất của công tác lý luận trong xây dựng, phát triển đất nước.* Đây là điều kiện quyết định không chỉ để có một môi trường tích cực cho việc phát triển lý luận, mà quan trọng hơn là nhằm hai mục đích lớn hơn. *Mục đích thứ nhất, từ nhận thức đúng đắn về lý luận, đội ngũ cán bộ chiến lược của Đảng sẽ ý thức đầy đủ hơn trong việc học tập, nghiên cứu, nâng cao sự hiểu biết có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng những thành tựu lý luận Mác xít hiện đại.* Đến lượt nó, đó

chính là cơ sở để củng cố niềm tin, lý tưởng và ý thức chính trị cho cán bộ. *Mục đích thứ hai*, giúp đội ngũ cán bộ chiến lược quan tâm đúng mức đến công tác tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tế, tiếp nhận và vận dụng những thành tựu lý luận mới vào thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

***Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn***

Về nội dung, kết hợp tốt 5 phương hướng nghiên cứu. *Phương hướng thứ nhất*, tiếp tục đào sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định được những giá trị đúng đắn, những vấn đề phương pháp luận cốt lõi, những vấn đề lịch sử đã vượt qua. *Phương hướng thứ hai*, mở rộng việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu lý luận của nhân loại, những bài học thành công, thất bại của phong trào công nhân, cộng sản, của

chủ nghĩa xã hội hiện thực và những thành tựu lý luận khác của nhân loại, theo phương châm tận dụng tốt nhất những giá trị tích cực của nhân loại, phục vụ cho lợi ích dân tộc, cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Phương hướng thứ ba*, tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn và truyền bá sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân những giá trị sáng tạo to lớn của Người về vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. *Phương hướng thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu gắn với tổng kết thực tế, đặc biệt là các mô hình hay, những kinh nghiệm

tốt trong việc giải quyết các mối quan hệ lớn, cập nhật và làm rõ những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, phát hiện và phản biện kịp thời những chính sách không còn phù hợp. *Thứ năm*, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tế, tiếp tục làm sáng tỏ hơn mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, luận

**Việc đổi mới nhận thức về công tác lý luận đặt ra trước hết đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, những người đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước trong việc hiểu đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng và tính chất của công tác lý luận trong xây dựng, phát triển đất nước.**



giải và làm rõ những vấn đề thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước đang đặt ra, xây dựng cơ sở khoa học và thực tế phục vụ tốt cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Để thực hiện tốt 5 phương hướng trên, cần thực sự đổi mới tư duy lý luận, đổi mới phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, vận dụng những phương pháp, cách tiếp cận hiện đại. Đặc biệt, “các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở” phải “đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc” theo yêu cầu mà Đại hội XII của Đảng đề ra là “khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm”<sup>6</sup>. Những phương pháp, phong cách đó là cần thiết đối với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nói chung, đồng thời cũng là điều kiện cần thiết cho việc đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu, phát triển lý luận nói riêng.

***Đổi mới tổ chức hệ thống các cơ quan nghiên cứu và xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận.***

Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ yêu cầu: “Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động,

nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành”<sup>7</sup>. Trên thực tế, mô hình tổ chức các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng đã được hình thành trong quá trình Đổi mới, đến nay chưa có thay đổi, cơ chế vận hành của hệ thống có những chuyển biến nhất định nhưng nhiều vấn đề chưa rõ ràng, nhất là cơ chế vận hành, sự phân định trách nhiệm, các điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, quan hệ giữa các cơ quan nghiên cứu trong cả nước. Hoạt động nghiên cứu, phát triển lý luận còn tách rời với hoạt động tham mưu về chính sách. Vì thế, việc đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế vận hành của các cơ quan nghiên cứu, phát triển lý luận theo tinh thần Đại hội XII của Đảng là cấp bách.

Việc xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận, từ công tác đào tạo ban đầu, đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, đến chế độ sử dụng, đãi ngộ với cán bộ nghiên cứu lý luận nhất là cán bộ khoa học đầu ngành cần được đổi mới đồng bộ. Cần có chính sách thu

hút nhân tài vào các ngành đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị thông qua chính sách đãi ngộ thích đáng và nhiều biện pháp ưu đãi khác. Đối với các chuyên gia đầu ngành, cần có chính sách sử dụng thống nhất, chế độ đãi ngộ thích hợp, khuyến khích đối với các thành tựu nghiên cứu. Cần có chính sách sử dụng, khai thác hợp lý đối với những cán bộ, chuyên gia lý luận đã quá tuổi lao động nhưng còn có sức khỏe và năng lực làm việc tốt.

### ***Đổi mới về cơ chế, chính sách, chế độ trong công tác lý luận***

Cần thiết phải đổi mới chính sách đầu tư, phân bổ nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và điều kiện làm việc cho công tác nghiên cứu lý luận. Về quản lý tài chính đối với hoạt động

nghiên cứu lý luận cần chuyển sang chế độ đặt hàng, quyết toán đầu tư theo kết quả nghiên cứu, kiên quyết cắt bỏ những khâu thủ tục hành chính, giấy tờ phức tạp và không có ý nghĩa thực tế. Các kết quả nghiên cứu phải có địa chỉ sử dụng hoặc gắn liền với yêu cầu hoạch định chính sách. Cần có sự chỉ đạo, đánh giá chung, thống nhất trong cả hệ thống để tránh sự chồng chéo, trùng lặp đề tài, gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu lý luận cần có chính sách, chế độ đầu tư, đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật như thông tin, tư liệu, thư viện, không gian làm việc cho các cơ quan lý luận, các nhà khoa học, nhất là các chuyên gia đầu ngành ■

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.17-18.

<sup>2</sup> Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

<sup>3,4,5,6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, sđd, tr.75, 67, 198, 51, 201.

# VÌ SAO NHIỀU ĐẠI HỘI ĐẢNG NHẬN ĐỊNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, TỔNG KẾT THỰC TIỄN NHÌN CHUNG VẪN CHƯA ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU

● GS.TS. LÊ HỮU NGHĨA

*Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

Công tác lý luận của Đảng gồm nhiều nội dung, trong đó nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn là những nội dung chủ yếu, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn là cơ sở cho việc xây dựng, phát triển lý luận, cơ sở cho công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận, đấu tranh tư tưởng - lý luận, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền tảng tư tưởng của Đảng, về lý tưởng, đường lối cách mạng của Đảng, về chính sách, pháp luật của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**1. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn: thực trạng và nguyên nhân**

Trong những năm đổi mới, công tác lý luận nói chung, công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nói riêng luôn được Đảng ta quan tâm. Trong các Văn kiện Đại hội Đảng và nhiều Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương (như Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới; Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới) đã có những đánh giá sâu sắc về lĩnh vực công tác này. Đặc biệt, Bộ Chính trị đã ban hành hai nghị quyết quan trọng về công tác lý luận: Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28-3-1992 của Bộ Chính trị khóa VII

về “*Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9-10-2014 của Bộ Chính trị khóa XI “*Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*”.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, công tác lý luận, việc tổ chức, triển khai nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong thời kỳ đổi mới đã có những *bước phát triển*, “góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước”<sup>1</sup> như Văn kiện Đại hội XII đã nhận định.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, các văn kiện của Đảng cũng đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, bất cập của công tác lý luận nói chung, trong đó có việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX nhận định: “Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ

những vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội”<sup>2</sup>.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X nhận định: “Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới”<sup>3</sup>.

Còn Văn kiện Đại hội lần thứ XI nhận định: “Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>4</sup>.

Tiếp theo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII cũng nhận định: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới”, “công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học trong hoạch định đường lối của

Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”<sup>5</sup>.

Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đánh giá khái quát những hạn chế, khuyết điểm của công tác lý luận là “nhìn chung, lý luận còn lạc hậu, tính dự báo thấp, kết quả nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn”.

Như vậy, những khuyết điểm, bất cập của công tác lý luận đã được Đảng ta chỉ ra từ lâu, đã tồn tại kéo dài quá nhiều nhiệm kỳ, song vẫn chưa khắc phục được một cách cơ bản. Sự lạc hậu, yếu kém của lý luận đã làm hạn chế vai trò dẫn đường, tiên phong của lý luận, làm hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng, đi ngược lại với chỉ dẫn của V.I.Lênin: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”, “chỉ có đảng nào có lý luận tiên phong thì mới làm tròn vai trò người chiến sĩ tiên phong”.

*Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm:* bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

- *Về khách quan:* Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại với quy mô và tầm vóc to lớn, chưa có tiền lệ trong lịch sử và chưa có sự chuẩn bị về lý luận. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu càng nảy sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp, “hóc búa” về lý luận và thực tiễn không có sẵn trong di sản kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nên không thể giải quyết ngay một sớm một chiều. Mặt khác, công cuộc đổi mới của nước ta diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường, khó đoán định. Hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng đi vào chiều sâu, chúng ta không chỉ có thuận lợi mà còn phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức. Chúng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận, song vẫn chưa đủ. Trong thời kỳ kháng chiến chống ngoại xâm, Đảng ta tập trung nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về chiến tranh nhân dân, về kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nên ít có điều kiện nghiên cứu lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ sau 1954 đến trước khi đổi mới 1986,

Đảng ta cũng đã tiến hành tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trước tiên là ở miền Bắc sau đó là trong cả nước, đã xây dựng đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, lý luận và đường lối khi đó chịu ảnh hưởng nặng của mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp nên sang thời kỳ đổi mới, rất nhiều điểm không còn phù hợp. Rõ ràng, sự nghiệp đổi mới đòi hỏi và tạo điều kiện khách quan cho sự phát triển lý luận, cho nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

- Về chủ quan, có nhiều nguyên nhân

*Thứ nhất, nhiều cấp ủy, chính quyền, cán bộ và đảng viên chưa thực sự coi trọng lý luận và công tác lý luận, chưa nhận thức đầy đủ, đúng tầm vai trò của tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.*

Các văn kiện của Đảng thời kỳ đổi mới đều yêu cầu các cấp ủy đảng phải coi trọng lý luận và công tác lý luận, đổi mới tư duy lý luận, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh khi xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Tuy

nhiên, trong thực tế không ít cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên ở Trung ương và địa phương chưa thực sự coi trọng lý luận, chưa coi lý luận là cái thiết thân đối với mình, nếu không muốn nói là xem thường lý luận. Nhiều cán bộ lãnh đạo được đi học cao cấp lý luận chính trị, nhưng nhiều người đi học với động cơ để “trang trí” cho có bằng cấp, làm điều kiện cho quy hoạch hoặc bổ nhiệm. Học lý luận mà không hiểu, không nắm được linh hồn của lý luận, không biến lý luận thành phương pháp nhận thức, phương pháp hành động, phương pháp công tác. Nhiều cán bộ còn nặng về tư duy kinh nghiệm, tầm nhìn hạn hẹp, tổ chức công việc lúng túng, thiếu bài bản, thiếu khoa học.

Còn thiếu những quy chế, quy định mang tính pháp lý để gắn kết hữu cơ việc nghiên cứu lý luận, xây dựng chủ trương, cơ chế, chính sách với tổng kết thực tiễn. Nguyên nhân sâu xa là do nhận thức không đầy đủ về mối quan hệ biện chứng giữa lý luận, cơ chế, chính sách và thực tiễn, thiếu gắn bó mật thiết giữa nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, giữa cán bộ lý luận và cán bộ thực tiễn. Công tác chỉ đạo

và tổ chức tổng kết thực tiễn trong không ít trường hợp còn hạn chế; mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng tổng kết nhiều khi xác định không đầy đủ, chưa phản ánh đúng yêu cầu của thực tiễn; phương pháp tổ chức tổng kết thực tiễn nhiều khi chưa bảo đảm tính khoa học, có khi còn “xuôi chiều”, chủ yếu mang tính kiểm điểm ưu khuyết hoặc báo cáo thành tích, đánh giá nửa vời, không đầy đủ và sâu sắc về các mặt nhất là về yếu kém, khuyết điểm, không chỉ ra được nguyên nhân thực sự và xu hướng biến đổi của tình hình, không làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu, không rút ra được những vấn đề có tính lý luận, bệnh kinh nghiệm, bệnh thành tích tác động đến nhiều cuộc tổng kết thực tiễn.

*Thứ hai, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu so với thực tiễn. Đây vừa là thực trạng, vừa là nguyên nhân của những hạn chế trong nghiên cứu lý luận và công tác lý luận nói chung.*

Trước những biến đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực cùng với những thay đổi của tình hình đất nước, công tác nghiên cứu lý luận bộc lộ những yếu kém, bất cập,

chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Trong nghiên cứu lý luận, chưa đi sâu vào những vấn đề gay gắt của thực tiễn và nhận thức, còn né tránh sự thật, nhất là những sự thật gai góc, yếu kém, khuyết điểm, lảng tránh những vấn đề nhạy cảm do sợ đụng chạm. Vì vậy nhiều vấn đề nghiên cứu không đến nơi đến chốn, không triệt để, không dám đi đến tận cùng của chân lý. Trong nghiên cứu lý luận vẫn còn tình trạng chưa mạnh dạn, thiếu bản lĩnh, chưa nói đã sợ sai với quan điểm của Đảng, vẫn còn khuôn sáo trong những lý luận đã có, trong sách vở, trong nghị quyết... Nhiều vấn đề lý luận tuy có rất nhiều đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, ngành nghiên cứu trong những giai đoạn vừa qua nhưng ít có cái mới thực sự, ít có những điểm đột phá, nhiều khi “xào xáo” cái cũ lại để nghiệm thu, còn trong nghiệm thu đề tài tình trạng nể nang, dong công phóng điểm khá phổ biến.

Tình trạng trên đây có phần do trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lý luận, nhưng cũng có phần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác lý luận, chưa phát

huy mạnh mẽ tiềm năng trí tuệ của đội ngũ này. Có thể nói Đảng chưa thực sự coi nghiên cứu lý luận, công tác lý luận như một công việc thiết thân của mình, gắn với sinh mệnh chính trị của Đảng, “chưa đặt đúng mức việc chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận trong giai đoạn mới”<sup>6</sup>.

*Thứ ba, đội ngũ cán bộ lý luận đông nhưng không mạnh, còn ít chuyên gia lý luận đầu đàn trên các lĩnh vực.*

Đây là nhận định của Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 9-10-2014 của Bộ Chính trị.

Trong những năm đổi mới chúng ta đã đào tạo một đội ngũ đông đảo cán bộ lý luận công tác ở các Học viện, Viện nghiên cứu, trường đại học, các trung tâm... Đội ngũ cán bộ này nhìn chung có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, được đào tạo về chuyên môn, tâm huyết với nghề nghiệp. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ lý luận còn nhiều bất cập, hổng hụt, số cán bộ trẻ chưa thay thế được cán bộ nhiều tuổi; số cán bộ có học vị (thạc sĩ, tiến sĩ), học hàm (PGS, GS) tăng lên nhưng chất lượng khoa học chưa tăng.

Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28-3-1992 của Bộ Chính trị về công tác lý luận nhận định: “Đội ngũ cán bộ lý luận chưa đồng bộ và nói chung trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt là còn rất thiếu những chuyên gia lý luận đầu đàn trên các lĩnh vực trọng yếu”. Đến nay sau hơn 20 năm, nhận định này vẫn còn đúng. Nhìn chung đội ngũ cán bộ lý luận hiện nay còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, lòng nhiệt tình, sự say mê nghiên cứu bị chi phối bởi nhiều nhân tố, nhất là tác động của mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đội ngũ bị hổng hụt, tiềm lực khoa học mỏng, hầu như chưa có cán bộ đầu đàn tầm cỡ quốc tế; trình độ ngoại ngữ yếu kém, số cán bộ có thể tự tham gia tranh luận trong các hội thảo quốc tế bằng ngoại ngữ rất hiếm, số người có thể thuyết giảng bằng ngoại ngữ lại càng hiếm hơn. Số các bài báo về khoa học xã hội được đăng trên các tạp chí quốc tế, nhất là các tạp chí thuộc diện chỉ số ISI, Scopus... gần đây có tăng lên do sự đầu tư, hỗ trợ của quỹ NAFOSTED song vẫn còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Trong các



trường đại học, cao đẳng, số giáo viên các môn lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ nhỏ (khoảng 6% trong ngành) nhưng phải đảm nhiệm một khối lượng giảng dạy lớn (khoảng hơn 10% tổng số giờ của chương trình) nên chỉ tập trung vào giảng dạy, ít có điều kiện thời gian nghiên cứu khoa học. Số cán bộ khoa học nghỉ hưu hằng năm (khoảng 10%) nhưng thiếu nguồn cán bộ có chất lượng bổ sung thay thế (gần đây thực hiện Nghị định của Chính phủ về kéo dài tuổi làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trong các cơ sở giáo dục đại học nên tỷ lệ cán bộ nghỉ hưu có giảm đi). Số giảng viên có học hàm, học vị tập trung chủ yếu ở các Học viện, Viện nghiên cứu, Trường đại học lớn ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ở các trường chính trị tỉnh, thành phố, lực lượng giảng viên lý luận chính trị rất mỏng, nhiều trường không có tiến sĩ, bổ sung rất khó khăn.

Điều kiện làm việc, nghiên cứu của các cơ quan lý luận và cán bộ lý luận (về cơ sở vật chất, thư viện, sách báo, thông tin, về cơ chế, chính sách tài chính, về môi trường học thuật...) còn nhiều khó khăn, bất cập. Lương bổng,

chế độ đãi ngộ vẫn khuyến khích cán bộ đi vào con đường thăng quan tiến chức hơn là đi sâu vào chuyên môn, trở thành chuyên gia khoa học giỏi.

*Thứ tư, phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận còn hạn chế, bất cập*

Lý luận khoa học, do bản chất của nó chỉ có thể tồn tại, phát triển trong môi trường dân chủ. Dân chủ là động lực của lý luận khoa học, là không khí của nhà khoa học. Không có dân chủ thì không có sáng tạo, không có đột phá, không có cái mới trong nghiên cứu lý luận; khoa học lý luận sẽ cằn cỗi, xơ cứng, thiếu sức sống.

Nhận thức đúng vấn đề trên đây, Đảng ta đã sớm coi trọng việc phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận. Trong rất nhiều nghị quyết, Đảng yêu cầu phải “tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận. Khẩn trương ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị”<sup>7</sup>.

Nhưng đáng tiếc, do nhiều nguyên nhân khác nhau từ sau Đại hội VII (1991) cho đến nay quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị chưa

được ban hành. Gần đây, ngày 25-4-2015 Bộ Chính trị khóa XI có ban hành “*Quy định về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan Đảng, Nhà nước*”.

Do đó như Nghị quyết 37-NQ/TW nhận định phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị còn có mặt hạn chế, bất cập. Vẫn còn tình trạng nhà nghiên cứu không dám nói thẳng nói thật vì sợ bị quy chụp về quan điểm, né tránh những điều gai góc, những vấn đề nhạy cảm, ít thảo luận, trao đổi đối thoại thẳng thắn, đôi khi nặng về minh họa cho đường lối, không phát huy tự do tư tưởng... Đây là một nguyên nhân quan trọng của sự lạc hậu, bất cập của lý luận và công tác lý luận.

*Thứ năm, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức và quản lý các hoạt động lý luận còn nhiều bất cập.* Thiếu gắn bó mật thiết giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa cán bộ lý luận với cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, giữa công tác nghiên cứu lý luận với công tác giảng dạy, tuyên truyền lý luận, đấu

tranh phê phán những quan điểm sai trái trong điều kiện bùng nổ thông tin, mạng internet, mạng xã hội.

## 2. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp

### (1) Một số vấn đề đặt ra

*Thứ nhất,* cần nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện

mới, không ngừng làm giàu trí tuệ bằng tinh hoa văn hóa của nhân loại và của dân tộc.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là trung thành trên câu chữ mà trung thành trong bản chất khoa học và cách mạng của nó, trung

**Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là trung thành trên câu chữ mà trung thành trong bản chất khoa học và cách mạng của nó, trung thành với linh hồn sống của nó là phép biện chứng.**

thành với linh hồn sống của nó là phép biện chứng. Bản thân sự trung thành đòi hỏi, yêu cầu, giả định phải nhận thức và vận dụng, phát triển sáng tạo. Kiên định nhưng phải sáng tạo, sáng tạo trên cơ sở kiên định. Cần phải khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, cực đoan, phiến diện, bảo thủ trì trệ trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực về vận dụng một cách

sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, coi trọng việc kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chúng ta trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin không phải theo tinh thần biệt phái, định kiến với các trào lưu tư tưởng khác. Chủ nghĩa xã hội phải hấp thu vào trong mình tất cả những tinh hoa của văn hóa nhân loại. Trước đây Lênin đã từng nói, chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí tuệ của mình bằng tri thức của nhân loại. Đặc biệt ngày nay, trong một thế giới phẳng, toàn cầu hóa thì việc nghiên cứu, chắt lọc, kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại, kể cả những học thuyết ngoài mác xít, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong nghiên cứu, phát triển lý luận, làm phong phú lý luận của chúng ta. Đừng để sự khác biệt về ý thức hệ cản trở chúng ta trong việc kế thừa giá trị tích cực trong văn hóa của nhân loại.

*Thứ hai*, thực sự quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, phải lấy thực tiễn làm điểm xuất phát và điểm đến của nghiên cứu lý luận.

Nguyên nhân về mặt phương pháp luận của tình trạng yếu kém, bất cập của nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, chính là sự tách rời giữa lý luận và thực tiễn. Nếu tách rời thực tiễn và tổng kết thực tiễn không bám sát thực tiễn, không theo kịp sự vận động, biến đổi của thực tiễn thì nghiên cứu lý luận sẽ rơi vào tình trạng giáo điều, sách vở, thuyết lý chung chung, dừng lại ở những công thức đã có sẵn, ít có cái mới, đột phá, lý luận thiếu sức sống, thiếu tính thuyết phục. Mặt khác, nếu xa rời lý luận, không nắm vững linh hồn sống của lý luận, thì tổng kết thực tiễn, việc đề ra các chính sách cho thực tiễn sẽ thiếu chiều sâu, không đi vào được bản chất, quy luật vận động của thực tiễn, “hồn cốt” của thực tiễn, sẽ rơi vào tình trạng mô tả bề mặt, bề nổi của đời sống thực tiễn.

Như vậy thực tiễn và lý luận, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận tự chúng đòi hỏi phải có nhau, giả định lẫn nhau. Tuy nhiên trong mối quan hệ đó, thực tiễn phải là điểm xuất phát và điểm đến của nghiên cứu lý luận vì thực tiễn là cơ sở và mục đích của nhận thức. Theo Lênin, quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan

điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức. Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”<sup>8</sup>. Chúng ta có lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là một thuận lợi rất quan trọng, song chưa đủ. Chúng ta phải thường xuyên bám sát thực tiễn, nắm bắt thực tiễn, kịp thời phát hiện những vấn đề, những mâu thuẫn, những điểm nghẽn cản trở sự phát triển; phải chú trọng nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng kết thực tiễn để làm rõ các vấn đề lý luận còn chưa sáng tỏ. Không nắm bắt, bám sát, tổng kết thực tiễn, thì không thể bổ sung, phát triển lý luận, lý luận sẽ trở nên lạc hậu, xơ cứng, thiếu sức sống. Tổng kết thực tiễn phải được coi là phương pháp căn bản để bổ sung, phát triển lý luận, tìm lời giải cho lý luận. Trước đây chính các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã dạy rằng những vấn đề đẩy lý luận vào con đường bế tắc chỉ có thể tìm thấy cách giải quyết từ trong thực tiễn.

*Thứ ba*, nghiên cứu, tư vấn về chính sách - khâu quan trọng để gắn kết lý luận với thực tiễn.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, các quyết sách lãnh đạo của Đảng được cụ thể hóa thành đường lối, chính sách, pháp luật để đi vào cuộc sống. Nghiên cứu lý luận nhất là lý luận chính trị, một mặt nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách, mặt khác, qua đó phát hiện, nắm bắt được những vấn đề của đường lối, chính sách, những vướng mắc, yêu cầu của chính sách để giải quyết. Nghiên cứu lý luận chính trị nếu không gắn chặt với việc nghiên cứu, tư vấn về chính sách sẽ làm cho lý luận một mặt xa rời thực tiễn, mặt khác chính sách thiếu hàm lượng lý luận, dẫn đến tình trạng “lý luận trên trời, cuộc đời dưới đất, chính sách lơ lửng trên không trung”. Lý luận - chính sách - thực tiễn là những vòng khâu có quan hệ chặt chẽ với nhau. Lý luận muốn đi vào thực tiễn phải qua khâu nghiên cứu, tư vấn, xây dựng chính sách. Nghiên cứu chính sách là thiết kế phương thức để cho lý luận, đường lối của Đảng có thể thực hiện được trong thực tiễn. Mỗi

quan hệ đó cần phải được thể hiện thành mối quan hệ về mặt tổ chức giữa các cơ quan nghiên cứu lý luận, tham mưu, tư vấn chính sách, hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện.

### **(2) Một số giải pháp chủ yếu**

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận.

Như Nghị quyết số 37 của Bộ Chính trị khóa XI đã khẳng định “Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải quan tâm *đặc biệt* đến công tác lý luận, tổng kết thực tiễn”. Đảng phải coi công tác lý luận là công việc thiết thân đối với Đảng, tạo tiềm lực lâu dài, sức mạnh nội sinh của Đảng; phải coi xây dựng Đảng về lý luận là một nhiệm vụ quan trọng của xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng.

Nghị quyết 37 cũng đã chỉ ra: Đảng lãnh đạo công tác lý luận bằng việc xác định quan điểm, phương hướng nghiên cứu; định hướng việc xây dựng các cơ quan nghiên cứu, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, xây dựng chính sách khuyến khích tài năng và lao động sáng tạo; giao thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu; tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động nghiên cứu lý luận. Tổ chức, thu hút cán bộ khoa học

và các cơ quan khoa học tham gia tích cực vào quá trình hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

*Hai là*, tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, các chuyên gia đầu ngành, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cho cán bộ.

Đảng, Nhà nước cần quan tâm mạnh mẽ đến việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận cả về quan điểm, nhận thức; về bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức; về lãnh đạo, quản lý; về chủ trương, chính sách, cơ chế; cần có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thích đáng, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của các nhà khoa học, hướng các nhà khoa học đi sâu vào chuyên môn, thành những chuyên gia giỏi.

Cần đổi mới căn bản công tác đào tạo cán bộ lý luận từ quy hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp đến quy chế tuyển chọn, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, chú trọng cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng nhằm hình thành và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi, đội ngũ cán bộ đầu đàn, có bản lĩnh chính trị vững

vàng, có kinh nghiệm thực tiễn, có trình độ lý luận cao, giàu khả năng tư duy sáng tạo; đồng thời quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, vừa đáp ứng những nhiệm vụ trước mắt vừa chuẩn bị tiềm lực cho sự phát triển lâu dài trong tương lai.

*Ba là*, phát huy mạnh mẽ dân chủ, khuyến khích tìm tòi sáng tạo trong nghiên cứu lý luận.

Để phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận, từ rất sớm (sau Đại hội VII năm 1991) Đảng ta đã chủ trương phải xây dựng quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị nói riêng, nghiên cứu khoa học xã hội nói chung. Từ đó đến nay Đảng ta kiên trì chủ trương này. Cho đến nay, mặc dù chưa có quy chế dân chủ, song Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành *Quy định về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước* (Quy định số 285-NQ/TW). Quy định đã ghi rõ: “Dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị là bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân được tự do sáng tạo, độc lập suy nghĩ, kiến nghị, được tôn trọng, tiếp thu ý kiến, vận dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu trong các

hoạt động nghiên cứu lý luận chính trị, phù hợp với pháp luật hiện hành”. Mặc dù quy định mới giới hạn trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước, song đây là một bước tiến trong nhận thức của Đảng, tạo cơ sở chính trị quan trọng để phát huy dân chủ, tính sáng tạo trong nghiên cứu lý luận để đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Các cơ quan đảng, nhà nước có chức năng nghiên cứu lý luận chính trị, nhất là các Học viện, Viện nghiên cứu, trường đại học... cần phổ biến, quán triệt quy định này đến lãnh đạo, những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, tuyên truyền về lý luận chính trị nắm vững và vận dụng. Trên cơ sở quy định này có thể tiếp tục nghiên cứu để xây dựng quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội với phạm vi rộng hơn và quy định chi tiết, cụ thể hơn.

Có thể coi việc phát huy mạnh mẽ dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi là *khâu đột phá* trong nghiên cứu lý luận. Dân chủ phải trở thành động lực to lớn cho khám phá, sáng tạo trong lý luận để có những phát hiện mới trong khoa học phát huy tự do tư tưởng trong

nguyên cứu lý luận, đồng thời phải giữ nghiêm kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu không có vùng cấm nhưng việc giảng dạy, tuyên truyền phải theo quy định.

*Bốn là*, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý hoạt động lý luận; kiện toàn hệ thống các cơ quan nghiên cứu lý luận; mở rộng hợp tác quốc tế trong công tác lý luận.

Cần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác lý luận để đóng góp xứng đáng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Cần đổi mới tất cả các khâu của công tác lý luận từ việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu sao cho sát thực tiễn, cụ thể, thiết thực, tránh trùng lặp; xây dựng hệ thống các chương trình, đề tài nghiên cứu các cấp cho phù hợp, đổi mới việc tổ chức, triển khai nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tăng cường tính tự chủ của các tổ chức nghiên cứu, tiếp tục đổi mới việc quản lý tài chính trong nghiên cứu

khoa học, tạo thuận lợi nhất cho các nhà nghiên cứu, đảm bảo các điều kiện vật chất cho công tác nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn; cần chú trọng khâu

đánh giá, nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu, bảo đảm tính khách quan, trung thực khoa học.

Cần nghiên cứu để rà soát, sắp xếp các cơ quan khoa học (các Học viện, Viện Nghiên cứu, trường đại học...) theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chú ý đặc thù của khoa học.

Cần xây dựng cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu

lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa công tác nghiên cứu lý luận và công tác đào tạo, giảng dạy lý luận, giữa cán bộ lý luận và cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lý luận với cơ quan tư vấn, hoạch định chính sách, cơ quan tham mưu, cơ quan chỉ đạo thực tiễn.

Cần tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về lý luận theo hướng

**Cần tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về lý luận theo hướng đa dạng hóa các hình thức hợp tác và các tổ chức hợp tác, nâng cao hiệu quả hợp tác để tiếp cận những thành tựu trí tuệ của thế giới trên nhiều lĩnh vực khác nhau, mở rộng tầm nhìn, tham khảo kinh nghiệm.**

đa dạng hóa các hình thức hợp tác và các tổ chức hợp tác, nâng cao hiệu quả hợp tác để tiếp cận những thành tựu trí tuệ của thế giới trên nhiều lĩnh vực khác nhau, mở rộng tầm nhìn, tham khảo kinh nghiệm. Cần tăng cường nghiên cứu các trào lưu tư tưởng, các lý thuyết mới trên quan điểm khách quan và biện chứng, tiếp thu những giá trị tiến bộ. Khuyến khích các nhà khoa học Việt Nam công bố các bài viết trên các tạp chí nước ngoài, nhất là các tạp

chí trong danh mục tạp chí được xếp hạng thế giới là ISI hoặc Scopus.

Cần tăng cường đưa các nhà khoa học Việt Nam ra nước ngoài học tập, bồi dưỡng, tham gia các hội thảo quốc tế, trao đổi chuyên gia, học thuật, tiếp cận thông tin, hợp tác nghiên cứu với các cơ quan khoa học nước ngoài. Cần chuẩn bị tốt về nhận thức chính trị, chuyên môn, phong cách, ngoại ngữ cho cán bộ trong hợp tác quốc tế về lý luận ■

---

<sup>1,5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.118, 193 và 67.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.78.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.65.

<sup>4,7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.172, 256.

<sup>6</sup> Xem: Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về “nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.273-274.



# NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI: THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● GS.TS VŨ VĂN HIỀN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**T**rong kho tàng lý luận của Đảng và Nhà nước ta, những vấn đề lý luận thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại chiếm vị trí hết sức quan trọng. Hệ thống lý luận đó trở thành những luận cứ để Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chính sách bảo vệ Tổ quốc, ứng phó với mọi biến động của thời cuộc. Điều này thể hiện rất rõ trong từng thời kỳ của cách mạng, nhất là trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua. Có thể nêu bật những đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại thời gian qua trên một số nội dung chính yếu.

## I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

**1. Nhận thức về bảo vệ Tổ quốc của Đảng đã có sự đổi mới, phát triển và ngày càng hoàn thiện**

*Nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

Quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, giữ nước từ khi nước chưa nguy, giữ nước từ thời bình được Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn trong quá trình đổi mới nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược, có mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời; trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, đồng thời rất coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Có xây dựng tốt mới tạo được sức mạnh cho bảo vệ



*Tàu ngầm Kilo và chiến hạm Gepard của hải quân Việt Nam trên vịnh Cam Ranh (Ảnh: IT)*

Tổ quốc, có bảo vệ tốt mới tạo được điều kiện thuận lợi cho xây dựng đất nước. Nhận thức về kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ kinh tế với quốc phòng; quốc phòng với an ninh và đối ngoại ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn. Đảng ta khẳng định: Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Việc nhận thức đúng và cụ thể hóa mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tạo cơ sở quan trọng cho sự

nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc; đồng thời tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước. Nhận thức của Đảng về sự tất yếu có tính quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã khắc phục được một số nhận thức không đúng như: tách rời giữa hai nhiệm vụ chiến lược; chỉ nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế; nhận thức quân sự đơn thuần trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc... Những thành tựu quan

trọng trong giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường quốc phòng, an ninh... trong những năm qua đã chứng tỏ nhận thức đúng đắn của Đảng ta về kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhận thức của Đảng về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn, nhất là về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Ngay từ Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, Đảng ta đã xác định : “Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương”<sup>1</sup>. Quá trình đổi mới, Đảng ta nhận thức cụ thể hơn, hoàn chỉnh hơn về sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; nhấn mạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Đảng nhận thức đối ngoại là một mặt trận quan trọng góp phần ngăn ngừa xung đột vũ trang, chiến tranh, tạo dựng

môi trường hòa bình để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, quốc phòng, an ninh phải thường xuyên kết hợp chặt chẽ với đối ngoại, hợp tác quốc tế; lấy hợp tác là chính, đấu tranh để hợp tác quốc tế tốt hơn, tránh căng thẳng, đối đầu. Đảng không những nhận thức ngày càng đúng hơn về sự kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại mà còn nhấn mạnh: “Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”<sup>2</sup>.

*Nhận thức về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đã phát triển ngày càng phù hợp với tình hình thế giới, khu vực, trong nước, hài hòa giữa nhu cầu bảo vệ và khả năng đất nước, là cơ sở để thống nhất các nguồn lực bảo vệ Tổ quốc*

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng nhận thức về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc một cách toàn diện : “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”<sup>3</sup>.

Đến Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết số 28-NQ/TW khóa XI, tiếp đó là Đại hội XII, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc càng được nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”<sup>4</sup>.

Điểm mới trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là khẳng định rõ nội dung bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và bảo vệ nền văn hóa. Đảng không những nhận thức ngày càng rõ, sâu sắc, toàn diện hơn về nội dung của mục tiêu bảo vệ Tổ quốc, mà còn thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa các nội dung mục tiêu, sự gắn kết giữa hai mặt lịch sử và chính trị - xã hội trong mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

*Nhận thức về quan điểm và phương châm chỉ đạo bảo vệ Tổ quốc của Đảng được phát triển toàn diện, phù hợp với*

*yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra*

Trong quá trình đổi mới, quan điểm bảo vệ Tổ quốc của Đảng ngày càng được bổ sung, phát triển, toàn diện, đầy đủ hơn. Nghị quyết số 28-NQ/TW khóa XI đã xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; mối quan hệ gắn bó giữa mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc với giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược; xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước; giữ vững độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng; nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố gây mất ổn định, nhất là các nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi. Khắc phục các hạn chế trước đây, Đảng đã cụ thể hóa *phương châm chỉ đạo*: Kiên định về mục tiêu, nguyên tắc chiến lược; linh hoạt, mềm dẻo về sách lược. Kiên trì giải quyết

tranh chấp, mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với luật pháp quốc tế; có đối sách phù hợp với từng đối tượng, từng tình huống.

## **2. Xác định xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân là quan điểm cơ bản, nhất quán của Đảng**

Theo quan điểm của Đảng, quốc phòng là công cuộc giữ nước, trước hết là giữ nước trong điều kiện hòa bình và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược. Quốc phòng của ta là quốc phòng toàn dân. Chúng ta xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường, mang tính tự vệ, ngày càng hiện đại. Nhận thức sâu sắc hơn vấn đề xây dựng “thế trận lòng dân” trong xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần, trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong đó xây dựng một số lực lượng tiến lên hiện đại, có số lượng và tổ chức, biên chế hợp lý, chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao; đồng thời, quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên

hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Đã nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò và sự cần thiết xây dựng và ban hành chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự và chiến lược an ninh quốc gia; chủ trương, đối sách về đấu tranh quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc trong thời bình ngày càng rõ, đầy đủ hơn.

Đảng ta luôn nhận thức đúng sức mạnh quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, của các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và nhấn mạnh: lực lượng toàn dân là lực lượng đồng đảo nhất, kịp thời nhất, nhanh nhất và là chỗ dựa vững chắc nhất của quốc phòng, an ninh, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. nhận thức của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng đầy đủ, toàn diện: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng

hợp, sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”<sup>5</sup>. Đảng xác định xây dựng Quân đội nhân dân toàn diện về chính trị, quân sự, tổ chức, vũ khí trang bị,... Xây dựng quân đội về chính trị là cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, bảo đảm quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trong đó, quan trọng nhất là tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội. Xây dựng quân đội về tổ chức tinh, gọn, mạnh. Bảo đảm vũ khí trang bị cho quân đội theo hướng từng bước hiện đại, trong đó một số đơn vị tiến thẳng lên hiện đại như: hải quân, không quân, thông tin, tác chiến điện tử,...

Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, cụ thể hơn về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân. Đảng thường xuyên nhấn mạnh phải xây dựng ngày càng hoàn thiện các nội dung của thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân; nhất là việc điều chỉnh bố trí lực lượng, xây dựng công trình phòng thủ trên các hướng, các địa bàn chiến lược, ưu tiên

xây dựng các công trình phòng thủ biển đảo và thềm lục địa, biên giới, vùng sâu, vùng xa,... Điểm nổi bật trong sự phát triển nhận thức là Đảng đã nhận thức đúng vai trò quan trọng của xây dựng “thể trận lòng dân” và xây dựng các tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc là cơ sở, nền tảng để hình thành thể trận của quân khu và của cả nước. Xây dựng “thể trận lòng dân” làm nền tảng tinh thần cho thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, là khâu đột phá trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Thể trận an ninh nhân dân theo nhận thức của Đảng là: “Tổ chức, bố trí lực lượng tổng hợp, toàn diện của toàn dân phối hợp trong một chiến lược chung để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội”<sup>6</sup>. Đồng thời với bổ sung, phát triển nhận thức về nền an ninh nhân dân, xây dựng thể trận an ninh nhân dân, Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân

dân, thể trận an ninh nhân dân”<sup>7</sup>. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX chỉ rõ: “Củng cố, hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân là một nội dung cơ bản trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc”. Sự gắn kết giữa xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân với xây dựng thể trận an ninh nhân dân thể hiện ở sự gắn kết trong xây dựng khu vực phòng thủ địa phương.

Nhận thức của Đảng về xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia ngày càng rõ ràng, đầy đủ hơn. Trước và trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, các vấn đề cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc đã được hình thành và thể hiện trong các nghị quyết của Đảng, và từ nghị quyết chuyển thành các kế hoạch chiến lược. Việc đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải xây dựng cả hai chiến lược cơ bản của đất nước. Trong khi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã có thì việc xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc thể hiện sự nhận thức đầy đủ của Đảng. Năm 2003, Đảng đã ban hành Nghị quyết Trung

ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết số 28-NQ/TW khóa XI đề ra phương hướng chính trị về bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đề cập cụ thể các vấn đề của chiến lược bảo vệ Tổ quốc như: mục tiêu, quan điểm, phương châm, nhiệm vụ, giải pháp,... Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết số 28-NQ/TW khóa XI đóng vai trò như một trong hai chiến lược cơ bản của đất nước; là cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và chỉ đạo xây dựng các chiến lược chuyên ngành. Đây là sự phát triển mới về tư duy, đánh dấu bước đột phá trong nhận thức và sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

### **3. Nhận thức của Đảng về phương thức bảo vệ Tổ quốc, về đối tác, đối tượng có sự phát triển, phù hợp với tình hình mới**

Phương thức bảo vệ Tổ quốc là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phi vũ trang và đấu tranh vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; nhấn mạnh phương thức “phi vũ trang”, bảo vệ Tổ quốc từ xa, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” và

phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; cụ thể hóa quan điểm chủ động bảo vệ Tổ quốc từ thời bình, giữ nước từ lúc nước chưa nguy; phát triển, hoàn thiện quan điểm “tự bảo vệ” trong điều kiện mới.

Trước những biến động của tình hình thế giới, các thế lực thù địch đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ với những hình thức, thủ đoạn mới..., nhận thức của Đảng về phương thức bảo vệ Tổ quốc được bổ sung, phát triển ngày càng đầy đủ hơn. Theo đó, phương thức bảo vệ Tổ quốc là: Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang và đấu tranh phi vũ trang, kết hợp bảo vệ với xây dựng, lấy xây dựng để bảo vệ. Phương thức đấu tranh phi vũ trang ngày càng có vị trí quan trọng, được mở rộng với nhiều hình thức, trên các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, an ninh, đối ngoại,...

Nhận thức về đối tác, đối tượng, về quan hệ đối tác, đối tượng có bước phát triển mang tính đột phá, có cách nhìn biện chứng; chuyển từ tư duy bạn, thù sang tư duy đối tác, đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc; thấy rõ sự đan xen, chuyển hóa giữa

đối tượng, đối tác; xác định lấy đối tác làm cơ sở để thiết lập quan hệ quốc tế rộng rãi; đồng thời đấu tranh với đối tượng, với mặt đối tượng. Phát triển nhận thức về nguy cơ, thách thức đối với an ninh quốc gia, từ nhận thức an ninh quốc gia chủ yếu là vấn đề nội bộ đến an ninh tổng hợp, toàn diện; phát triển nhận thức về an ninh phi truyền thống, về an ninh chủ động, an ninh mạng, về lý luận khoa học an ninh; về vị trí, vai trò của quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Nhận thức về đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế về quốc phòng có sự phát triển.

Xác định đối tác, đối tượng là vấn đề rất cơ bản, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước. Quá trình đổi mới, Đảng ta chuyển từ tư duy “bạn - thù” sang tư duy đối tác, đối tượng. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX chỉ rõ: Để phát huy thuận lợi, hạn chế thách thức, cần có cách nhìn mới và thống nhất về đối tác, đối tượng theo nguyên tắc: “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào



có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh”<sup>8</sup>. Nguyên tắc đó trở thành quan điểm về đối tác, đối tượng trong Nghị quyết số 28-NQ/TW khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Theo nhận thức của Đảng, đối tượng không chỉ là lực lượng gây chiến tranh, bạo loạn lật đổ, mà còn là kẻ xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc, bằng phương thức vũ trang hoặc phi vũ trang.

#### **4. Sự phát triển nhận thức về vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc**

Nhận thức về vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc ngày càng hoàn thiện.

Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang là vấn đề có tính quy luật, là nguyên tắc trong xây dựng lực lượng vũ trang, được Đảng ta nhận thức ngày càng rõ và toàn diện hơn trong quá trình đổi mới. Sự phát triển nhận thức của Đảng

được thể hiện qua các đại hội, trong Điều lệ và các nghị quyết của Đảng.

Trong Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI, lần đầu tiên tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được quy định thành chương riêng. Trong đó quy định: “Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt của Đảng...”. Điều lệ Đảng khóa VII đã bổ sung, phát triển nguyên tắc Đảng lãnh đạo “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt” thay cho nguyên tắc “trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt”. Đây là sự phát triển mới về nguyên tắc; tiếp tục khẳng định dứt khoát vai trò lãnh đạo lực lượng vũ trang của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng lãnh đạo trên tất cả các lĩnh vực, trên tất cả các mặt công tác, trong tất cả các nhiệm vụ. Vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang được thể hiện: Đảng định ra đường lối quân sự, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân; lãnh đạo công tác khoa học quân sự, khoa

học an ninh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nuôi dưỡng bộ đội, công an; lãnh đạo tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị,...

Nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc được bổ sung, phát triển trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Đại hội VI chủ trương: “tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước...”. Đại hội VII của Đảng khẳng định: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng...”<sup>9</sup>. Đến Đại hội VIII, Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh”<sup>10</sup>. Đại hội IX bổ sung, phát triển: “Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh”<sup>11</sup>. Đây là sự phát triển mới trong nhận thức của Đảng về nguyên tắc lãnh đạo. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tiếp tục khẳng định và bổ

sung: “Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Đến Đại hội XI, Đảng đã xác lập hoàn chỉnh nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội, công an, sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Đại hội X, XI và XII của Đảng tiếp tục khẳng định: Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với quân đội, công an và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

## **5. Phát triển nhận thức về thời đại, thế giới và mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại**

*Đảng ta đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về thời đại, thế giới.*

Dù thế giới có nhiều đổi thay, Đảng ta vẫn khẳng định: thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga. Đây là thời đại lịch sử dài, trải qua nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn với tính chất và nội dung các mâu thuẫn cũng như các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội không giống nhau. Chính sự nhất quán và nhìn xa trông

rộng như vậy giúp chúng ta xác định rõ hướng đi đúng quy luật phát triển của xã hội loài người. Trên cơ sở nhận thức như vậy, Đảng ta đã đưa ra đường lối chiến lược và cách mạng nước ta luôn đi đúng hướng, đạt được từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

### **Về mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại**

Trong việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại, lợi ích quốc gia, dân tộc là một trong những vấn đề quan trọng nhất. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại...”<sup>12</sup>.

Quan điểm nhất quán của Đảng ta là triển khai, thực hiện công tác đối ngoại để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại phục vụ đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác đối ngoại được đẩy

mạnh sẽ tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, thiết thực góp phần bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

### **Về phương châm và định hướng đối ngoại**

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về thời đại và tình hình thế giới, khu vực, Đảng ta đã đổi mới tư duy trong phương châm và định hướng công tác đối ngoại. Trong khi nhận rõ hợp tác và phát triển là xu thế và thay cho đối đầu là hợp tác, Đảng ta xác định hợp tác đồng thời phải đi đôi với đấu tranh, cạnh tranh để bảo vệ lợi ích chính đáng của quốc gia, đồng thời đấu tranh, cạnh tranh để hợp tác chéo không dẫn tới đối đầu. Về xử lý các mối quan hệ với các nước lớn, giữa quan hệ với các nước láng giềng là những quan hệ chằng chịt, phức tạp, đòi hỏi chính sách đối ngoại mềm dẻo, cùng với cách thức ứng phó khéo léo với tinh thần bảo vệ được lợi ích quốc gia và giữ gìn hòa bình, hợp tác, phát triển.

### **6. Về hội nhập quốc tế**

Đảng ta đã xác định hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và

của cả hệ thống chính trị. Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập các lĩnh vực khác từng bước được mở rộng; nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện các chuẩn mực chung, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc. Nhận thức sâu sắc hơn quan hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát quá trình hội nhập quốc tế.

## II. MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

### 1. Một số hạn chế về nhận thức

*Bên cạnh những thành tựu trên, nhận thức về quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn có mặt hạn chế.*

*Thứ nhất*, nhận thức về mối quan hệ và kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại... tuy đã có chuyển biến tích cực, nhưng chưa thật sâu sắc.

Nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân; về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân; về xây dựng “thể trận lòng dân”; về xây dựng khu vực kinh tế - quốc phòng, khu vực phòng thủ; về đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa; về đấu tranh ngăn ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, chống âm mưu “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang chưa thật sâu sắc, đầy đủ.

*Thứ hai*, chưa phân định rõ nội dung và mối quan hệ giữa an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống; nhận thức về an ninh mạng còn hạn chế. Công tác dự báo tình hình còn nhiều bất cập. Cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa hoàn thiện.

*Thứ ba*, một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức chưa sâu sắc về sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quân đội, công an, sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Nhận

thức của một số cấp ủy, nhất là ở cơ sở về phương thức, cơ chế lãnh đạo của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa thật đầy đủ.

*Thứ tư*, nghiên cứu, nhận thức về tình hình thế giới và hội nhập quốc tế chưa thật sâu sắc; nghiên cứu sự chuyển dịch sức mạnh của các lực lượng, các phong trào, các trung tâm của thế giới chưa thật rõ nét. Từ đó việc đưa ra các giải pháp và kiến nghị xử lý còn chung chung, thiếu cụ thể.

*Thứ năm*, trong khi nhận thức rõ và coi vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng nhưng quá trình cụ thể hóa chưa rõ về nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc và những vấn đề có thể sẽ xuất hiện khi chúng ta bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ đối ngoại. Những hạn chế và nhận thức dẫn tới lúng túng trong nhận định, đánh giá và dự báo tình hình.

## **2. Những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết**

*Thứ nhất*, việc nắm vững và xử lý mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều bất cập. Nhận thức còn chưa thật thấu đáo khi xác định lúc nào ưu tiên

về xây dựng, tình huống nào thì ưu tiên việc bảo vệ Tổ quốc; việc ưu tiên mức độ nào là hợp lý, là vừa. Nghiên cứu xử lý mối quan hệ biện chứng này vẫn là vấn đề cần đầu tư nhiều thời gian và công sức, nhất là phương thức kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

*Thứ hai*, vấn đề xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vẫn là vấn đề chưa được xác định một cách thấu đáo và cụ thể. Đặt vấn đề chung thì rất hay và rất đúng nhưng nội dung bên trong là gì đối với từng lĩnh vực quốc phòng và an ninh, cũng như việc gắn kết thế nào giữa hai lĩnh vực sao cho có sự bổ sung, làm tiền đề cho nhau và thúc đẩy lẫn nhau vẫn là yêu cầu bức thiết đang đặt ra.

*Thứ ba*, việc xác định một cách đầy đủ, cụ thể về mục tiêu, quan điểm, phương châm, phương pháp, lực lượng, phương thức, giải pháp đấu tranh quốc phòng, an ninh trong tình hình mới vẫn là những câu hỏi cần được giải đáp.

*Thứ tư*, việc làm rõ những nguyên tắc, lý lẽ làm căn cứ xác định và xử lý

mối quan hệ giữa đối tác và đối tượng cũng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và cụ thể hơn.

*Thứ sáu*, cần làm gì để cập nhật hóa và chính xác hóa việc dự báo tình hình đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại sao cho không bị lúng túng, bị động trong xử lý những vấn đề nảy sinh.

Để nâng cao trình độ nhận thức về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đáp ứng yêu cầu mới trong tình hình mới, cần đẩy mạnh công

tác nghiên cứu khoa học, phát huy cao độ dân chủ trong công tác lý luận, khuyến khích tìm tòi sáng tạo, tự do tư tưởng... Cần huy động tập trung lực lượng chuyên gia, tăng cường nguồn lực cho công tác nghiên cứu, xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn, chủ động nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu dự báo tình hình để giúp Đảng và Nhà nước có đối sách sáng suốt, chủ động, kịp thời, nhất là trong tình hình mới ■

<sup>1,9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.85, 86.

<sup>2, 4, 5, 12</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.149, 148, 149, 153.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.16.

<sup>6</sup> *Giáo trình giáo dục quốc phòng của Bộ Quốc phòng, dùng cho bồi dưỡng quốc phòng, an ninh đối tượng 1*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.

<sup>7</sup> *Biên niên sử các Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2006.

<sup>8</sup> Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.44.

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.120.

<sup>11</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.119.

# SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, XÂY DỰNG ĐẢNG

● PGS.TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

## I. NHẬN THỨC TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, XÂY DỰNG ĐẢNG CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN RÕ RỆT

### 1. Bước đầu hình thành hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam

*Một là, về các đặc trưng của xã hội  
xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

Nhận thức lý luận của Đảng ta về các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa được phát triển qua các nhiệm kỳ đại hội, thể hiện rõ trong Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, năm 1991 được *Đại hội VII* thông qua đã xác định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: do nhân dân lao động làm

chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Từ sáu đặc trưng được nêu trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta đã bổ sung, phát triển thành tám đặc trưng ở Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011.

Bổ sung đặc trưng tổng quát cũng là mục tiêu của cách mạng nước ta “dân

giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Xác định Nhà nước pháp quyền xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, thông qua sự ủy quyền và kiểm soát quyền lực của nhân dân.

Phát triển đặc trưng “do nhân dân lao động làm chủ” thành “do nhân dân làm chủ” thể hiện bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Phát triển đặc trưng kinh tế thành “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Quan hệ dân tộc trong quốc gia đa dân tộc là quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Quan hệ quốc gia - dân tộc với cộng đồng quốc tế trong hội nhập là quan hệ hữu nghị, hợp tác”.

Tám đặc trưng được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 vừa phản ánh quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội, vừa làm rõ nội dung các lĩnh vực của đời sống xã hội phải thực hiện. Tám đặc trưng đó trải qua quá trình xây dựng và từng bước hình thành, từ định hướng tới định hình, bảo đảm yêu cầu phát triển

hài hòa, bền vững chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

***Hai là, về thời kỳ quá độ và những đặc điểm của thời kỳ quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội.***

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ cũng có những bước tiến nhất định. Đại hội IX xác định, con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh hơn lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là một sự nghiệp khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Đến Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011,



Đảng ta xác định, đi lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Đảng ta cũng xác định được định tính và định lượng trong phân kỳ thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Từ “bước đi ban đầu”, “chặng đường đầu”, “chặng đường tiếp theo” thể hiện lộ trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### ***Ba là, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.***

Tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, có những phát triển mới so với Cương lĩnh năm 1991.

Đặt lên hàng đầu là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Thực hiện phương hướng này vừa phản ánh đặc điểm nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa vừa tính đến xu thế phát triển của thế

giới đương đại. Các phương hướng tiếp theo bao quát các mặt, các lĩnh vực của mô hình chủ nghĩa xã hội nước ta: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tám phương hướng nêu trên đã bao quát những điểm căn bản, chủ yếu trong đường lối, chính sách *đối nội* và *đối ngoại* của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nhất quán của Đảng với các quan điểm *đổi mới* và *phát triển*. Tám phương hướng đó cũng chính là *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội* ở nước ta.



*Trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng ta đã xác định phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa (Ảnh: TH)*

### **Bốn là, xác định được các mối quan hệ lớn**

Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh, lần đầu tiên, Đảng ta đặt vấn đề phải nghiên cứu các mối quan hệ lớn gắn với tổng kết việc thực hiện các mối quan hệ đó trong thực tiễn, từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong các chủ trương, chính sách, biện pháp và cơ chế quản lý, điều hành, bảo đảm cho công cuộc đổi mới đi đúng định

hướng và thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững. Đây là một trong những vấn đề lý luận lớn của đổi mới, của xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, phản ánh những tính quy luật trong phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng ta đã xác định: Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản nêu trên, phải

đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các *mối quan hệ lớn*: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ...

Để nhận thức đúng và xử lý tốt các mối quan hệ đó, Đảng ta nêu rõ nguyên tắc và phương châm, phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn đất nước, chú trọng nghiên cứu dự báo xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, những diễn biến của khu vực, quốc tế tác động tới nước ta trên cả hai mặt thuận lợi và khó khăn, tích cực và tiêu cực để đón kịp, tận dụng thời cơ, chủ động vượt qua thách thức và nguy cơ, tôn trọng quy luật khách quan, “không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”.

Qua thực tiễn đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã *điều chỉnh* mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa thành mối quan hệ giữa tuân thủ các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và bổ sung mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII Đảng ta đề ra nhiệm vụ là cần xác định rõ và thực hiện tốt vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

## **2. Nhận thức về xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc có nhiều tiến bộ**

*Về xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa*: Đảng ta đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn tầm quan trọng và vai trò của xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, khẳng định dân chủ là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải vừa thể hiện các giá trị dân chủ phổ quát của nhân loại, vừa thể hiện những giá trị đặc trưng phản ánh bản sắc, đặc điểm văn hóa, truyền

thống của Việt Nam; có nội dung cốt lõi là tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân, gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân nhằm tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho việc giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người, gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về tất yếu khách quan phải đẩy mạnh phát triển các hình thức và phương thức thực hiện dân chủ, nhất là các hình thức dân chủ trực tiếp. Phát huy dân chủ đồng thời với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, tuân thủ pháp luật. Nhận thức rõ hơn dân chủ trong Đảng có ý nghĩa quyết định đối với phát triển dân chủ trong tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, gắn với dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội; có dân chủ mới có đồng thuận xã hội, có đồng thuận xã hội mới tạo ra sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Về đổi mới hệ thống chính trị:* Đảng ta đã nhận thức rõ hơn bản chất của hệ thống chính trị. Thực chất và mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị là thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Cơ chế vận hành của hệ

thống chính trị ở nước ta là: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước; thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Đảng ta xác định yêu cầu đổi mới toàn diện, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính trị cả về chức năng, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, về đội ngũ cán bộ và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở tất cả các cấp. Đổi mới chính trị phải đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế, trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

*Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:* Đảng ta đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định đây là một trong tám đặc trưng

của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam.

Nhận thức rõ hơn bản chất dân chủ và pháp quyền của Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; nhấn mạnh yêu cầu khách quan phải kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền, quan hệ thống nhất giữa chính quyền Trung ương và địa phương.

Chức năng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp nói riêng được nhận thức ngày càng rõ hơn. Trong Nhà nước pháp quyền, cơ quan công quyền và công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, quan hệ đồng trách nhiệm; các quyền tự do, dân chủ và lợi ích chính đáng của con người được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng pháp luật. Để cao

vai trò thượng tôn pháp luật trong quản lý xã hội, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật”.

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước được nhận thức cụ thể hơn. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, các tổ chức của Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện tập trung ở Nhà nước, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động của Nhà nước.

Xác định rõ hơn vị trí, vai trò của *Quốc hội*: Xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Nhận thức và xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của *Chủ tịch nước* để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia; và trong quan hệ

giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xác định rõ hơn vị trí, chức năng của *Chính phủ* với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp và là cơ quan chấp hành của Quốc hội; đề cao tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả; xác định yêu cầu và những nội dung tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Vị trí, vai trò, chức năng và tính độc lập trong hoạt động của *hệ thống tư pháp* được nhận thức rõ hơn, định hướng xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

*Về đại đoàn kết toàn dân tộc:* Đảng ta nhận thức rõ đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc. Xác định rõ nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Xác định “mẫu số chung” để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước: lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung.

Xác định rõ, đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### 3. Đổi mới tư duy, nhận thức lý luận về xây dựng Đảng đạt được những thành tựu nhất định

*Đảng ta đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng:* Tiếp tục khẳng định Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân như các đại hội trước, Đại hội X đã bổ sung: Đảng Cộng sản Việt Nam đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam (theo tư tưởng Hồ Chí Minh). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

*Quy định rõ hơn vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng:* Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống đó. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; tôn trọng và phát huy quyền

làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Xác định rõ hơn yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong điều kiện mới là phải không ngừng hoàn thiện nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện cụ thể của Việt Nam; lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Đã xác định ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn nền tảng tư tưởng của Đảng.* Tại Đại hội VII, Đảng ta khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đến Đại hội IX, Đảng ta đã xác định khái niệm, nguồn gốc, nội dung, vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đến Đại hội XI, Đảng ta đã khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-

Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi. Đảng ta luôn nhấn mạnh yêu cầu phải vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

*Nhận thức rõ yêu cầu đối với Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền.* Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ: Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: Sai lầm về đường lối,

bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

*Xác định đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng* trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đảng ta khẳng định: Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Đảng ta luôn nhấn mạnh vấn đề giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đại hội XII bổ sung nội dung “đạo đức” thành xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách hiện nay đã chỉ rõ ba vấn đề cấp bách, để ra bốn nhóm giải pháp. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đã nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự



chuyển hóa”, xác định mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Phương thức lãnh đạo của Đảng* ngày càng được nhận thức rõ hơn qua các nhiệm kỳ đại hội. Cương lĩnh năm 1991 xác định: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã bổ sung, phát triển thành: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực

và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Xác định dân chủ trong Đảng là điều kiện, tiền đề để phát huy dân chủ trong xã hội, từ đó, đã xác định cần thật sự phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy cơ sở đến sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đồng thời giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện Quy chế chất vấn trong Đảng và các quy chế, quy định khác.

## II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC LÀM RÕ VỀ LÝ LUẬN

### 1. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Đến nay đã bước đầu hình thành hệ thống lý luận cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đã xác định được bản

chất, đặc trưng, các phương hướng cơ bản các mối quan hệ lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng nội dung của từng đặc trưng, từng phương hướng, từng mối quan hệ chưa được xác định rõ ràng, cụ thể. Chẳng hạn, xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, nhưng đến nay chưa xác định rõ tiêu chí của nó và trong từng giai đoạn phát triển của đất nước như thế nào; hoặc Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đề cập quan niệm tổng quát của Đảng ta về thời kỳ quá độ, trong đó nhấn mạnh: Thời kỳ quá độ là một thời kỳ *lâu dài* với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen, còn nhiều vấn đề chưa rõ, như: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nhận thức về đặc điểm của nước ta khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mối tương quan giữa thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; những chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ v.v..

## **2. Về phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền, đại đoàn kết toàn dân tộc**

Lý luận về bản chất của hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị, về Đảng cầm quyền, về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, về đại đoàn kết toàn dân tộc,... chưa lý giải và làm sáng tỏ nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra; chưa đạt được nhiều kết quả có giá trị định hướng, mang tính đột phá cho quá trình đổi mới. Quan điểm về dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa sâu sắc và đầy đủ; có lúc, có nơi còn xem nhẹ việc thực hành dân chủ; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật, kỷ cương; tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân; chưa thật sự dân chủ trong Đảng và xã hội. Chưa coi trọng đúng mức phát triển các hình thức dân chủ trực tiếp.

Nhận thức về bản chất, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, về vai trò, chức năng và cơ chế hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị còn những bất cập, chậm đổi mới, có những mặt chưa phù hợp với yêu cầu của sự phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được xác định rõ v.v..

Bản chất, đặc trưng, cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa được xác định rõ và đầy đủ (như tính tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, và Nhà nước kiến tạo phát triển). Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhận thức chưa đầy đủ về nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, về cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, quan hệ phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, nhất là về kiểm soát quyền lực; về vai trò của cơ quan tư pháp trong việc kiểm soát các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lập pháp và quyền hành pháp. Các nguyên tắc dân chủ, pháp quyền, tính tối thượng của Hiến pháp, vai trò, tiêu chuẩn của pháp luật và hệ thống pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tiêu chuẩn, đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,... chưa được nhận thức, quy định đầy đủ trong mô hình tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị. Nhận thức về vị trí, vai trò, tính chất của chính quyền địa phương; về định hướng phân cấp, phân quyền giữa

chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương; về chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo, đặc khu kinh tế; về vị trí, vai trò của các tổ chức xã hội trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với hệ thống chính trị chưa được nghiên cứu, luận giải thấu đáo. Vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội; cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước, nhận thức chưa thống nhất; triển khai thực hiện chậm, chưa đầy đủ, chưa hiệu quả.

Nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; vai trò vừa là thành viên vừa là lãnh đạo của tổ chức đảng trong hệ thống chính trị ở các cấp; thẩm quyền và trách nhiệm giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước quản lý còn có những điểm chưa được luận giải thấu đáo.

Chưa xác định rõ những động lực để thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện mới; vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng và đồng thuận

trong xã hội đang nổi lên nhiều vấn đề mới.

### 3. Về xây dựng Đảng

Lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đến nay chưa đủ rõ về khái niệm, nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền nói chung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và từng tổ chức trong hệ thống chính trị nói riêng, chưa được xác định thật rõ và cụ thể. Chậm cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Nhận thức về nội dung công tác xây dựng Đảng mới dừng lại ở mức độ nhận thức chung là Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, và đạo đức, nhiều vấn đề chưa được cụ thể hóa thành các quy định để thực hiện. Nhận thức về dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền còn hạn chế. Nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng chưa được giải đáp đầy đủ, thấu đáo, như:

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; tình trạng tham nhũng, lãng phí tiếp tục diễn biến phức tạp, tinh vi; tình trạng giảm sút tính chiến đấu trong các tổ chức đảng và đảng viên; vấn đề tổ chức bộ máy của Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, công kênh, trùng chéo; vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của toàn bộ hệ thống chính trị còn những yếu kém, bất cập, v.v..”.

Nhận thức về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay còn rõ hơn một số vấn đề lý luận chưa rõ: nhận thức, phân biệt rõ giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền; nhận thức lý luận về quan hệ giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên; nhận thức về tính chất, yêu cầu, đặc điểm của hệ thống chính trị trong các giai đoạn cách mạng theo quan điểm lịch sử, cụ thể; nhận thức về tính chất, đặc điểm của một đảng duy nhất cầm quyền; nhận thức về sự phù hợp, đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thiết chế xã hội ■

# TỔNG KẾT THỰC TIỄN PHỤC VỤ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● PGS.TS ĐOÀN MINH HUẤN

*Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng,  
Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản*



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), ngày 25/9/2013 (Ảnh: vov.vn)*

**T**rong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng ta rất coi trọng tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận. Nhờ thường xuyên tổng kết thực tiễn mà đường lối, chủ

trương, chính sách của Đảng luôn phù hợp với thực tiễn, đủ năng lực chỉ đạo thực tiễn, được kiểm chứng bằng những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Kinh nghiệm lịch sử cũng chỉ ra rằng, những lúc xa rời thực tiễn

thì không nắm bắt được quy luật khách quan, rơi vào sai lầm, khuyết điểm của chủ nghĩa giáo điều. Thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới hơn 30 năm qua có một nguyên nhân bắt nguồn từ chỗ Đảng ta luôn bám sát thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan, mà song hành với nó chính là coi trọng tổng kết thực tiễn để không ngừng bổ sung, phát triển lý luận, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận.

Chính vì vậy, trong công tác lý luận, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ và đề cao vai trò, vị trí của hoạt động tổng kết thực tiễn. Nghị quyết Hội nghị Trung ương năm khóa IX (tháng 3-2002) “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới” đã khẳng định phải: “Coi trọng việc tổng kết thực tiễn trong nghiên cứu lý luận và trong hoạt động của các cấp ủy đảng; coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành; gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại”<sup>(1)</sup>. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách với phù hợp quy luật

khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển”<sup>(2)</sup>, phải “đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”<sup>(3)</sup>. Từ quan điểm đó, việc tổng kết thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu lý luận được tiến hành cơ bản hơn, với sự tham gia của nhiều lực lượng, nhiều thành phần, đặc biệt trong quá trình chuẩn bị xây dựng văn kiện các đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, nghị quyết hội nghị Trung ương, sơ - tổng kết các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, chỉ thị của Ban Bí thư sau một chu trình vận hành (5 năm, 10 năm). Các đợt tổng kết thực tiễn - lý luận 20 năm và 30 năm đổi mới, Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo, tổ chức các tiểu ban chuyên đề, cử nhiều đoàn khảo sát đến các địa phương, doanh nghiệp, tiến hành nhiều hội thảo quốc gia... để nắm bắt thực tiễn, bổ sung và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Trong chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương các

nhiệm kỳ, để chuẩn bị ban hành một nghị quyết, kết luận, Trung ương đều thành lập ban chỉ đạo xây dựng các đề án, thu hút đông đảo các nhà lãnh đạo, quản lý và chuyên gia khoa học, có nhiệm vụ tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng sau một chu trình vận động (5, 10 năm) đều được sơ - tổng kết để tiếp tục điều chỉnh, bổ sung trong chu trình mới hoặc ban hành văn bản mới để nâng cao hơn năng lực chỉ đạo thực tiễn.

Nhờ nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tổng kết thực tiễn, Trung ương Đảng ngày càng xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy đảng các cấp, các ngành trong tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở thẩm quyền được phân định, cấp ủy đảng các cấp ra sức kiện toàn các cơ quan tham mưu có nhiệm vụ chuyên trách nòng cốt trong tổng kết thực tiễn, xây dựng kế hoạch tổng kết các nội dung theo chương trình làm việc toàn khóa của cấp ủy từng cấp. Tổng kết thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu lý luận được xác định là trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

trong đó các cơ quan tham mưu chiến lược đóng *vai trò chuyên trách nòng cốt* là Hội đồng Lý luận Trung ương, các ban đảng (Tổ chức, Tuyên giáo, Kinh tế, Dân vận, Kiểm tra, Nội chính), cơ quan nghiên cứu lý luận và chính trị của Đảng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam...) ngày càng được tăng cường nguồn lực, định hình phương pháp và tiến hành tổng kết thực tiễn có nền nếp. Hoạt động phối hợp giữa Trung ương với các địa phương, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị chiến đấu trong tổng kết thực tiễn diễn ra thường xuyên, đa dạng hóa về phương thức. Đội ngũ cán bộ tổng kết thực tiễn được đào tạo cơ bản hơn, ý thức ngày càng cao hơn trách nhiệm tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, truyền bá và giáo dục lý luận, nhất là phục vụ trực tiếp cho lãnh đạo, quản lý, điều hành trực tiếp. Phương pháp tổng kết thực tiễn ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, đặc biệt hình thức thí điểm mô hình dẫn trở nên phổ biến đối với những vấn đề chưa đủ luận cứ khoa học và dữ liệu thực tế cho áp dụng phổ biến. Hoạt

động tổng kết thực tiễn gần bó ngày càng chặt chẽ với công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được nêu trên, cần phải thẳng thắn thấy rằng, tổng kết thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu lý luận vẫn còn không ít hạn chế. Nhìn chung, hoạt động tổng kết thực tiễn *chưa được tiến hành một cách chuyên nghiệp*, thiếu đội ngũ chuyên trách đủ số lượng và chất lượng cần thiết phục vụ cho công tác này. Tổng kết thực tiễn là hoạt động *khoa học - thực tiễn đặc thù* nhưng còn thiếu phương pháp luận và khung lý thuyết xác định (khách thể, đối tượng, phạm vi, phương pháp, công cụ, phương tiện, mối quan hệ giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, giáo dục lý luận, nghiên cứu khoa học, hoạch định đường lối...) làm cơ sở cho cấp ủy các cấp chủ động tiến hành. Vì thiếu phương pháp luận và khung lý thuyết thống nhất, những người làm công tác tổng kết thực tiễn không được bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu, tiến hành tổng kết thực tiễn thiếu chuyên nghiệp. Do đó, khi cần huy động lực lượng tham gia một nhiệm

vụ tổng kết thực tiễn nào đó thường rất thiếu chuyên gia làm nòng cốt, khi có yêu cầu nhiệm vụ thì nhiều nơi tiến hành chiếu lệ, hình thức, không thu được kết quả tích cực. Thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể và lực lượng tham gia tiến hành tổng kết thực tiễn chưa được phân định rành mạch. Thông thường, khi đứng trước yêu cầu nhiệm vụ được giao, các cơ quan đều thành lập ban chỉ đạo đủ cơ cấu thành phần nhưng thiếu chuyên gia nòng cốt hiểu sâu sắc về lý luận, am tường về thực tiễn, thành thực về phương pháp.

Rõ ràng, công tác tổng kết thực tiễn dù đã được coi trọng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ bổ sung, phát triển lý luận. Không ít vấn đề thực tiễn đã mở đường, thậm chí đã tiến hành thí điểm nhiều năm, nhưng công tác tổng kết thực tiễn vẫn chưa có kết luận rõ ràng (nhất thể hóa chức danh lãnh đạo, mô hình chính quyền đô thị...). Hoạt động tổng kết thực tiễn của cấp ủy tại nhiều địa phương nhiều nơi diễn ra hình thức, nên sản phẩm tổng kết thực tiễn chỉ dừng lại ở những *báo cáo hành chính sơ cứng* mà không có



khả năng *tri thức hóa* hoặc *chứa đựng* rất ít *tri thức khoa học* để chắt lọc phục vụ cho bổ sung, phát triển lý luận. Tình trạng nhiều địa phương “vận dụng” tùy tiện đường lối, chủ trương chung vào điều kiện cụ thể của mình không chỉ do non yếu về lý luận, mà có cả nguyên nhân xem nhẹ tổng kết thực tiễn để làm rõ những đặc thù địa phương trong quá trình chỉ đạo thực hiện. Hoặc tình trạng học tập một cách máy móc kinh nghiệm địa phương khác dẫn tới thất bại cũng là do yếu kém của công tác tổng kết thực tiễn, không nắm rõ đặc điểm địa phương mình để vận dụng phù hợp (như phong trào làm xi măng lò đứng, xây dựng nhà máy mía đường, trồng cao su...). Thực trạng đó bao hàm cả bệnh giáo điều lý luận và bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa trong chỉ đạo thực tiễn ở các địa phương.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên có thể liệt kê rất nhiều, nhưng tựu trung gồm: (1) Chủ nghĩa giáo điều về mặt lý luận tồn tại trong một thời gian dài như một quán tính ăn sâu trong cán bộ, đảng viên đã hạn chế tính chủ động, tích cực trong tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát

triển sáng tạo lý luận; tâm lý phổ biến là trông chờ cấp trên nói gì thì cấp dưới áo dụng nguyên xi hoặc “vận dụng” một cách tùy tiện theo kinh nghiệm sẵn có của bản thân (2); Chủ nghĩa kinh nghiệm là căn bệnh phổ biến dẫn tới coi thường lý luận, thiếu ý thức nâng cấp, phát triển tri thức kinh nghiệm thành tri thức lý luận trong quá trình lãnh đạo, quản lý, điều hành; (3) Cấp ủy nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức đầu tư nhân lực, vật lực và thời gian cho tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận và phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, nếu tiến hành cũng chỉ là chiếu lệ, hình thức, thiếu bài bản, công phu, khoa học; (4) Thiếu lực lượng chuyên gia làm nòng cốt cho tổng kết thực tiễn và đào tạo, hướng dẫn, tập huấn phương pháp tổng kết thực tiễn.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, đưa công tác tổng kết thực tiễn ngang tầm với đòi hỏi nhiệm vụ công tác lý luận trong tình hình mới theo tinh thần Đại hội XII của Đảng, thời gian tới cần chú ý mấy vấn đề sau đây:

*Một là, nâng cao hơn nhận thức của cấp ủy các cấp đối với công tác tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận*

và hoạt động chỉ đạo, điều hành. Phải làm cho cấp ủy các cấp và mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức rõ mặt ưu điểm và mặt hạn chế của tư duy kinh nghiệm, trên cơ sở đó tìm giải pháp phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế. Sinh ra và trưởng thành trong xã hội tiểu nông, nên trong tiềm thức của nhiều cán bộ, đảng viên luôn có căn bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, song để tự sửa chữa căn bệnh này là điều không đơn giản. Phải bắt đầu bằng nâng cao trình độ lý luận chính trị, tạo thành thói quen lấy lý luận để phân tích, đánh giá thực tiễn, lấy thực tiễn để kiểm chứng lý luận. Sở dĩ phải nhấn mạnh điều này, bởi tổng kết thực tiễn không thể có được đối với những người non kém về lý luận, có chăng cũng chỉ là phép cộng cơ học các kinh nghiệm mà thôi, càng không thể nói đến bổ sung, phát triển lý luận từ kinh nghiệm thực tiễn. Do đó, việc tăng cường năng lực tổng kết thực tiễn cho đội ngũ cán bộ không thể tách rời với nâng cao tư duy lý luận, đặc biệt là lý luận cơ bản để có phương pháp luận và phương pháp đúng đắn khi vận dụng vào tổng kết thực tiễn. Đào tạo lý luận chính trị đối

với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp không chỉ nhằm phát triển tư duy lý luận mà phải bao hàm cả tăng cường kỹ năng tổng kết thực tiễn. Kỹ năng đó phải biến thành hành trang thường trực trong tổ chức chỉ đạo thực tiễn, tạo thói quen rèn luyện óc quan sát, điều tra, phân tích và tổng hợp kinh nghiệm để biến tri thức khoa học, dùng lý luận để xem xét, sử dụng các tri thức kinh nghiệm phù hợp trong hoạt động thực tiễn.

*Hai là, định hình khung lý thuyết và phương pháp khoa học phục vụ cho hoạt động tổng kết thực tiễn.* Khung lý thuyết cho tổng kết thực tiễn phải làm rõ khách thể, đối tượng, chủ thể, nội dung, lực lượng tham gia tổng kết thực tiễn; mối quan hệ giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, với nghiên cứu khoa học, với chỉ đạo điều hành; các phương pháp sử dụng tổng kết thực tiễn,... Phải định hình được các phương pháp và kỹ năng tổng kết thực tiễn, giúp cán bộ nắm bắt được thuộc tính, bản chất các sự vật, hiện tượng; cách thức sử dụng kinh nghiệm phục vụ trực tiếp cho chỉ đạo, điều hành; con đường và cách thức tri thức hóa các kinh nghiệm. Khi đã định hình

được khung lý thuyết và phương pháp luận, cần *chuyển hóa vào quá trình đào tạo* được lồng ghép trong chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tổ chức *tập huấn chuyển giao* cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Trang bị khung lý thuyết và phương pháp tổng kết thực tiễn phải đi đôi với trang bị phương pháp đánh giá chính sách, xem xét quá trình vận động từ lý luận thông qua chính sách để thâm nhập vào thực tiễn. *Chính sách là hình thức trung gian giữa lý luận và thực tiễn*, không ít quan điểm, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng khó đi vào cuộc sống hay bị lệch lạc trong “vận dụng” không hẳn do chỉ đạo thực hiện, mà do khâu thể chế hóa thành chính sách.

Ba là, *hoàn thiện các thể chế, cơ chế và điều kiện hóa cho tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận*. Đó là ban hành các thể chế xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cấp ủy, cấp ủy viên, của cơ quan chuyên trách làm nòng cốt trong tổng kết thực tiễn ở mỗi cấp, mỗi ngành. Tổng kết thực tiễn phải được xây dựng thành *chế độ bắt buộc* đối với cán bộ, đảng viên; gắn liền với chế độ học tập, nâng cao trình

độ lý luận; gắn với yêu cầu đưa cán bộ gần dân, bám sát thực tiễn. Rà soát, đánh giá lại các cơ chế tổng kết thực tiễn hiện có ở các cơ quan chuyên trách nòng cốt với sự *phân tách hoạt động hành chính đảng với hoạt động chuyên môn nghiệp vụ* phục vụ tổng kết thực tiễn ở các ban đảng. Các ban đảng là những cơ quan tham mưu của Đảng, có vai trò nòng cốt chuyên trách trong tổng kết thực tiễn, nhưng đến nay còn chưa tách biệt giữa hoạt động hành chính đảng với hoạt động nghiên cứu, tham mưu (bao gồm cả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tham mưu đường lối, chủ trương) đòi hỏi phải có trình độ chuyên ngành, liên ngành và phương pháp tương ứng. Cơ chế hiện có chưa giúp cán bộ tham mưu nâng cao trình độ lý luận, thiếu được trang bị các phương pháp, kỹ năng tổng kết thực tiễn, nên lúng túng khi triển khai một đề án tổng kết thực tiễn cụ thể. Cần phải hoàn thiện các chính sách liên quan, đặc biệt là bảo đảm nguồn lực, điều kiện, môi trường công tác cho các cơ quan, cán bộ ra sức trau dồi đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nhờ đó mà làm tròn vai trò

chuyên trách nòng cốt trong tổng kết thực tiễn.

Bốn là, đa dạng hóa phương thức tổng kết thực tiễn, gắn tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học. Tổng kết thực tiễn khi trở thành chế độ bắt buộc như học tập, nghiên cứu lý luận, thì phương thức tổng kết thực tiễn cần phải đa dạng hóa. Tức là giúp cán bộ rèn luyện óc quan sát, điều tra, phân tích tình hình và tổng kết kinh nghiệm,... ở bất cứ hoàn cảnh, tình huống nào nhằm tối ưu hóa khi vận dụng lý luận cũng như phát hiện tri thức mới để bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Tổng kết thực tiễn lâu nay mới chủ yếu coi trọng phương thức gián tiếp thông qua thành lập ban chỉ đạo và tổ chức theo hệ thống dọc. Phương thức này rất cần thiết nhằm triển khai một đề án, nhiệm vụ tổng kết thực tiễn - lý luận cụ thể khi lý luận còn có độ trễ trước thực tiễn, đòi hỏi phải được bổ sung bằng chính dữ liệu của đời sống hay *chu trình của một nghị quyết đủ niên độ thời gian* (5 năm, 10 năm) phải tổng kết, đánh giá. Ngoài tổng kết theo phương thức gián tiếp thì còn có *tổng kết theo*

*phương thức trực tiếp*, tức người lãnh đạo dành thời gian đi cơ sở để quan sát, điều tra, tổng kết các mô hình; nghiên cứu các nhân tố mới, gương điển hình tiên tiến (đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng, gương điển hình tiên tiến); tổng kết thực tiễn thông qua tham dự đào tạo lý luận chính trị. Nhờ tham dự trực tiếp mà cán bộ tổng kết được thực tiễn một cách chân thật, sâu sắc, như Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: “Muốn hiểu biết toàn bộ một sự vật, hiểu biết bản chất và quy luật nội bộ của nó, thì phải suy xét kỹ lưỡng, gom góp những cảm giác phong phú lại, rồi chọn lọc cái nào thật, cái nào giả, cái nào đúng, cái nào sai, từ ngoài đến trong, để tạo thành một hệ thống khái niệm lý luận. Đó là hiểu biết do thực hành mà có và được cải tạo trong thực hành. Hiểu biết ấy sâu sắc hơn, đúng hơn, phản ánh sự vật một cách hoàn toàn hơn”<sup>(4)</sup>. Để phương thức tổng kết trực tiếp có hiệu quả đòi hỏi phải định hình chế độ đi cơ sở của cán bộ lãnh đạo các cấp; hình thành thói quen quan sát, điều tra, xem xét các tình huống trong thực tiễn, đặc biệt là phát hiện các mâu thuẫn và hướng giải quyết

mâu thuẫn; xây dựng chế độ tham dự đào tạo lý luận chính trị đối với cán bộ lãnh đạo các cấp. Chế độ đi cơ sở giúp cán bộ có điều kiện nắm bắt thực tiễn, bổ sung dữ liệu thực tiễn cho những nhận thức còn chưa sáng rõ, đồng thời kiểm tra lý luận bằng thực tiễn. Các nhân tố mới, gương điển hình tiên tiến rất phong phú trong đời sống, gồm cả gương tập thể và cá nhân, cần phải được phân tích và đánh giá thấu đáo để phổ biến nhân rộng, bổ sung cho tri thức lý luận. Gương tiên tiến là bao hàm cả *tư tưởng tiên tiến, phong cách tiên tiến, cách làm tiên tiến*. Đào tạo lý luận chính trị là một không gian tốt cho *tổng kết thực tiễn trong môi trường học đường*<sup>(5)</sup>, đặc biệt đối với các lớp có sự tham gia giảng dạy của cán bộ lãnh đạo cao cấp. Cần đổi mới phương pháp giảng dạy từ truyền thụ kiến thức một chiều sang khuyến khích tranh luận, phản hồi của người học, tăng độ tương tác giữa người học, nhờ đó sẽ thu được khối lượng tri thức thực tiễn nhất định ngay trên môi trường học đường. Người giảng viên với vốn tri thức lý luận của mình sẽ giúp người học có định hướng

đúng trong sử dụng tri thức kinh nghiệm, sửa chữa căn bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa khi vận dụng lý luận vào thực tế.

*Năm là, tăng cường năng lực tổng kết thực tiễn cho cấp ủy các cấp và xây dựng đội ngũ chuyên gia làm nòng cốt trong tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận*. Do tổng kết thực tiễn trước hết là trách nhiệm của cấp ủy các cấp, cho nên, mỗi cấp ủy viên phải được tăng cường năng lực tổng kết thực tiễn, *định hình ý thức thường trực* về nhiệm vụ tổng kết thực tiễn gắn với nâng cao trình độ lý luận. Cấp ủy viên muốn lãnh đạo tốt thì phải có năng lực tư duy lý luận và năng lực tổng kết thực tiễn. Hai mặt này có quan hệ biện chứng với nhau. Có tư duy lý luận thì mới sử dụng tri thức kinh nghiệm đúng đắn, phù hợp, sửa chữa bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa. Sử dụng tri thức kinh nghiệm phù hợp là cách thức để rút ngắn khoảng cách giữa lý luận với thực tế, để vận dụng lý luận không tùy tiện, thậm chí loại trừ những giải pháp không phù hợp mà tư duy lý luận xơ cứng đề xuất. Tuy nhiên, để công tác tổng kết thực tiễn được tiến hành *một*

*cách chuyên nghiệp, cần phải xây dựng được đội ngũ chuyên gia nòng cốt. Đội ngũ đó thuộc các cơ cấu của hội đồng lý luận, các ban đảng từ Trung ương đến địa phương, phải có trình độ lý luận sâu sắc, am tường thực tiễn, thành thục về phương pháp và kỹ năng tổng kết thực tiễn. Cần tạo điều kiện để đội ngũ chuyên gia nòng cốt thường xuyên thâm nhập thực tiễn, tổng kết các mô hình, phong trào, tham gia đào tạo lý luận chính trị và định hình ý thức chủ động, tích*

*cực về tổng kết thực tiễn trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Có cơ chế, chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với đội ngũ chuyên gia nòng cốt để họ yên tâm công tác, trau dồi nghề nghiệp, dành tâm huyết cho nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Xây dựng hệ thống dữ liệu và trang bị các công cụ, phương tiện cần thiết để đội ngũ cán bộ chuyên trách nòng cốt thuận lợi trong tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học ■*

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.134-135.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr.200.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.201

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.127.

<sup>5</sup> Tại Trung Quốc, nhiều sáng kiến được tổng kết từ chính các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp, như lập khu chế xuất, khoán trong nông nghiệp... Ở nước ta, trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phương án chọn Buôn Ma Thuột điểm huyết cho mở màn chiến dịch Tây Nguyên (từ 4-3 đến 13-4-1975), tạo ra khả năng đột biến trong cục diện chiến tranh, được tổng kết từ sáng kiến của một học viên trong một lớp bồi dưỡng sĩ quan cao cấp (tiên thân của Học viện Quốc phòng ngày nay).

# CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XỬ LÝ, TIẾP THU CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG TRƯỚC YÊU CẦU MỚI

● PGS. TS. PHẠM VĂN LINH

*Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương*

## 1. Một số kết quả đạt được

Trong quá trình phát triển, từ đặc điểm của Việt Nam xuất hiện nhiều vấn đề lý luận cần xử lý, tiếp thu để phát triển, loại bỏ sự giáo điều, chủ quan duy ý chí, đồng thời tiếp nhận những giá trị mới, tinh hoa của nhân loại, đưa đất nước đi lên phù hợp với quy luật, xu thế phát triển của xã hội loài người. Công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, xử lý các vấn đề lý luận do thực tiễn đặt ra, cung cấp luận cứ khoa học để Đảng ta xây dựng, đưa ra những quyết sách đúng đắn đã đạt được nhiều kết quả, có thể khái quát ở một số điểm nổi bật sau:

- Nhận thức ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ

nghĩa xã hội ở nước ta. Bước đầu hình thành hệ thống lý luận cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội; các định hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội; về mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; về phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xây dựng Đảng...); bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ

quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, các văn kiện đại hội Đảng theo nhiệm kỳ..

- Giữ vững nguyên tắc, kiên định lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của nhân loại. Nhờ đó, công tác lý luận của Đảng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tháo gỡ nhiều vấn đề phức tạp đặt ra của thực tiễn. Nhiều vấn đề lý luận về nền tảng tư tưởng được làm sáng tỏ, khẳng định các nguyên lý cơ bản vẫn giữ nguyên giá trị. Đồng thời, bổ sung làm sáng tỏ những vấn đề mới, những nội dung thực tiễn cuộc sống đã vượt qua. Quá trình đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế tiếp tục được triển khai rộng khắp, từng bước hình thành và phát triển hệ thống quan điểm đổi mới toàn diện đất nước; đặt quá trình đổi mới đất nước trong xu thế phát triển của thời đại, khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới; chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển nhưng không thay đổi bản chất; xu hướng lớn của giai đoạn hiện nay là

hòa bình, hợp tác và phát triển, bên cạnh xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, tranh giành tài nguyên, lãnh thổ, sắc tộc, tôn giáo...*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội!*

- Từng bước xây dựng mô hình công nghiệp hóa của Việt Nam trong điều kiện thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; kết hợp phát triển nhanh với phát triển bền vững, trong đó, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt.

- Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là nền kinh tế vận hành đầy đủ và đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Trong đó kinh tế nhà



nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, cạnh tranh theo pháp luật. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xử lý tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, xã hội...

- Xác định phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu của chiến lược phát triển, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.. Chủ trương nhất quán trong phát triển của Việt Nam là gắn kết chặt chẽ phát

triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn ngay từ đầu, trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

- Vấn đề quốc phòng, an ninh và đối ngoại cũng có nhiều kết quả nghiên cứu lý luận đã được xử lý và tiếp thu, trực tiếp cung cấp luận cứ để đưa ra quyết sách trên nhiều vấn đề, trong các giai đoạn, từng thời điểm trước sự biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới và khu vực hiện nay.

- Xử lý và tiếp thu nhiều vấn đề lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về quản lý xã hội, về dân chủ, trong đó dân chủ được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trong đó, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, làm cho Nhà nước thực sự là của dân, phục vụ nhân dân; hoạt động theo nguyên

tắc tập trung dân chủ. Có cơ chế giám sát quyền lực nhà nước....

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội, khắc phục biểu hiện dân chủ hình thức. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội, giai cấp và công bằng trong phát triển. Bảo đảm việc Nhà nước chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết.

- Về hoàn thiện hệ thống chính trị trước yêu cầu mới cũng đặt ra nhiều vấn đề lý luận cần phải xử lý, tiếp thu. Hệ thống chính trị của Việt Nam được cấu thành từ các thành tố có mối quan hệ hữu cơ, được thử thách và tiếp tục hoàn thiện qua các giai đoạn, theo

hướng phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, thực hành dân chủ. Bên cạnh vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước tiếp tục được đổi mới, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, tinh gọn, hiệu quả, thực sự đại diện cho lợi ích của người dân.

- Những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới; về vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường...luôn là những nội dung đặt ra nhiều vấn đề lý luận phải xử lý, bổ sung và phát triển, từ khi Đảng ta ra đời, lãnh đạo và đưa đất nước phát triển đến ngày hôm nay. Các vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức và xây dựng Đảng về đạo đức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng luôn có tầm quan trọng đặc biệt. Thực tiễn Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế luôn khẳng định, việc coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, từ đó đặt ra yêu cầu Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh

đốn; tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng là hết sức đúng đắn. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nâng cao trình độ nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng; tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, đấu tranh chống sự suy thoái, biến chất, tham nhũng, hư hỏng; đổi mới phương thức lãnh đạo và lề lối công tác; gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đặc biệt đề phòng nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ..

Những kết quả đạt được nêu trên trong xử lý, tiếp thu các vấn đề lý luận đã góp phần:

- Nâng cao nhận thức, phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về nền tảng, tư tưởng lý luận của Đảng, tạo tiền đề để xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống

- Đảm bảo xây dựng chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, lãnh

đạo sự nghiệp cách mạng của đất nước đi lên, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối đúng đắn của Đảng.

- Bổ sung các giá trị tinh hoa của nhân loại, làm sâu sắc hơn kho tàng lý luận của Đảng..

- Xử lý các vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển của đất nước cả về lý luận và thực tiễn, khuyến khích phát huy dân chủ, sáng tạo, phản biện chính sách nhằm làm rõ hơn cơ sở khoa học, thực tiễn, tạo sự đồng thuận cao trong Đảng và xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới của đất nước

- Phê phán các quan điểm sai trái, thù địch; củng cố và nâng cao vị thế, uy tín của Đảng ở trong và ngoài nước, nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

## **2. Những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý, tiếp thu các vấn đề lý luận của Đảng trong những năm qua**

### ***(1) Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận***

*Một là, tuy đã đạt được những kết quả to lớn không thể phủ nhận, song*

thực tế công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận cho thấy còn không ít cấp ủy chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo một cách đúng mức, thường xuyên; kết quả đạt được chưa tương xứng với vị trí, vai trò, yêu cầu phát triển của đất nước. Nhận thức về lý luận, tư duy lý luận còn bất cập. Nhiều vướng mắc trong nghiên cứu, sáng tạo, tự do tư tưởng vẫn chậm được khắc phục, chưa phát huy đầy đủ môi trường dân chủ trong nghiên cứu lý luận. Nghiên cứu lý luận chưa theo kịp với sự phát triển của thực tiễn, còn “nợ” thực tiễn nhiều vấn đề chưa giải quyết, tính dự báo không cao. Không ít vấn đề lý luận chậm sơ kết, tổng kết; kết quả nghiên cứu chậm được ứng dụng, thậm trí lạc hậu, xa rời thực tiễn.

Việc học tập, quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng có nơi còn hình thức, thụ động; công tác đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch tiến hành chưa thường xuyên, tính thuyết phục chưa cao.

*Hai là*, các cơ quan nghiên cứu lý luận tuy đã có bước phát triển nhất định, song còn phân tán hoặc trùng lặp, chưa được kiện toàn sắp xếp một cách hợp lý; chưa thật sự có cơ quan đủ

mạnh, đủ sức quy tụ các đơn vị nghiên cứu thành một khối thống nhất, cùng phối, kết hợp giải quyết các chương trình, nhiệm vụ lớn; việc quy hoạch hệ thống các cơ quan nghiên cứu về dài hạn còn nhiều bất cập, chậm đổi mới; chưa thực sự phát huy được tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu lý luận. Chất lượng dạy và học các môn lý luận chính trị trong hệ thống các trường đào tạo của Đảng, đoàn thể, hệ thống giáo dục quốc dân còn chậm đổi mới về nội dung, phương pháp.

Việc chỉ đạo, định hướng nghiên cứu lý luận chưa thường xuyên, kịp thời, chưa có chiến lược phát triển dài hạn, về cơ bản là thực hiện theo nhiệm kỳ đại hội Đảng; còn thiếu nhiều cơ chế, chính sách riêng phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động này. Kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu lý luận vừa thiếu, vừa lãng phí, chưa thực sự có đủ nguồn lực đủ mạnh để giải quyết những vấn đề lý luận lớn của đất nước; định hướng hợp tác quốc tế về các vấn đề lý luận, thực tiễn của đất nước còn nhiều hạn chế. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận hiện nay thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, quá ít chuyên

gia đầu đàn trên các lĩnh vực; lòng nhiệt tình, sự say mê nghiên cứu bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu trẻ gặp nhiều khó khăn trong đời sống, chưa thực sự tâm huyết, chưa thu hút được nhiều cán bộ giỏi tham gia công tác lý luận trong điều kiện hiện nay.

*Ba là*, mặc dù việc xây dựng môi trường dân chủ, sáng tạo trong nghiên cứu lý luận đã được quan tâm nhất định, song chưa được thể chế kịp thời, đồng bộ; nhiều vấn đề được cho là “nhạy cảm”, “mật” chưa kịp thời làm rõ, định hướng cụ thể, dẫn tới hạn chế sự tham gia nghiên cứu của giới khoa học, nhưng dễ bị các thế lực thù địch, cơ hội lợi dụng, chống phá. Mặt khác, không ít những kết quả nghiên cứu lý luận mới chậm được khai thác và ứng dụng trong thực tiễn, gây lãng phí nguồn lực trí tuệ của xã hội.

## ***(2) Trong xử lý, tiếp thu kết quả nghiên cứu lý luận***

*Một là*, công tác xử lý, tiếp thu các lý luận còn trong tình trạng lạc hậu trên một số mặt, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn đang vận động nhanh chóng, phong phú và phức tạp; không ít vấn đề đã rõ nhưng chậm

được cập nhật, tiếp thu đầy đủ, một số vấn đề mới chưa được tổng kết, làm rõ.

*Hai là*, công tác nghiệm thu, thẩm định, đánh giá chất lượng các chương trình, đề tài tuy đã bước đầu đổi mới, đặc biệt từ khi có Nghị quyết 20, khóa XI về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trọng điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tuy nhiên trong nhiều trường hợp, đánh giá chưa thực sự khách quan, khoa học. Việc xã hội hóa các kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu còn hạn chế, tính công khai, minh bạch trong đánh giá về giá trị ứng dụng, tác động, ảnh hưởng đến đời sống xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu chung về kết quả nghiên cứu lý luận phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và công tác nghiên cứu, ứng dụng.

*Ba là*, mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa nhà lý luận và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, giữa công tác nghiên cứu lý luận và công tác giảng dạy, đào tạo lý luận còn hạn chế.

## **3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý, tiếp thu các vấn đề lý luận của Đảng**

Công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước càng đi vào chiều sâu, càng đặt ra nhiều vấn đề cần phải chỉ đạo, định hướng, xử lý và tiếp thu các vấn đề lý luận. Tình hình thế giới và trong nước biến đổi không ngừng, sự bất ổn, xung đột vũ trang, cạnh tranh giữa các nước trong quá trình phát triển, cách mạng khoa học, công nghệ, đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động sâu sắc tới các quốc gia. Để ổn định và phát triển, Việt Nam sẽ có nhiều thời cơ, thách thức trước yêu cầu mới, đòi hỏi công tác chỉ đạo, xử lý tiếp thu các vấn đề lý luận phải có nhiều giải pháp phù hợp.

### ***(1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận.***

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, sớm ban hành các văn bản chỉ đạo về các vấn đề, như: hoàn thiện môi trường dân chủ, sáng tạo trong nghiên cứu lý luận; tổ chức diễn đàn trao đổi, đối thoại về các vấn đề lý luận có ý kiến khác với chủ trương, đường lối của Đảng; định hướng nghiên cứu các vấn đề tư tưởng, lý luận lớn của Đảng cần tập trung giải

quyết ngoài Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị khóa XI đã đề cập...

### ***(2) Tiếp tục kiện toàn các cơ quan lý luận***

Hoàn thiện các quy định về hoạt động nghiên cứu, xử lý, tiếp thu kết quả nghiên cứu nhằm đưa công tác này đi vào nề nếp, phát huy đầy đủ tự do sáng tạo trong quá trình tìm tòi, khám phá chân lý; mở rộng hợp tác quốc tế.

Kiện toàn các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, phân định rõ chức năng và nhiệm vụ, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong hệ thống Đảng, đoàn thể và hệ thống các trường đại học, viện nghiên cứu nhà nước về công tác lý luận.

Phát huy vai trò của Hội đồng lý luận Trung ương trong tư vấn, nghiên cứu và là đầu mối trong tập hợp lực lượng. Củng cố, tăng cường và phát triển nhanh một số ngành khoa học quan trọng. Xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông kết quả nghiên cứu giữa các cơ quan khoa học. Có giải thưởng hàng năm cho các công trình khoa học xã hội và lý luận thật sự có giá trị cao.

### ***(3) Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác lý luận***

Đa dạng hóa các hình thức và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, lấy các trường đại học, viện nghiên cứu làm trung tâm trong hợp tác quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trao đổi lý luận giữa Đảng ta với các đảng cộng sản, đảng cầm quyền về những vấn đề lý luận, thực tiễn Việt Nam quan tâm.

Coi trọng công tác thông tin khoa học về những thành tựu của các nước trên thế giới, đặc biệt các nước có những điểm tương đồng về ý thức hệ; những quốc gia có mô hình hay, kinh nghiệm giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn mà Việt Nam quan tâm trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước.

#### ***(4) Đổi mới nội dung và phương pháp đấu tranh tư tưởng, lý luận trong điều kiện mới.***

Xác định rõ những mục tiêu trực tiếp, cụ thể trong từng giai đoạn cần đấu tranh. Khẳng định và bảo vệ một cách khoa học vững chắc, có sức thuyết phục những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng. Quán triệt tinh thần đối thoại khoa học, dân chủ, bình đẳng, tôn trọng sự thật và chân lý khách quan, không áp

đặt, quy chụp đối với những người có quan điểm khác, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động. Phê phán, vạch trần những âm mưu, thủ đoạn, làm rõ bản chất phản khoa học của những luận điệu sai trái, chống đối, thù địch và phản động.

Đa dạng hóa các hình thức và phương thức đấu tranh, giữ vững quan điểm và nguyên tắc, mềm dẻo linh hoạt trong phương pháp, công khai minh bạch, dân chủ, đối thoại, gây dựng dư luận xã hội lành mạnh để đồng thuận, nhất trí trong xây và chống.

Phát huy vai trò và trách nhiệm của báo chí, của các phương tiện truyền thông đại chúng, các diễn đàn khoa học trong tuyên truyền kết quả nghiên cứu, những định hướng lớn cần quan tâm, những kết quả tiếp thu, xử lý các vấn đề lý luận và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Tạo điều kiện để các kết quả nghiên cứu mới được công bố rộng rãi, tạo sự thống nhất nhận thức, vì sự phát triển tốt đẹp của dân tộc, sự ổn định bền vững của chế độ, vì cuộc sống của nhân dân. Có hình thức định hướng dư luận phù hợp, quản lý hiệu quả mạng xã hội về các nội dung liên quan đến tư tưởng,

lý luận, đạo đức lối sống .

**(5) Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận**

Quan tâm đúng mức để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là các chuyên gia đầu ngành có trình độ cao góp phần giải quyết những vấn đề do thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra; đổi mới, nâng cao trình độ, phương pháp nghiên cứu, nhất là khả năng dự báo. Có chính sách và biện pháp thích hợp nhằm phát huy trí tuệ, sự lao động sáng tạo của những cán bộ có trình độ chuyên môn cao, bản lĩnh chính trị vững vàng.

Đổi mới căn bản công tác đào tạo cán bộ lý luận, từ quy hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp đến quy chế tuyển chọn, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, ưu tiên những ngành lý luận mũi nhọn. Nâng cao trình độ, phương pháp luận duy vật biện chứng, chất lượng nghiên cứu khoa

học, chất lượng giảng dạy lý luận chính trị trong các cơ sở đào tạo. Hiện đại hóa các phương pháp tiếp cận...

**(6) Tăng ngân sách đầu tư cho các hoạt động lý luận**

Phân bổ hợp lý nguồn kinh phí từ ngân sách, ưu tiên cho nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; có cơ chế hợp lý thu hút nguồn lực xã hội, hợp tác quốc tế nhằm bảo đảm từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ công tác nghiên cứu.

Hiện đại hóa hệ thống thông tin và bảo đảm cung cấp thông tin cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn... Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thích đáng, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của các nhà khoa học, tăng cường tiềm lực cho hoạt động nghiên cứu lý luận; hiện đại hóa hệ thống các viện, học viện, cơ quan nghiên cứu lý luận... ■

<sup>1</sup> Xem “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)”.





# NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● PGS.TS TRẦN QUỐC TOẢN

## 1. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU

(1) Đường lối phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội và con người trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng đánh dấu một bước đổi mới quan trọng trong nhận thức lý luận. Cương lĩnh xác định xây dựng “*nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” là một đặc trưng của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cương lĩnh chỉ ra nhiệm vụ quan trọng: “Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa

tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Đó là sự kế thừa và phát triển đường lối văn hóa “dân tộc, khoa học, đại chúng” được xác định trong *Đề cương văn hóa* năm 1943 của Đảng, trong giai đoạn mới. Với đường lối văn hóa này, các chính sách xã hội hướng

đặt con người là nhân tố quan trọng của sự phát triển, phát huy, đảm bảo toàn diện các yếu tố vật chất và tinh thần cho con người trong tất cả các mối quan hệ xã hội.

(2) Đại hội lần thứ VIII của Đảng, nhận thức về văn hóa đã có một bước chuyển biến quan trọng. Văn hóa được xác định là “*nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội*”<sup>2</sup>. Đây là một cách tiếp cận mới đối với văn hóa, cách nhìn nhận mới về bản chất, vị trí và vai trò văn hóa trong đời sống xã hội. Văn hóa không đơn thuần là sản phẩm được tạo ra một cách phụ thuộc, bị động, mà trở thành môi trường phát triển của con người, môi trường vận động và phát triển của đời sống kinh tế - xã hội. Khẳng định, văn hóa là “*nền tảng tinh thần*”, “*là động lực phát triển kinh tế - xã hội*” đã thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa phát triển văn hóa với phát triển con người và phát triển tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Và điều này lại đặt ra những đòi hỏi về các chính sách phát triển văn hóa, xã hội và con người.

(3) Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII “về

xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã nêu lên những nhận thức mới về phát triển văn hóa, xã hội, con người, bằng sự khẳng định: “*Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc*”. Như vậy, *văn hóa là nền tảng tinh thần, đồng thời là nền tảng xã hội của sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, trong việc hình thành con người, tạo dựng những giá trị của dân tộc*.

Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII xác định 10 nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người, trong đó có hai nhiệm vụ lần đầu tiên được nêu đậm nét, là: *Xây dựng con người và xây dựng môi trường văn hóa xã hội*. Các yêu cầu xây dựng con người Việt Nam được xác định với 5 nội dung: Yêu nước, tự cường dân tộc; ý thức tập thể, đoàn kết; lối sống lành mạnh, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng phép nước; lao động

chăm chỉ, sáng tạo; cầu thị, ham hiểu biết. Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa được đặt ra tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của nó. Đây là kết quả của việc tổng kết thực tiễn phát triển văn hóa, gắn với sự phát triển của tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đánh giá nguyên nhân của những hiện tượng tích cực và tiêu cực xã hội. Yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa được đặt ra tương đối toàn diện, bao gồm môi trường gia đình, cộng đồng, làng bản, khu dân cư, nhà trường và môi trường xã hội nói chung.

(4) Cương lĩnh năm 2011 của Đảng trên cơ sở bổ sung, phát triển những thành tựu trong nhận thức lý luận về văn hóa, xã hội và con người, đã khẳng định quan điểm: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành *sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển*. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây

dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao”. Việc xác định văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của sự phát triển là bước phát triển mới nhận thức lý luận về văn hóa, xã hội và con người. Lần đầu tiên, văn hóa được nhìn nhận với vai trò, vị trí quan trọng đặc biệt là yếu tố bên trong quyết định sự phát triển của xã hội. Nhận thức mới về vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội gắn liền với những nhận thức mới về phát triển con người, khi Cương lĩnh khẳng định “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển*”, tiếp cận vấn đề con người theo hướng gắn kết hài hòa giữa cái riêng với cái chung, giữa con người cá nhân với con người xã hội, con người công dân. Cương lĩnh xác định phương hướng xây dựng con người là: “Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”. Đây cũng là sự thể hiện thấm nhuần quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về con người, về nhân dân: “nước lấy dân làm gốc”, và “gốc có vững, cây mới bền, xây

lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Nhận thức ấy cũng rất gần gũi với quan điểm của UNDP trong *Báo cáo phát triển con người*, năm 1990, trong đó nhấn mạnh: “Phát triển con người là mục đích của sự phát triển”, vì “tài sản của mỗi quốc gia là con người của quốc gia đó”. Vấn đề quyền con người, quyền công dân được chế định rất đậm nét trong Hiến pháp 2013 của nước ta.

(5) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những luận điểm cơ bản trong nhận thức lý luận về văn hóa, xã hội và con người của Cương lĩnh 2011: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần *dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học*. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Văn

hóa được nhìn nhận trong mối quan hệ gắn kết hữu cơ với con người, không tách rời mục tiêu phát triển con người. Từ nhận thức ấy, Nghị quyết nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển văn hóa và phát triển con người, trong đó, “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa”, đồng thời yêu cầu: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”.

Nghị quyết Trung ương 9 đã nhấn mạnh: “Trong xây dựng văn hóa, *trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp*, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”. Thực chất, đây là sự tiếp nối và cập nhật hóa luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Với việc khẳng định những đặc tính cơ bản của con người Việt Nam cần hướng tới trong giai đoạn mới, cho thấy cách tiếp cận vấn đề phát triển con người một cách toàn diện, không chỉ cần xây dựng những đặc trưng hiện đại mà còn phải phát huy được những

giá trị truyền thống tốt đẹp, đáp ứng yêu cầu cuộc sống hiện nay.

Lần đầu tiên, Nghị quyết trung ương 9 khóa XI đặt ra yêu cầu “xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế”. Nội dung xây dựng văn hóa trong chính trị được xác định là văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, trong đó, quan tâm chủ yếu đến phẩm chất đạo đức công vụ, trách nhiệm chính trị - xã hội, tinh thần tận tụy công tác, phục vụ nhân dân và ý thức kỷ luật, kỷ cương trong lao động. Nội dung xây dựng văn hóa trong kinh tế dựa trên cơ sở lấy “con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội”, xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng, hiệu quả, minh bạch, giữ chữ tín, tôn trọng pháp luật...

(6) Đại hội lần thứ XII của Đảng đã tổng kết 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đề ra đường lối xây dựng đất nước trong thời kỳ mới với bước chuyển giai đoạn quan trọng. Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội và con người, nhận thức lý luận của Đảng đã cho thấy rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế, xã hội, văn hóa và con

người trong sự phát triển; trong đó, con người vừa là động lực quyết định, vừa là mục tiêu trung tâm của sự phát triển. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của chiến lược phát triển”. Để thực hiện mục tiêu ấy, Đại hội đã chỉ rõ nhiệm vụ quan trọng là phải “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Đồng thời, tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng nền công nghiệp văn hóa hiệu quả, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phù hợp với yêu cầu, điều kiện của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

(7) Về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, Đảng ta cũng đã có những đổi mới quan trọng về tư duy lý luận. Từ nhận thức các lĩnh vực xã hội thuộc phạm trù phúc lợi xã hội, được nhà nước bao cấp rất cao trong thể chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp; đã từng bước đổi mới tư duy về giải quyết và phát triển các vấn đề xã hội trong thể chế kinh tế thị trường xã

hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thế hiện tập trung ở các quan điểm: Gắn kết các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu phát triển con người và các mục tiêu xã hội; gắn kết tăng trưởng kinh tế với “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển”; Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ; Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa, đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công, gắn với tăng cường vai trò chủ đạo của nhà nước. Tư duy lý luận đó được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách giải quyết và phát triển các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới; vừa góp phần tạo động lực cho sự phát triển bền vững, vừa hướng tới giá trị công bằng và tiến bộ xã hội, lành mạnh hóa xã hội; phát triển toàn diện các lĩnh vực xã hội hài hòa hơn với phát triển kinh tế.

Đại hội lần thứ XII của Đảng lần đầu tiên đặt ra vấn đề *quản lý phát triển xã hội*. Thực chất của vấn đề quản lý phát triển xã hội là điều chỉnh mối quan hệ hợp lý giữa nhà nước, thị

trường và xã hội, giữa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và lợi ích của các chủ thể trong quá trình phát triển, đảm bảo công bằng và bình đẳng cho mọi thành viên, đảm bảo cho sự phát triển hài hòa, năng động và bền vững của xã hội, trong đó coi sự phát triển toàn diện của con người là trung tâm.

Như vậy, sự đổi mới nhận thức lý luận của Đảng ta về văn hóa, xã hội và con người trong quá trình đổi mới ngày càng gắn bó chặt chẽ, hữu cơ với thực tế vận động và phát triển mọi mặt của đời sống xã hội trên cơ sở nghiên cứu tổng kết thực tiễn với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, không né tránh những vấn đề phức tạp đặt ra trong quá trình phát triển của đất nước; khắc phục những hạn chế về phương pháp luận, tiếp cận với những nhận thức chung, giá trị chung tiến bộ của nhân loại. Vấn đề phát triển văn hóa, xã hội và con người ngày càng được nhìn nhận sâu hơn về bản chất trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; trong mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng với thượng tầng kiến trúc, giữa con người với hoàn cảnh sống và các điều kiện xã hội - lịch sử...

## 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Từ thực trạng phát triển văn hóa, xã hội, con người, từ tình hình nghiên cứu và nhận thức lý luận về những vấn đề này, cũng như từ những yêu cầu mới đặt ra đối với sự phát triển đất nước trong thời gian tới, xin nêu *một số vấn đề đang đặt ra* trong công tác nghiên cứu lý luận về lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người như sau.

*(1) Cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc những cơ hội và thách thức đặt ra đối với quá trình phát triển con người - văn hóa - xã hội trong giai đoạn mới.* Cần thấy rõ rằng, công cuộc đổi mới, nằm sâu bên trong là quá trình đấu tranh - xây dựng - xác lập - phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội mới, thể hiện cả trong nhận thức, quan điểm, xây dựng thể chế, thiết chế và trong đời sống thực tiễn.

Quá trình đấu tranh này thể hiện trên toàn xã hội, trong mọi lĩnh vực và ở mọi cấp độ; được thể hiện trong tất cả các chủ thể trong xã hội: hệ thống chính trị, Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức, đơn vị xã hội, các gia đình và mỗi con người. Quá trình đấu tranh, chuyển hóa, phát triển các giá trị không phải là quá trình một chiều,

không thể đảo ngược được; quá trình này chịu sự tác động của tất cả các yếu tố khách quan và chủ quan; mang cả tính tự giác và tự phát, tự nguyện và cưỡng chế. Vấn đề đặt ra là, trong quá trình chuyển đổi thể chế phát triển, để cho quá trình xây dựng - xác lập - phát triển các giá trị tích cực trở thành dòng chủ đạo - động lực nội sinh chi phối sự phát triển của xã hội, hạn chế được một cách hiệu quả sự phát triển, sự tác động và lan tỏa của các giá trị tiêu cực, không còn phù hợp, thì trước hết đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải tự mình vượt lên trước, nhận thức rõ những yêu cầu khách quan của sự phát triển đất nước trong giai đoạn bước ngoặt, nhận thức rõ các xu thế phát triển của thời đại và hội nhập quốc tế, để từ đó có nhận thức đúng và xây dựng được hệ giá trị phát triển của chính Đảng và Nhà nước thể hiện rõ bản chất tiên phong, “là đạo đức, là văn minh, là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no” (như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói), đại biểu trung thành cho lợi ích của dân tộc - của đất nước, xây dựng được Nhà nước pháp quyền “kiến tạo phát triển” thực sự của dân, do dân, vì dân. Đó là cơ sở quan trọng để định hình, định

hướng các giá trị phát triển của đất nước, xây dựng đồng bộ ba trụ cột phát triển văn hóa (xây dựng đời sống, giá trị sống - lối sống văn hóa; sáng tạo văn hóa; xây dựng các thể chế - thiết chế văn hóa) để làm nền tảng cho sự hình thành, tồn tại và phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội tích cực, tốt đẹp.

(2) *Từ xác định văn hóa với vai trò là “nền tảng tinh thần của xã hội, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, “sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững”, đặt ra sự cần thiết tiếp tục nghiên cứu sâu làm rõ nội dung - giá trị văn hóa mang tính bản chất bên trong của tất cả các quá trình phát triển kinh tế - xã hội, của mỗi chủ thể trong xã hội; làm rõ điều kiện và quá trình hình thành, phát triển và khẳng định những giá trị đó trong cuộc sống; làm rõ cơ chế và hệ quả tác động qua lại giữa văn hóa với các mặt khác của đời sống xã hội, nhất là trong điều kiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.* Bởi vì, văn hóa chỉ trở thành “nền tảng tinh thần của xã hội, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, “sức mạnh nội sinh quan trọng

đảm bảo cho sự phát triển bền vững” khi những giá trị văn hóa - giá trị con người trở thành yếu tố bên trong mang tính bản chất của các quá trình phát triển xã hội, của mỗi chủ thể, thiết chế trong xã hội. Hơn nữa những giá trị văn hóa, giá trị con người và giá trị xã hội luôn có sự đấu tranh, vận động và phát triển trong sự thay đổi điều kiện kinh tế - xã hội. Ngay cả một số giá trị truyền thống tích cực cũng phải có sự thay đổi thích ứng với điều kiện mới.

Nhất là trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của xã hội hiện đại với những tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, của cách mạng khoa học - công nghệ, của công nghệ thông tin - truyền thông - Internet, và quá trình toàn cầu hóa cũng đang tác động mạnh mẽ vào đời sống xã hội, làm thay đổi lối sống của con người Việt Nam. Để xây dựng được nền văn hóa Việt Nam là sức mạnh nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước, cần phải làm rõ những vấn đề trên, đồng thời thực hiện sáng tạo những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về “Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc” là: (1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; (2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình,



làm lợi cho quần chúng; (3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; (4) Xây dựng chính trị: dân quyền; (5) Xây dựng kinh tế<sup>3</sup>. Nói cách khác, cần nghiên cứu để xác định rõ nội dung, cơ chế để làm cho văn hóa trở thành nhân tố bên trong mang tính bản chất của sự phát triển xã hội, của mỗi chủ thể.

(3) Từ tổng kết thực tế 30 năm đổi mới, chúng ta đã nhìn nhận rõ hơn về tầm quan trọng của môi trường văn hóa đối với sự phát triển con người và phát triển kinh tế, xã hội nói chung. Tuy nhiên, nhận thức về môi trường văn hóa, cơ chế, chính sách về xây dựng môi trường văn hóa còn nhiều bất cập. Môi trường văn hóa - xã hội trên thực tế chậm được cải thiện, không những thế có mặt bị xuống cấp nghiêm trọng, kể cả trong môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường hệ thống chính trị, môi trường xã hội. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, lạm dụng quyền lực, vô cảm, mất dân chủ vẫn còn nghiêm trọng, niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ có phần giảm đi; hiện tượng phạm tội và một số tệ nạn, tiêu cực xã hội có chiều hướng tăng lên. Việc tiếp tục nghiên

cứu cơ sở lý luận, làm rõ nguyên nhân dẫn đến những bất cập về môi trường văn hóa - xã hội, để ra được những chủ trương, cơ chế, chính sách và giải pháp có hiệu quả để xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tích cực là một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa thường xuyên.

(4) Vấn đề nghiên cứu và xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế đã được đặt ra trong các văn kiện gần đây của Đảng, nhưng cả về nhận thức lý luận và thực tiễn đang còn những “khoảng trống” cần được làm rõ. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là hai lĩnh vực văn hóa giữ vai trò trụ cột của đời sống xã hội, có ý nghĩa chi phối toàn bộ các lĩnh vực khác của đời sống văn hóa, tác động trực tiếp đến sự phát triển mọi mặt của đất nước với tính cách là “sức mạnh nội sinh”. Văn hóa trong chính trị về bản chất là văn hóa chế định quyền lực, sử dụng quyền lực và kiểm soát quyền lực; là việc chế định và thực thi nguyên lý “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”, đảm bảo quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân, nguyên tắc “thượng tôn pháp luật” trong hoạt động của nhà nước và tất cả các chủ

thể trong xã hội. Đó là văn hóa về sự lãnh đạo - cầm quyền của đảng đối với nhà nước và xã hội thể hiện được tính “tiền phong - là đạo đức - là văn minh” để thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Văn hóa trong chính trị thể hiện cô đọng ở các giá trị phát triển, mục tiêu phát triển về thể chế chính trị - xã hội và con người mà Đảng và nhà nước đặt ra trong các giai đoạn phát triển, ở việc Đảng và nhà nước tự thể hiện ra các giá trị đó như thế nào, đã lãnh đạo và quản lý thế nào để hiện thực hóa các giá trị đó trong cuộc sống. Điều này nói lên tầm quan trọng đặc biệt của việc xây dựng và hiện thực hóa các giá trị văn hóa tiên tiến trong hệ thống chính trị. *Văn hóa trong kinh tế* về bản chất là văn hóa định hướng sự phát triển kinh tế vào các mục tiêu phát triển con người và những giá trị xã hội; xây dựng thể chế và môi trường sản xuất - kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả; tôn trọng giá trị đạo đức, nhân văn và chữ tín trong sản xuất kinh doanh; hình thành các giá trị liên kết, hợp tác để thực hiện sự phát triển bền vững tổng hợp giữa kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó

mỗi chủ thể kinh tế phải trở thành một thiết chế văn hóa; là cách tiếp cận *phát triển bao trùm* để không ai bị tụt lại phía sau.

Giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế luôn có mối quan hệ mật thiết mang tính bản chất và chế định lẫn nhau. Nhận thức rõ bản chất và xác định đúng hệ giá trị văn hóa trong chính trị và trong kinh tế, để xây dựng được thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách phát triển phù hợp, hiệu quả là một nhiệm vụ rất quan trọng.

(5) *Vấn đề nghiên cứu, xây dựng và hiện thực hóa hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.* Con người không chỉ là trung tâm của chiến lược phát triển, là mục tiêu hướng tới của việc xây dựng nền văn hóa, mà con người phải trở thành chủ thể văn hóa trung tâm, là động lực quyết định nhất của sự phát triển xã hội, sự phát triển của mỗi cá nhân. Hệ giá trị con người là nhân lõi nền tảng của hệ giá trị văn hóa - hệ giá trị xã hội của một đất nước. Hệ giá trị con người không chỉ mang các đặc trưng, các giá trị chung của xã hội, mà còn hàm chứa các giá trị cá nhân, lợi

ích cá nhân chính đáng của con người. Việc nghiên cứu, xây dựng và hiện thực hóa hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam hiện đại cần được đặt trong mối quan hệ tổng hợp, toàn diện của các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, trong mối quan hệ giữa cá nhân - tập thể - xã hội. Hệ giá trị con người đó một mặt phải thể hiện được những yêu cầu cao của sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới, đồng thời kế thừa và phát huy sáng tạo các giá trị truyền thống của dân tộc. Cần nhận thức sâu sắc rằng hệ giá trị con người hiện đại không thể hình thành và trở thành chủ đạo trong đời sống bằng mong muốn chủ quan, bằng các giải pháp duy ý chí, chỉ bằng tuyên truyền giáo dục (dù rất quan trọng), mà phải gắn liền với quá trình xây dựng và hoàn thiện các thể chế - thiết chế chính trị, kinh tế và xã hội con người hoạt động trong đó. Đó là sự tác động hai chiều, quy định lẫn nhau. Quá trình hình thành và hiện thực hóa hệ giá trị con người Việt Nam hiện đại vừa mang tính tự giác, tự nguyện vừa mang tính “cưỡng bức”. Do đó, muốn tích cực hóa các giá trị con người, nhân tố con người, phải

tích cực hóa tất cả các yếu tố có vai trò chi phối hay quy định đối với quá trình phát triển.

Việc xây dựng và hiện thực hóa hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam, để nhân tố con người - văn hóa trở thành trở thành động lực nội sinh quan trọng nhất cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước là một nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn mới.

*(6) Nghiên cứu, tiếp thu có hiệu quả những tinh hoa văn hóa - những giá trị tiến bộ chung của nhân loại, kết hợp hài hòa - hữu cơ với các giá trị văn hóa của dân tộc để trở thành sức mạnh nội sinh tổng hợp phát triển đất nước là yêu cầu tất yếu, khách quan và cấp thiết, nhất là trong điều kiện chúng ta đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn trên tất cả các lĩnh vực.* Việc hình thành các giá trị chung về sự phát triển của nhân loại, của khu vực, của quan hệ giữa các nước, là nền tảng của sự hợp tác, liên kết giữa các nước trên nguyên tắc bình đẳng, tin cậy và cùng có lợi. Nhưng quá trình hội nhập quốc tế cũng là quá trình đấu tranh để gìn giữ và phát triển giá trị và bản sắc văn hóa tích cực dân tộc, chống lại những

giá trị văn hóa ngoại lai tiêu cực. Vấn đề đặt ra là các giá trị văn hóa quốc tế (cả tích cực và tiêu cực) đang hàng ngày, hàng giờ, hàng phút tràn vào môi trường xã hội nước ta qua rất nhiều con đường khác nhau, vô hình và hữu hình, hợp pháp và phi pháp, nhất là qua các mạng xã hội, mạng Internet, các phương tiện truyền thông... Do đó, việc nghiên cứu các giá trị văn hóa thế giới cùng xu thế vận động và phát triển, nhất là của các nước mà Việt Nam có quan hệ hợp tác sâu rộng; làm rõ bản chất và cơ chế tương tác - phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế, để trên cơ sở đó xây dựng được các thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách và giải pháp hội nhập quốc tế có hiệu quả, cho phép chúng ta chủ động tiếp thu được các giá trị văn hóa của nhân loại, biến nó thành nội lực phát triển của mình, là một nhiệm vụ quan trọng. Mặt khác, truyền bá những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tăng cường “sức mạnh mềm” quốc gia, tạo môi trường và điều kiện cho việc hợp tác phát triển có hiệu quả các lĩnh vực khác là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết.

(7) *Vấn đề phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ngày càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu sắc hơn, đồng bộ hơn cả về lý luận và thực tiễn trong bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quan hệ quốc tế.* Thực tiễn phát triển của đất nước trong bối cảnh mới: Xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, tuân thủ nguyên tắc “thượng tôn pháp quyền” gắn liền với đề cao phát huy quyền làm chủ của nhân dân, với nâng cao tính tự chủ - tự quản của các tổ chức xã hội, với thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân, với nâng cao trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân và của mọi tổ chức trong xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong bối cảnh có rất nhiều cơ hội lớn, đồng thời cũng đang đứng trước rất nhiều thách thức không nhỏ về cả chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, con người, an ninh và môi trường. Xuất hiện nhiều hiện tượng mới, xu hướng phát triển mới trong tất cả các lĩnh vực, tác động sâu sắc đến sự phát triển xã hội (cả tích cực và tiêu cực). Những điều đó đặt ra phải nghiên cứu và xây dựng đồng bộ thể chế quản lý

phát triển xã hội trong điều kiện mới, trong đó kết hợp hài hòa, hữu cơ, hiệu quả giữa vai trò - trách nhiệm - nghĩa vụ của nhà nước với vai trò - trách nhiệm - quyền lợi - tính tự chủ, tự quản, gắn kết cộng đồng của các tổ chức, các thiết chế trong xã hội, với vai trò - trách nhiệm - nghĩa vụ - lợi ích của mỗi cá nhân, hướng vào mục tiêu xây dựng mỗi cộng đồng xã hội, tổ chức xã hội theo những giá trị nhân ái - nhân văn - chia sẻ - năng động - sáng tạo - liên kết để tạo động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững cả về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và môi trường sinh thái, đồng thời có sức đề kháng cao đối với những tác động tiêu cực trong xã hội .

Đổi mới và phát triển nhận thức lý luận về văn hóa, xã hội và con người là

một quá trình, gắn liền với sự vận động và phát triển mọi mặt của thực tiễn xã hội. Trong những giai đoạn phát triển mang tính bước ngoặt và đột phá như nước ta hiện nay, nhân tố con người vừa đóng vai trò chủ thể vừa đóng vai trò động lực then chốt cho sự phát triển nhanh - bền vững đất nước. Để nhân tố con người thực hiện được sứ mạng trọng đại đó, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải thể hiện được vai trò tiên phong, xây dựng được đồng bộ các thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách *gắn kết hữu cơ giữa các giá trị lợi ích, giá trị pháp lý và giá trị đạo đức* để thúc đẩy quá trình hình thành, phát triển và hiện thực hóa các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội tiên tiến, trở thành sức mạnh nội sinh cho sự phát triển đất nước - của cả dân tộc ■

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991.*

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.29.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

# ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÝ LUẬN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● PGS. TS NGUYỄN VIỆT THẢO

*Phó Giám đốc*

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**N**gay trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triển khai công tác huấn luyện lý luận cho đội ngũ cán bộ cách mạng. Tiếp đó, trong suốt các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn luôn chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên.

Nhiệm vụ đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận chính trị nói chung (sau đây xin được nói tắt là cán bộ lý luận) được Trung ương Đảng và Chính phủ giao cho một số học viện, trường đại học, viện chuyên ngành, trong đó Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là trung tâm quốc gia có vai trò, vị trí hàng đầu, chỉ đạo nội dung các chương trình và phương pháp đào tạo.

Qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, có thể khẳng định những **kết quả, thành tựu** sau đây:

*Một là*, Trung ương Đảng, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát công tác đào tạo cán bộ lý luận, đã ban hành nhiều nghị quyết, nghị định, chế độ, chính sách về công tác tư tưởng, lý luận tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai nhiệm vụ đào tạo cán bộ lý luận trong tình hình mới.

*Hai là*, đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ lý luận đông đảo thuộc tất cả các chuyên ngành: triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử Đảng; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam; chính trị học và một số bộ môn khác nghiên cứu chuyên sâu về đường



*Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phát biểu tại Hội nghị Tổng kết, đánh giá kết quả triển khai các lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ cao cấp, tại Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị, ngày 15/9/2017 (Ảnh: HCMA)*

lối, chủ trương, chiến lược của Đảng. Đội ngũ cán bộ lý luận này có cơ cấu độ tuổi, ngành nghề, lĩnh vực công tác... rất phong phú, trong đó có nhiều người trực tiếp làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận; một số người khác làm việc trong các cơ quan tham mưu, lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp lớn...

Ba là, chất lượng đào tạo cán bộ lý luận được nâng cao, thể hiện qua khả năng đáp ứng nhiệm vụ công tác của

đội ngũ cán bộ lý luận. Trước đòi hỏi nóng bỏng khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, bảo vệ và đổi mới chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách của những năm 80, 90 của thế kỷ XX, tư duy lý luận Việt Nam đã có bước đột phá, tiếp đó không ngừng vận động, bám sát đặc điểm của đất nước và các xu thế chủ lưu trên thế giới, tự chủ và kịp thời cung cấp luận chứng khoa học và thực tiễn cho Đảng, Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế, xã

hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Nếu so sánh với các năm tháng trước kia, khi đội ngũ cán bộ lý luận của nước nhà còn nhỏ bé về số lượng và thiếu hụt về trình độ học thuật, rõ ràng là đến nay chúng ta có bước trưởng thành rất lớn, sẵn sàng đảm bảo nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Bốn là*, các cơ sở đào tạo cán bộ lý luận có nhiều cố gắng đảm bảo đồng thời tính khoa học và tính Đảng; chất lượng học thuật và yêu cầu chính trị trong nội dung, chương trình và trong toàn bộ quá trình đào tạo. Nhờ vậy, quy mô đào tạo cán bộ lý luận đã không ngừng được mở rộng; nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn mới, phức tạp của đất nước đã được nghiên cứu, tổng kết và đưa vào nội dung giảng dạy, nghiên cứu; tuyệt đại đa số đội ngũ cán bộ lý luận của nước nhà là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, lý luận, bảo vệ mục tiêu, lý tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng, bảo vệ vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn xã hội, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

*Năm là*, đã hình thành một hệ thống cơ sở đào tạo hùng hậu, bao gồm Học

viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong đó có 5 học viện trực thuộc; các học viện Chính trị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; các trường khoa học xã hội - nhân văn thuộc các đại học quốc gia, Đại học Sư phạm Hà Nội và một số đại học khác... Hàng năm đào tạo hàng nghìn cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành lý luận chính trị. Cũng phải kể thêm đội ngũ cán bộ các chuyên ngành khoa học chính trị, chủ yếu là thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo từ các trường đại học trên thế giới, phân đông là từ các nước tư bản phát triển.

Với những kết quả, thành tựu như vậy trong những năm qua, Đảng và đất nước có một đội ngũ cán bộ lý luận đông đảo, thuộc mọi chuyên ngành, lĩnh vực; được đào tạo, rèn luyện cả về chuyên môn, học thuật và chính trị, tư tưởng; được cống hiến, trưởng thành thông qua các hoạt động lý luận và thực tiễn, có đóng góp xứng đáng vào quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng, kiên trì và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong bối cảnh mới, góp phần vào những thành tựu to lớn, có



ý nghĩa lịch sử của nước nhà sau hơn 30 năm đổi mới.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo cán bộ lý luận vẫn đang còn nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn:

*Một là*, chất lượng đào tạo cán bộ lý luận chưa đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi vừa cấp bách, nóng bỏng vừa cơ bản, lâu dài của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hệ quả là, phần lớn nhiệm vụ lý luận đều được cơ bản hoàn thành nhưng chất lượng hoàn thành không cao; hơn nữa, không ít nhiệm vụ lý luận bị “nợ, đọng”, chậm được triển khai, chậm được giải quyết. Đại hội XII của Đảng đã thẳng thắn vạch rõ: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”.

Nguyên nhân gây ra hạn chế, yếu kém này trước hết là do nội dung các chương trình đào tạo lý luận chưa phù

hợp; do đội ngũ giảng viên ở các học viện, nhà trường chưa thật sự vừa “hồng” vừa “chuyên” trong sự nghiệp “trồng người” của Đảng và cho Đảng. Ngoài ra, cần phải kể đến các nguyên nhân quan trọng khác, đó là: đầu vào của đội ngũ sinh viên đại học các chuyên ngành lý luận hiện nay rất thấp so với các chuyên ngành khác; động cơ đi học của nhiều học viên cao học và nghiên cứu sinh các chuyên ngành lý luận là rất đáng lo ngại; chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ lý luận còn nhiều bất hợp lý...

*Hai là*, đang tồn tại tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ lý luận, do cơ cấu các chuyên ngành đào tạo không hợp lý. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Hệ thống, chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị còn nhiều bất hợp lý. Phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị còn lạc hậu”. Một số chuyên ngành gắn gũi với lý luận như: nhà nước và pháp luật, quản lý kinh tế, chính sách công... thường xuyên quá tải về số lượng sinh viên, học viên; trong khi đó, một số chuyên ngành “chính hiệu” lý luận có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp cách mạng như: triết học, chủ nghĩa xã hội khoa học, kinh tế

chính trị học, lịch sử và lý luận phong trào cộng sản, công nhân quốc tế... nhiều năm không tuyển sinh được học viên. Có các nguyên nhân khác nhau gây ra nghịch lý này, nhưng nổi lên trên hết là do chúng ta chưa có chính sách cụ thể cần thiết đối với công tác đào tạo các môn lý luận đặc thù này.

*Ba là*, tình trạng vừa không coi trọng giáo dục kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa không thật sự bám sát kết quả tổng kết thực tiễn, vừa chậm trễ, phiến diện và thụ động tiếp thu tri thức lý luận bên ngoài, nếu không được khắc phục kịp thời, sẽ tạo ra nguy cơ không thể xem thường đối với công tác đào tạo cán bộ lý luận của chúng ta. Đọc trực tiếp các tác phẩm kinh điển, nếu trước kia các thế hệ cha anh thực hiện đầy hào hứng, thì nay chỉ còn là thao tác của thiểu số trong số học viên các chuyên ngành lý luận. Các học thuyết lý luận trên thế giới đương đại về sự phát triển, nhìn chung, được giới học thuật nước ta tiếp cận rất muộn, ít khi trực tiếp, nên thường là không hệ thống và thiếu tinh thần chọn lọc, phê phán. Nguyên nhân hàng đầu là do đội ngũ cán bộ lý luận không đủ trình độ ngoại ngữ, không có quan hệ với nhiều

thiết chế học thuật nổi tiếng và các nhà khoa học đầu ngành trên thế giới.

*Bốn là*, hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận của Đảng, Nhà nước hiện nay, tuy khá phong phú, đa dạng nhưng chưa chuyên sâu, còn chông chéo nhau về nhiệm vụ, chuyên ngành đào tạo nên chưa phát huy được thế mạnh của từng cơ sở, thay vào đó là tình trạng cạnh tranh với nhau ngày càng thiếu lành mạnh. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm cho không ít nhà trường xem nhẹ chất lượng đào tạo sinh viên, học viên, cán bộ lý luận; chạy theo quy mô, số lượng vì công ăn việc làm, vì cải thiện thu nhập v.v... Sản phẩm do các cơ sở đào tạo ra hằng năm là những đội ngũ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ ná ná giống nhau về chuyên ngành, về cái mạnh và cái yếu. Càng ngày càng có nhiều tiến sĩ lý luận không làm công tác lý luận; phó giáo sư, giáo sư lý luận không thực giảng dạy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần huấn thị, cán bộ là “gốc” của mọi công việc. Hiểu theo nghĩa đó, cán bộ lý luận là nhân tố “gốc” đối với sự nghiệp tư tưởng, lý luận của Đảng. Để nhân tố “gốc” trở nên vững mạnh, cần nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo

cán bộ lý luận. Xin được đề xuất một số giải pháp sau đây:

*Một là*, rà soát, chỉnh sửa, đổi mới nội dung và ban hành các chương trình đào tạo lý luận để thực hiện thống nhất trong các trường đại học, học viện của đất nước, chấm dứt tình trạng từng trường, thậm chí từng khoa đào tạo lý luận theo chương trình riêng của mình. Trước mắt, nên tập trung vào các chuyên ngành triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử Đảng; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Thống nhất và chuẩn mực về nội dung chương trình đào tạo lý luận là tiền đề hàng đầu cho sự thống nhất về nhận thức lý luận, thống nhất về tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội. Và đây cũng là yếu tố hữu ích phòng ngừa, khắc phục các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*Hai là*, sắp xếp lại, cơ cấu lại hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận trong phạm vi cả nước theo hướng phân công, phân ngành tùy theo chức năng, nhiệm vụ và lợi thế của từng đơn vị. Khắc phục tình trạng nhiều học viện, nhiều trường đại học cùng thực hiện

đào tạo các chuyên ngành lý luận như nhau. Có định hướng riêng cho một số chuyên ngành đặc thù, mặc dù không hấp dẫn đối với xã hội nhưng không thể thiếu đối với công tác tư tưởng, công tác lý luận của Đảng.

*Ba là*, xác lập chế độ đào tạo riêng, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên, bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những người trực tiếp giảng dạy, nghiên cứu lý luận. Học tập kinh nghiệm quý báu trước kia, Đảng và Nhà nước cần chỉ đạo xây dựng Đề án đào tạo cán bộ lý luận, trong đó có đào tạo giảng viên lý luận trước yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tri thức lý luận trong thời đại ngày nay được bổ sung, đổi mới rất mau lẹ và thường xuyên, buộc đội ngũ cán bộ lý luận phải được tiếp thu kịp thời, đầy đủ. Theo hướng này, đào tạo về ngoại ngữ, về kỹ năng sử dụng các công nghệ hiện đại... trở nên thật sự cấp bách với số đông cán bộ lý luận hiện nay.

Lãnh tụ V.I.Lênin đã khẳng định, chỉ đảng cách mạng nào được trang bị lý luận tiên phong thì mới có điều kiện làm tròn sứ mệnh tiên phong. Nhiệm vụ rất đổi hệ trọng này luôn luôn cần trí tuệ và trách nhiệm của toàn Đảng ■

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● PGS. TS PHAN XUÂN BIÊN

*Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Chủ động nghiên cứu, tổng kết để tìm hướng phát triển

Thành phố Hồ Chí Minh không có những cơ quan nghiên cứu lý luận lớn như Hà Nội, song thực tiễn ở Thành phố lại luôn sôi động, nhu cầu “khám phá và cải tạo” xã hội đặt ra khá bức thiết. Để giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, tìm luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách, xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, Thành ủy TP.Hồ Chí Minh từ rất sớm đã có những giải pháp tổ chức nghiên cứu những vấn đề của cuộc sống, dần dần hình thành các cơ quan nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lý luận chính trị. Có thể do gốc nguồn hình thành trí tuệ, bản lĩnh của các thế hệ lãnh đạo của Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh là từ quá trình lăn lộn trong cuộc sống, nắm bắt, tổng kết thực

tiễn, từ đó nắm vững và vận dụng đúng quy luật khách quan của lịch sử, của thời đại; không ham thích lý luận theo sách vở, không sinh lý luận, không “đóng đinh”, tự khép vào bất cứ một lý luận nào; tôn trọng khoa học, lý luận nhưng lý luận phải được tổng kết từ thực tiễn, có tính thiết thực cho cuộc sống, xã hội, cho lợi ích nhân dân, thực tiễn là thước đo kiểm nghiệm chính xác và khắt khe nhất, nên ngay từ đêm trước đổi mới, song song với việc tiến hành khảo sát, hoạt động của các xí nghiệp, nhà máy, Thành ủy TP.Hồ Chí Minh đã thành lập Văn phòng công tác nghiên cứu kinh tế trực thuộc Thành ủy, tập hợp trí thức từ các nguồn. Trên cơ sở nghiên cứu của Văn phòng về tư duy kinh tế, ngân hàng - tài chính, đầu tư nước ngoài, khu chế xuất, ngoại thương và quan hệ quốc tế, Thành ủy

đã có những chủ trương hình thành các tổ chức kinh tế mới, tìm cơ chế mới để vận hành và quản lý sản xuất kinh doanh.

Những chủ trương ấy được đưa ra thí điểm, rồi tiến hành tổng kết, lại đẩy mạnh thực thi, tạo nên những đột phá, những căn cứ thực tiễn quan trọng, góp phần hình thành tư duy và đường lối đổi mới sau này.

Trên cơ sở đó việc nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, nghiên cứu lý luận chính trị nói riêng, đã được đẩy mạnh hơn khi Thành ủy quyết định thành lập Ban Khoa học xã hội, rồi Viện Kinh tế, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn, Hội đồng Khoa học xã hội Thành phố, sau đó được sắp xếp lại thành Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy tên gọi có khác nhau qua các thời kỳ và nhiệm vụ cũng khá phong phú, nhưng chức năng chủ yếu của các cơ quan trên đây, nay là Viện Nghiên cứu phát triển là nghiên cứu để cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của Thành phố trong bối cảnh chung của cả nước.

## 2. Một số kết quả nghiên cứu mới góp phần phục vụ cho sự phát triển Thành phố

(1) *Vai trò, vị trí của TP.Hồ Chí Minh trong sự phát triển khu vực và cả nước.*

TP.Hồ Chí Minh dù có vai trò vị trí quan trọng, là trung tâm nhiều mặt, đóng góp cho cả nước khá lớn, song TP.Hồ Chí Minh không thể đơn phương trên đường phát triển. Từ kinh nghiệm lịch sử đến nhu cầu hiện tại đều cho thấy Thành phố luôn gắn chặt với sự phát triển chung của vùng và cả nước. Vì vậy, trong quá trình kiến tạo con đường phát triển Thành phố, đã quy hoạch “vùng đô thị TP.Hồ Chí Minh”, “vùng kinh tế trọng điểm phía Nam” với hạt nhân là TP.Hồ Chí Minh cùng các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang. Chính vì vậy, nghiên cứu lý luận ở TP.Hồ Chí Minh tập trung không ít cho vấn đề phát triển vùng, nổi bật là:

- TP.Hồ Chí Minh - cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN).

Các lý thuyết về cực tăng trưởng khá đa dạng bao hàm nhiều nhân tố, song phổ biến được thể hiện qua mức đóng

góp GDP, nguồn ngân sách; là trung tâm thị trường lao động; là khu vực thương mại bán lẻ chủ yếu; có quy mô xuất khẩu lớn; đầu mối giao thông thuận lợi; có chính sách phát triển, đầu tư nhiều triển vọng... Theo đó, so sánh các địa phương trong vùng KTTĐPN, TP.Hồ Chí Minh có lợi thế hơn cả. Thực tế, kinh tế TP.Hồ Chí Minh vừa đóng vai trò hạt nhân, vừa vai trò đầu tàu, đóng góp vào tốc độ tăng trưởng của vùng: năm 2001 chỉ mới 46,85%, đến 2009 đã đóng góp đến 60,72%<sup>(1)</sup>. Qua thời gian, các tỉnh như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu có sự phát triển nhanh, song đến nay GDP của TP.Hồ Chí Minh luôn ở mức cao hơn 50% tổng GDP các tỉnh trong vùng KTTĐPN. Tỷ trọng GDP của TP.Hồ Chí Minh đóng góp cho cả nước trong giai đoạn 2010-2014 lần lượt là: 21,47% - 22,28% - 23,11% - 23,96% - 24,77%<sup>(2)</sup>. TP.Hồ Chí Minh cũng là địa phương thu ngân sách lớn nhất của khu vực và cả nước, đạt bình quân 30% mỗi năm của cả nước. Với sự vượt trội về tạo ra sản phẩm quốc nội và thu ngân sách quốc gia, chúng ta TP.Hồ Chí Minh là nơi có mức độ liên kết cao với nền kinh tế quốc gia, khả năng một địa

phương nào trong khu vực thay thế được vai trò của TP.Hồ Chí Minh là rất khó xảy ra. TP.Hồ Chí Minh còn là *trung tâm thị trường lao động* của cả vùng, nhất là về lĩnh vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng có nhiều doanh nghiệp lớn, thu hút nhiều lao động và đào tạo nguồn nhân lực dồi dào. TP.Hồ Chí Minh là *thị trường tiêu thụ hàng hóa* lớn nhất vùng với kim ngạch xuất - nhập khẩu luôn đứng ở hàng đầu. TP.Hồ Chí Minh dù “nổi tiếng” về kẹt xe, song vẫn sở hữu các kết cấu hạ tầng giao thông vượt trội với hệ thống cụm cảng, sân bay, đường sắt, đường biển, đầu mối giao thông nối liền với mọi miền đất nước và quốc tế... Rõ ràng TP.Hồ Chí Minh hội đủ các điều kiện để trở thành cực tăng trưởng của vùng KTTĐPN. Song, trên thực tế, TP.Hồ Chí Minh chưa phát huy được vị trí, vai trò, tiềm năng vốn có của mình nên hạn chế sự phát triển của vùng và cả nước. TP.Hồ Chí Minh muốn phát huy được vai trò của mình, ngoài nội lực cũng cần có những hỗ trợ cần thiết của sức mạnh ngoại sinh để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỷ lệ ngân sách nhận lại của TP.Hồ Chí Minh chỉ

bình quân 28,5% tổng thu ngân sách Thành phố và ngày càng có xu hướng giảm. Điều đó làm cho Thành phố mất khả năng dẫn đầu khi thiếu nguồn lực tài chính để phát triển các nhân tố bảo đảm cho việc thực hiện cực tăng trưởng như kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, nhất là giao thông nối kết các vùng. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc thành lập vùng KTTĐ là do chủ trương của Chính phủ chứ chưa thực sự là yêu cầu cấp bách và thiết yếu cần thiết phải hợp tác cùng nhau phát triển, nên sự phối hợp, liên kết không chủ động mà bị động, vậy nên vùng chỉ là sự gộp các tỉnh, chứ chưa phải liên kết, liên thông thành một thể chế thống nhất biện chứng. Do đó, các chương trình phối hợp còn mang tính cục bộ, chưa có điều kiện phát huy hiệu quả lợi thế so sánh ở từng địa phương; có lúc cạnh tranh không lành mạnh, cạnh tranh lẫn át hợp tác trong đầu tư, trong phát triển kết cấu hạ tầng. Từ đó dẫn đến việc đầu tư dàn trải, chồng chéo, mạnh tinh nào tỉnh ấy làm, nên trên thực tế đầu tư cho vùng không tăng mà chỉ luẩn quẩn từ địa phương này sang địa phương khác, làm mất ưu thế phát triển của vùng.

Thiếu phối hợp, thiếu sự thống nhất nên chưa phát huy lợi thế của vùng như một không gian kinh tế thống nhất. Thành phố Hồ Chí Minh dù có lợi thế song thiếu cơ chế liên kết nên Thành phố cũng không phát huy được vai trò hay ảnh hưởng đến các tỉnh trong vùng.

- Tìm cơ chế liên kết vùng.

Từ thực tế hiện nay, các nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để phát triển vùng KTTĐPN, trong đó có cực tăng trưởng TP.HCM. Trước hết cần phải nêu lên được lợi ích kinh tế của việc liên kết vùng để cùng nhau phát triển. Cơ chế liên kết, phối hợp phải nhịp nhàng, qui định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, tránh cạnh tranh không lành mạnh và tư duy nhiệm kỳ. Trước đây theo đề nghị của TP.HCM, Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng vùng Kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020 (Quyết định 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015), nhưng cơ chế hoạt động còn hết sức lúng túng. Cần phải chuyển đổi mô hình tổ chức lãnh thổ từ quản trị địa phương sang kết hợp giữa quản trị địa phương và quản trị vùng. Quản trị cấp vùng cần bảo đảm

theo qui hoạch chung của Chính phủ, sự điều phối của cơ cấu hội đồng vùng, không để các tỉnh cạnh tranh nhau vì lợi ích cục bộ, phá vỡ qui hoạch thống nhất. Những vấn đề quản trị cấp vùng là: kết cấu hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho toàn vùng; cụm công nghiệp; dịch vụ logistics (cảng biển, cảng hàng không, hải quan)... dựa trên lợi thế điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội. Chính phủ cần quy hoạch vùng với tầm nhìn dài hạn, và không ngừng hoàn thiện hệ thống giám sát vùng có chức năng theo dõi, kiểm tra các địa phương thực thi quy hoạch chung.

(2) *Vấn đề chính quyền địa phương, chính quyền đô thị, phân cấp.*

Trình độ quản lý đô thị quyết định tính chất và trình độ phát triển của tất cả lĩnh vực đời sống xã hội đô thị. Chính quyền bất cứ ở đâu đều thực hiện nhiệm vụ quản lý và phục vụ. Quản lý xã hội đô thị và phục vụ nhu cầu dân cư đô thị hoàn toàn khác với nông thôn, hải đảo. Vậy mà, chính quyền TP.HCM, dù là đô thị đặc biệt, đô thị có trình độ và quy mô phát triển cao nhất vẫn chỉ được tổ chức theo khung pháp luật, pháp lý chung của cả nước, trên có gì, dưới có đó. Vậy nên





một loạt vấn đề về quản lý xã hội đô thị ở TP.HCM gặp nhiều thách thức. Do đó, Đại hội Đảng bộ TP.HCM khóa VIII (2005-2010) đã đề ra nhiệm vụ “kiện toàn và sắp xếp lại bộ máy nhà nước... phù hợp với xã hội đô thị”, “làm thí điểm mô hình chính quyền đô thị”. Theo đó, chương trình nghiên cứu của thành phố đã có một loạt đề tài nghiên cứu và có Đề án về xây dựng chính quyền đô thị TP.HCM<sup>(3)</sup>. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy: Thực tiễn vận hành của xã hội đô thị hiện nay, thực tế của quản lý xã hội, hoạt động của bộ máy chính quyền cũng như đội ngũ cán bộ đòi hỏi cấp bách phải xây dựng chính quyền đô thị để khắc phục những hạn chế, yếu kém về năng lực và hiệu quả của chính quyền hiện nay đối với sự phát triển xã hội đô thị. Đô thị là nơi có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phát triển; là nơi tập trung dân cư với mức độ cao; là nơi có nếp sống, văn hóa của thị dân; là nơi không tự phân khúc trong lòng nó như làng xã bởi những lũy tre làng, là nơi không tự phân ranh giới các bộ phận bằng những cổng chào v.v... Mục tiêu của xây dựng chính quyền đô thị hiện đại là để phát huy

tính năng động, sáng tạo của người dân; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền; huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển bền vững. Yêu cầu xây dựng chính quyền đô thị là phải bảo đảm là một bộ phận của hệ thống chính trị hiện hành, là chính quyền địa phương trong hệ thống tổ chức và quản lý nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân của cả nước, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nghĩa là phải bảo đảm tính thống nhất của nền hành chính quốc gia, không biến “tự chủ, tự chịu trách nhiệm” thành “địa phương cát cứ”. Điều kiện để xây dựng chính quyền đô thị là phải có cơ sở pháp lý trên cơ sở hoàn thiện pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương nói chung và hệ thống chính quyền đô thị nói riêng trong hệ thống tổ chức nhà nước theo tinh thần đổi mới đã nêu ra trong Nghị quyết Đại hội X của Đảng “Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo” (Nghị quyết Đại hội X, trang 127); phải phát huy dân chủ, gồm cả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, làm sao cho người dân tham

gia nhiều hơn nữa vào việc xây dựng chính quyền đô thị và quản lý xã hội. Các nghiên cứu cũng đã nêu ra *ý tưởng về mô hình* chính quyền đô thị ở TP.HCM, từ đó đã xây dựng Đề án, báo cáo Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội. Song cho đến nay, tất cả điều đó chưa trở thành hiện thực bởi còn vấp phải rất nhiều vấn đề từ lý luận, pháp lý và thực tiễn.

Song trước yêu cầu của thực tiễn, TP.HCM và một số thành phố lớn khác không thể chỉ được “cọ quậy” trong chiếc áo chung cho chính quyền các địa phương, nên Trung ương, Chính phủ đã có những qui định tăng cường phân cấp để phát huy tính năng động sáng tạo, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của TP.HCM. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 54/2017/QHH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh<sup>(4)</sup>. Hiện nay TP.HCM đang ra sức tính toán để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội với quyết tâm chính trị cao đồng thời ý thức được trách nhiệm nặng nề và những thách thức gay gắt.

(3) *Một số nội dung khác liên quan đến lý luận chính trị*

Ngoài vấn đề mang tính cấp thiết của TP.HCM trên đây, công tác nghiên cứu lý luận đã tập trung vào những vấn đề chung của cả nước được thể hiện trên địa bàn TP.HCM.

Trước hết là vấn đề phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. TP.HCM là đô thị đặc biệt có số dân đông nhất nước, luôn dẫn đầu về sự phát triển kinh tế, song các nhóm dân cư, các tầng lớp xã hội được hưởng thành quả của sự phát triển *không đồng đều*, sự phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội diễn ra trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Điều đó tác động đến cơ cấu xã hội, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp, tác động đến tổng thể sự phát triển và quản lý phát triển xã hội.

TP.HCM là địa bàn hỗn hợp dân cư, dân tộc, trong đó có những dân tộc vốn có lịch sử phát triển tộc người khá phức tạp, bên cạnh những đồng thuận xã hội được coi là chiều kích quan hệ xã hội cơ bản vẫn tồn tại những xung đột xã hội được biểu hiện từng nơi, từng lúc, từng lĩnh vực với những mức độ, hình thức khác nhau. Chính đó là hai nội dung song hành của quá trình phát triển, vừa mang

tính bức thiết vừa là vấn đề chiến lược lâu dài trong quá trình phát triển thành phố. Mục tiêu của giải quyết xung đột xã hội và xây dựng, củng cố, phát triển đồng thuận xã hội là ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục sự xung đột xã hội, đề cao khả năng phòng ngừa, hạn chế môi trường, khả năng xuất hiện xung đột xã hội; đồng thời củng cố, phát triển cơ sở, điều kiện, tạo môi trường cho đồng thuận xã hội phát triển vững chắc, bảo đảm phát triển bền vững.

Vấn đề an sinh xã hội, dịch vụ xã hội, các tổ chức xã hội, nguồn nhân lực... cũng được nghiên cứu với hệ thống đề tài phong phú đa dạng, đa cấp, phục vụ cho việc nghiên cứu phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở TP.HCM.

*Vấn đề văn hóa, con người* bao gồm một tập hợp chủ đề nghiên cứu liên ngành, cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách bảo đảm sự phát triển đồng bộ, hài hòa, bền vững theo tư tưởng Hồ Chí Minh “trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”. Rõ ràng,

sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội tạo cơ sở cho phát triển bền vững. *Không có sự phát triển bền vững phi hài hòa.*

Về xây dựng hệ thống chính trị, ngoài vấn đề chính quyền địa phương, chính quyền đô thị thì nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng trong cơ chế kinh tế thị trường, vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, vấn đề tổ chức cán bộ được nhiều đề tài đề cập đến, ví như “Đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở”, “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với cơ quan nhà nước”, “Giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các quan điểm sai trái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong quá trình hội nhập quốc tế”...

Công tác nghiên cứu lý luận ở TP.HCM vừa trực tiếp phục vụ giải quyết yêu cầu thực tiễn của Thành phố vừa đóng góp vào sự phát triển công tác nghiên cứu lý luận chung của cả nước.

### **3. Công tác nghiên cứu lý luận ở TP.HCM giai đoạn 2017-2021**

Ngày 14/3/2017, Hội đồng Lý luận TW đã ký kết chương trình hợp tác với Thành ủy TP.HCM về công tác nghiên cứu lý luận chính trị, tổng kết

thực tiễn, tư vấn chính sách, đào tạo và trao đổi thông tin. Trên cơ sở đó, Thành ủy TP.HCM đã giao cho Ban Tuyên giáo Thành ủy cùng Hội đồng khoa học công nghệ Thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật TP, Viện Nghiên cứu phát triển TP, Sở Khoa học - Công nghệ TP xây dựng chương trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Trước mắt, tập trung nghiên cứu bài toán tăng trưởng nhanh, bền vững của Thành phố; giải pháp thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù cho TP.HCM. Để có những đề tài phù hợp với tầm vóc

của sự hợp tác giữa Hội đồng Lý luận TW với Thành ủy TP.HCM, Hội đồng Lý luận TW cần giúp Thành phố xây dựng những nội dung nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn những vấn đề cấp thiết và cơ bản của một trung tâm lớn về nhiều mặt của khu vực và cả nước. Đồng thời Hội đồng Lý luận TW cung cấp cho Thành phố những kết quả nghiên cứu của Hội đồng trong thời gian gần đây, nhất là kết quả các đề tài thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, mã số KX.04/16-20; tổ chức một số cuộc hội thảo về lý luận tại TP.HCM ■

---

<sup>1</sup> TP.Hồ Chí Minh - 35 năm xây dựng và phát triển (1975-2010). NXB Tổng hợp TP.HCM. 2012, trang 56.

<sup>2</sup> Tạp chí Nghiên cứu phát triển - số 20 (02/2017), trang 6.

<sup>3</sup> Phan Xuân Biên (chủ biên). Một số vấn đề xây dựng chính quyền đô thị - Từ thực tiễn TP.HCM. NXB Tổng hợp HCM - 2007.

<sup>4</sup> Nghị quyết của Quốc hội xác định 5 lĩnh vực điều chỉnh (coi là đặc thù) là: thẩm quyền quản lý đất đai; thẩm quyền quản lý đầu tư; thẩm quyền quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; cơ chế ủy quyền; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố quản lý.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG BỘ PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN Ở HÀ NỘI

● **ThS TRẦN TRUNG HIẾU**

*Phó Bí thư Đảng ủy*

*phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*

**Đ**ảng ta luôn xác định *tổ chức cơ sở đảng* là đơn vị chiến đấu cơ bản, nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, cầu nối liền giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Điều lệ Đảng đã dành một phần quan trọng để nói về tổ chức cơ sở đảng. Với ý nghĩa quan trọng đó, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã khẳng định nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở đảng là: “Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế”<sup>1</sup>.

Sau khi mở rộng địa giới hành chính theo nghị quyết 15/NQ-QH ngày 29/5/2008 của Quốc hội khóa XII, tính đến hết tháng 6 năm 2015 dân số Hà Nội là 7.358.700 người, chiếm khoảng 8% dân số cả nước, số dân tại các phường ở quận nội thành là 3.292.734 người<sup>2</sup>.

Toàn thành phố hiện nay có 177 phường trong đó có 168 phường ở 12 quận nội thành và 09 phường ở thị xã Sơn Tây. Đặc điểm của các phường ở Hà Nội là nơi có nhiều trụ sở các bộ, ban, ngành, trung ương, các cơ quan đại diện các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực là nơi cư trú của hàng ngàn cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, là nơi có nhiều di tích lịch sử và cách mạng. Các phường của Hà Nội có mật độ dân cư cao, cơ cấu đa dạng và biến

động nhanh chóng do nguồn nhân lực từ các tỉnh trong cả nước chuyển về.

Gắn với quá trình phát triển, vai trò các phường của Hà Nội ngày càng được nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về vị thế của một đơn vị hành chính cơ sở trong quá trình phát triển của Thủ đô. Thực tiễn ở cơ sở đã khẳng định phường mạnh thì quận mạnh, quận mạnh thì Thủ đô phát triển vững bền. Ngược lại, phường yếu, không ổn định, có nhiều điểm nóng thì quận không phát triển, từ đó gây hậu quả xấu đối với thủ đô, kéo theo việc ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển chung của đất nước. Và đảng bộ phường chính là nhân tố trực tiếp lãnh đạo nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của cấp ủy cấp trên nhằm xây dựng củng cố phường vững mạnh phát triển.

*Đảng bộ thành phố Hà Nội tính đến năm 2015 có 60 đảng bộ trực thuộc, 2.913 tổ chức cơ sở đảng với 393.762 đảng viên trong đó có 12 đảng bộ quận cùng 168 đảng bộ phường; tổng số đảng viên của 12 đảng bộ quận là 161.839 đồng chí chiếm 41,1% đảng viên toàn Thành phố. Số đảng viên tại 168 phường của 12 quận là 130.827*

*đồng chí chiếm 33,2% đảng viên toàn thành phố<sup>3</sup>.*

Trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô, Thành ủy Hà Nội luôn xác định, việc củng cố nâng cao chất lượng đảng bộ phường ở các quận nội thành là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, hầu hết lãnh đạo chủ chốt của các đảng ủy phường ở Hà Nội đã được đào tạo ít nhất một chuyên môn, trình độ lý luận chính trị đạt từ trung cấp trở lên. Bên cạnh việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, Thành ủy Hà Nội đã chỉ đạo các quận ủy thực hiện nghiêm túc và đúng các quy định của Đảng về công tác đánh giá chất lượng TCCSĐ hằng năm. Việc luân chuyển cán bộ giữa quận với phường cũng được chỉ đạo thường xuyên, tạo tâm thế và điều kiện rèn luyện tốt cho sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ. Đây chính là điều kiện thuận lợi giúp cho 168 đảng bộ phường ở các quận nội thành từng bước khẳng định được vai trò là hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở, lãnh đạo thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; kết hợp phát triển kinh tế

với bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề bức xúc trong xã hội, tổ chức thực hiện và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thấm sâu vào cuộc sống.

Từ thực tiễn hoạt động của Đảng bộ Hà Nội trong nhiệm kỳ 2010-2015, có thể nêu lên một số giải pháp sau đây để nâng cao chất lượng đảng bộ phường:

**1. Cần đổi mới công tác tổ chức cán bộ, xây dựng đội ngũ đảng viên, đảng ủy viên và cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị phường nhất là chức danh bí thư đảng ủy phường ngang tầm nhiệm vụ mới**

Tiếp tục kiện toàn củng cố tổ chức bộ máy theo hướng đồng bộ thống nhất, trọng tâm là đổi mới các khâu trong công tác cán bộ, thực hiện có hiệu quả chiến lược cán bộ của Thành phố trong thời kỳ mới, cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ chủ chốt hệ thống chính trị phường. Quận ủy cần công khai minh bạch cơ chế tuyển dụng bổ nhiệm những trí thức trẻ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn vào các cơ quan của Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội ở phường.

Thực hiện việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển, sử dụng và chính sách đối với cán bộ bảo đảm đúng quy trình, dân chủ, công khai, minh bạch, thực chất và hiệu quả. Thường xuyên rà soát, tổng hợp đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn của phường không đạt tiêu chuẩn theo quy định và đạt chuẩn về trình độ nhưng có độ tuổi cao, năng lực hạn chế để xem xét sắp xếp bố trí công việc cụ thể. Cần đổi mới, trẻ hóa cán bộ căn cứ trên tiêu chuẩn chức danh và có sự chuẩn bị chu đáo, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển.

Chọn, bố trí đảng viên có đạo đức, có năng lực và có tâm huyết tham gia cấp ủy của các đảng bộ, chi bộ cơ sở. Thực tế cho thấy nếu giới thiệu được đảng viên có phẩm chất, năng lực tham gia cấp ủy chi bộ, đảng bộ thì phường sẽ gặt hái thành công. Do đó cần xây dựng ban chỉ ủy đủ mạnh ngang tầm nhiệm vụ, có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đúng nghị quyết của Đảng, trong đó bí thư đảng bộ phường giữ vai trò nòng cốt. Giới thiệu bầu chức danh bí thư cấp ủy cần đảm bảo tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, năng

lực thực tiễn, đạo đức, lối sống, phong cách lãnh đạo. Cố gắng đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện và lựa chọn sao cho bí thư đảng ủy phường đạt được các yêu cầu cơ bản: vững chuyên môn xây dựng Đảng, có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức trong sáng, biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của cấp trên vào thực tiễn cơ sở; chủ động xây dựng, chỉ đạo điều hành đảng bộ; có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối, nghị quyết; có tác phong khoa học, dân chủ, tập thể; có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm; phải sâu sát thực tế cơ sở, gần bó với nhân dân, có năng lực vận động nhân dân; có uy tín và khả năng quy tụ, đoàn kết trong cấp ủy, trong đảng bộ và quần chúng. Phải tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín để xem xét giới thiệu đảm nhận chức vụ chủ chốt của Đảng ở cơ sở.

Qua nhiều nhiệm kỳ, thực tiễn công tác cán bộ đã chứng minh: Bố trí đúng người ở vị trí bí thư đảng bộ phường là điều kiện quyết định để bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất nâng cao hiệu quả lãnh đạo ở phường; bổ nhiệm, bổ

nhiệm lại, giới thiệu bầu cử vị trí chủ chốt này phải là người giỏi chuyên môn, đủ uy tín để tập hợp, quy tụ được đảng viên, cán bộ, công chức trong cơ quan; phải có quyết tâm, có chính tâm, có lương tâm và có tầm nhìn xa, hiểu rộng trong đối xử và giải quyết các mối quan hệ, là người chăm lo với công tác đào tạo, đánh giá, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, biết chọn đúng người, đúng tiêu chuẩn, sử dụng cán bộ thật sự công tâm, khách quan.

Bố trí đúng cán bộ lãnh đạo đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền ở cơ sở không có nghĩa là cấp ủy cấp trên ra quyết định điều động, bổ nhiệm là xong. Tiêu chí quan trọng nhất, chủ yếu nhất để bổ nhiệm đánh giá cán bộ là lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu, đó cũng là thước đo đánh giá việc bố trí cán bộ (nhất là cán bộ chủ chốt) của cơ quan tổ chức và cấp ủy cấp trên có đúng hay không.

**2. Đổi mới việc xây dựng, ban hành nghị quyết lãnh đạo và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về xây dựng Đảng**



Thực tế cho thấy, nghị quyết, quyết định của cấp ủy cơ sở thể hiện đúng đường lối của Đảng, sát thực tế, đáp ứng đúng nguyện vọng của quần chúng, sẽ được quần chúng đón nhận, nhanh chóng đi vào cuộc sống. Cần phát huy cao nhất, thực hiện triệt để dân chủ trong đảng bộ, chi bộ trong đóng góp ý kiến để xây dựng, ban hành nghị quyết lãnh đạo. Nội dung nghị quyết của đảng ủy phường phải thật ngắn gọn, nhiệm vụ được xác định một cách cụ thể, các giải pháp mà nghị quyết đề cập đều mang tính khả thi. Trên cơ sở có nghị quyết đúng đắn, đảng ủy có kế hoạch và chương trình hành động để thực hiện nghị quyết. Trong quá trình đó phải kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết; qua đó kịp thời phát hiện, nhắc nhở, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, xử lý những trường hợp sai sót hoặc vi phạm và rút kinh nghiệm kịp thời.

Tập trung tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả việc học tập coi trọng việc làm theo gương Bác, gắn với đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII, trọng tâm là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, “nhóm lợi ích”, nói không đi đôi với làm. Chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, phản động gây hoang mang trong nhân dân.

### **3. Đảng ủy phường lãnh đạo thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng bộ, chi bộ gắn với tăng cường các biện pháp quản lý rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên**

Mỗi đảng bộ phường tăng cường chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt và chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức chi bộ trực thuộc đảng ủy. Trong sinh hoạt đảng đảm bảo đầy đủ tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu, chú ý khắc phục biểu hiện “hành chính hóa” công tác sinh hoạt, làm cho lãnh đạo không có chiều sâu. Nội dung sinh hoạt chi bộ cụ thể thiết thực theo tinh thần chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/03/2008

của Ban Bí thư và hướng dẫn số 09-HD/BTCTW ngày 02/03/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn sinh hoạt chi bộ. Mỗi quý các chi bộ nên tổ chức sinh hoạt chuyên đề ít nhất một lần để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đảng viên. Cấp ủy cấp trên cần tổ chức kiểm tra nội dung chất lượng sinh hoạt chi bộ và thông báo kết quả kiểm tra cụ thể, tránh buông lỏng và bao che, bảo đảm đúng thực chất. Đổi mới nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ phải gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII về xây dựng Đảng, làm cho mọi đảng viên nâng cao nhận thức, tự giác chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt nghị quyết của chi bộ và của cấp ủy cấp trên bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu để chi bộ thực sự là nơi lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Cấp ủy cấp trên cần cử cán bộ, cấp ủy viên thường xuyên dự sinh hoạt với các chi bộ để động viên,

khuyến khích, giải đáp những kiến nghị, đề xuất của đảng viên, đồng thời nắm được chất lượng hoạt động của chi bộ để báo cáo cấp ủy cấp trên chi đạo kịp thời.

#### **4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát giữ vững kỷ cương, kỷ luật của đảng bộ và các chi bộ trực thuộc đảng ủy phường**

Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát; “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”; “giám sát từ xa - kiểm tra tại chỗ” để chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm.

Ủy ban Kiểm tra đảng ủy phường chủ động tham mưu xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc, kế hoạch hằng năm của đảng ủy và ủy ban kiểm tra, thực hiện toàn diện các nhiệm vụ trong Điều 32 Điều lệ Đảng trong đó đẩy mạnh công tác giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo theo quy định, kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và tài chính của cấp ủy cùng

cấp. Tham mưu, hướng dẫn chi bộ trực thuộc đảng ủy hiệu, xây dựng, hoàn thiện quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của mỗi chi bộ đảm bảo kỷ cương, dễ thực hiện, đúng nguyên tắc của Đảng.

**5. Mở rộng dân chủ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao trách nhiệm vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền**

Định kỳ hằng quý, 6 tháng và một năm, đảng ủy thường hướng dẫn nội dung để các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân được tham gia đóng góp phê bình chi bộ, đảng ủy và cá nhân từng đảng viên. Đảng ủy cần lắng nghe và tiếp thu các ý kiến mà các đoàn thể quần chúng đóng góp xây dựng Đảng, tuyệt đối không định kiến trừ dập phê bình với các ý kiến phê bình đóng góp của quần chúng. Cần xây dựng bầu không khí cởi mở, tự do thoải mái về tư tưởng để các đoàn thể Nhân dân phát huy tốt trách nhiệm đóng góp xây dựng Đảng. Có cơ chế mở rộng dân chủ, thu hút đông đảo nhân dân tham gia đánh giá

chất lượng tổ chức đảng. Bên cạnh đó, hết sức chú ý lãnh đạo chỉ đạo sát sao để hạn chế khắc phục khuynh hướng lợi dụng phê bình đóng góp mang tính tiêu cực nhằm hạ thấp uy tín của Đảng. Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội.

**6. Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời của đảng bộ, chính quyền cấp trên mà trước hết là quận ủy, ủy ban nhân dân quận đối với các hoạt động lãnh đạo của đảng bộ và sự quản lý của chính quyền phường**

Nội dung lãnh đạo, chương trình hành động của đảng bộ phường phải xuất phát và phù hợp với sự định hướng chính trị và chủ trương nghị quyết lãnh đạo của cấp ủy cấp trên. Thực tế ở Hà Nội cho thấy, nếu không có sự quan tâm, giúp đỡ, sự chỉ đạo chặt chẽ, sự vào cuộc quyết liệt của cấp trên mà trực tiếp cụ thể là quận ủy thì không ít đảng bộ phường ở Hà Nội không đủ khả năng để giải quyết những vấn đề phức tạp hằng ngày, hằng giờ vẫn đang nảy sinh từ thực tiễn.

Thông qua việc theo dõi năm tình hình theo định kỳ, ban thường vụ quận ủy tổ chức nhận xét đánh giá kết quả lãnh đạo, kịp thời chỉ ra ưu khuyết điểm và nguyên nhân cho đảng bộ phường; đối với những vấn đề cần tập trung khắc phục sửa chữa thì phải giao thời hạn cụ thể, kế hoạch tiến độ thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc chấn chỉnh thường xuyên của thường trực quận ủy đối với đảng bộ phường. Quá trình kiểm tra cần đi sâu vào những vấn đề đang nổi cộm, gây bức

xúc trong nhân dân như: vấn đề quản lý đất đai, huy động gây quỹ đóng góp của dân, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong chế độ công tác, định kỳ hoặc sau mỗi nhiệm vụ được giao, cần có sự chỉ đạo, sơ kết, tổng kết, đánh giá kịp thời, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết bổ sung cho quá trình điều hành, chú ý để phòng cả hai thiên hướng không đúng đắn, ỷ lại, trông chờ cấp trên hoặc thoát ly sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật ■

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.204.

<sup>2</sup> Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Báo cáo số 4270/BC-BCĐ ngày 04/9/2015 tổng kết chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011- 2015, phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020, Hà Nội, 2015.

<sup>3</sup> Đảng bộ Thành phố Hà Nội (2015): *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội khóa XVI (nhiệm kỳ 2015-2020)*.

# KỶ HỌP THỨ 4

## HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

### NHIỆM KỶ 2016-2021

**T**hực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, ngày 23-12-2017, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021 đã tiến hành Kỳ họp thứ 4. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phụ trách Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì kỳ họp. Tại kỳ họp này, Hội đồng Lý luận Trung ương vui mừng được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến dự và cho ý kiến chỉ đạo.

Kỳ họp thứ 4 của Hội đồng có hai nội dung chính: tiến hành hội thảo khoa học về chủ đề “Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp” và thảo luận dự thảo Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018. Các đại biểu tham dự kỳ

họp đã phát biểu sôi nổi, thẳng thắn, tâm huyết.

#### **1. Về hội thảo “Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp”**

*Một là*, những thành tựu của công tác lý luận đã đạt được, tập trung vào công tác nghiên cứu lý luận trong hơn 30 năm qua nói chung và từ sau Đại hội XII của Đảng nói riêng.

*Hai là*, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, chỉ rõ những hạn chế, bất cập, tập trung trả lời vấn đề mà các đại hội của Đảng đều nhận định: công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu, những hệ quả của nó. Chỉ rõ nguyên nhân khách quan, nhất là nguyên nhân chủ quan.

*Ba là*, xác định những vấn đề bức thiết đang và sẽ đặt ra đối với công tác lý luận của Đảng nói chung và đối với công tác nghiên cứu lý luận nói riêng

trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, công cuộc đổi mới đất nước càng đi vào chiều sâu, càng đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết.

*Bốn là*, đề xuất các giải pháp có căn cứ khoa học, khả thi, góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả công tác lý luận ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tiếp tục đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững.

## **2. Về tổng kết công tác năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng**

*Một là*, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, chỉ rõ ưu điểm, những điểm mới trong nghiên cứu, đồng thời thẳng thắn chỉ rõ hạn chế, yếu kém, tìm ra nguyên nhân của hạn chế, yếu kém, nhất là những nguyên nhân chủ quan.

*Hai là*, những kinh nghiệm rút ra sau 1 năm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội đồng.

*Ba là*, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng.

Xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện.

*Bốn là*, đề xuất các giải pháp mới, khả thi để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng năm 2018 và những năm tiếp theo.

Phát biểu chỉ đạo, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra một cách sâu sắc thực trạng công tác lý luận, nhất là từ sau Đại hội XII của Đảng đến nay; biểu dương những đóng góp tích cực của Hội đồng Lý luận Trung ương và của đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận cả nước; nêu lên những định hướng của công tác nghiên cứu lý luận trong những năm tới, trọng tâm là phục vụ kịp thời, hiệu quả sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội XII và tích cực góp phần chuẩn bị xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Với tinh thần làm việc dân chủ, trách nhiệm, khẩn trương, nghiêm túc, Kỳ họp thứ 4 Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã thành công tốt đẹp ■

# MỘT SỐ KẾT QUẢ CÔNG TÁC NỔI BẬT NĂM 2017 CỦA CƠ QUAN HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



Năm 2017, tập thể Thường trực chuyên trách đã tập trung chỉ đạo các tiểu ban, Cơ quan Hội đồng cụ thể hóa nhiệm vụ của từng tháng, từng quý kế hoạch hoạt động chung của Hội đồng. Qua đó, toàn Cơ quan Hội đồng, với quyết tâm chính trị cao, đã tập trung tối đa mọi nguồn lực để thực hiện và đạt

được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều mặt.

Dưới đây là một số kết quả đã đạt được:

1. Đã xây dựng các Báo cáo tư vấn, phục vụ việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 5, 6, 7 và 8 khóa XII. Nhiều nội dung trong báo cáo tư vấn của Hội đồng đã được tiếp thu, thể

hiện trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 và 6, khóa XII.

Tổ chức nhiều cuộc tọa đàm chuyên gia, hội thảo khoa học, nghiên cứu, khảo sát thực tế tại một số địa phương, đơn vị, bộ, ban, ngành Trung ương chuẩn bị nội dung xây dựng Báo cáo tư vấn phục vụ Hội nghị Trung ương 7 khóa XII: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.*

Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Biên tập Đề án xây dựng Báo cáo tư vấn phục vụ Hội nghị Trung ương 8 khóa XII: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chiến lược Biển Việt Nam.*

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 04-KH/TW của Bộ Chính trị khóa XII về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, đã hoàn thiện dự thảo “*Hướng dẫn tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận*”, trình Ban Bí thư; ban hành “*Đề án định hướng nội dung đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch*”.

3. Tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan, nhà khoa học triển khai

nghiên cứu, xây dựng báo cáo chuyên đề phục vụ nghiên cứu lý luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII. Đến nay, đã hoàn thiện 14/17 chuyên đề; dự kiến sẽ hoàn thành 03 chuyên đề còn lại trong tháng 01-2018.

4. Năm 2017, là năm đầu tiên Cơ quan Hội đồng chủ trì triển khai Chương trình KX.04/16-20 theo thông tư mới do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính ban hành. Đây cũng là lần đầu tiên Chương trình KX.04 triển khai thực hiện sớm 01 năm so với các giai đoạn trước do rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục hành chính.

Qua 2 đợt kiểm tra, 30 đề tài thuộc Chương trình cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu theo kế hoạch năm 2017. Các đề tài đã đăng hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học, trong đó có 4 bài báo đăng ở tạp chí quốc tế có uy tín.

5. Về công tác đối ngoại, trong năm 2017, Hội đồng mà trực tiếp là Cơ quan Hội đồng đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Ban Đối ngoại Trung ương, các cơ quan hữu quan tổ chức thành công các hoạt động đối ngoại của Đảng, trong đó nổi bật là các cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi lý luận giữa



Đảng ta và một số đảng cộng sản, đảng cầm quyền: Hội thảo lý luận lần thứ 13 với Đảng Cộng sản Trung Quốc về chủ đề: *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí và truyền thông trong tình hình mới”*; Hội thảo lý luận lần thứ 3 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Cuba với chủ đề: *“Định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ công tác chính trị - tư tưởng trong văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội VII Đảng Cộng sản Cuba”*; Đối thoại lý luận lần thứ 6 với Đảng Dân chủ xã hội Đức (SPD) về chủ đề *“Cơ hội và thách thức trong một thế giới đang thay đổi - hợp tác giữa Việt Nam - Đức - châu Âu”*; Hội thảo lý luận lần thứ 5 với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về chủ đề *“Phát triển nhanh, bền vững”*; Trao đổi lý luận lần thứ 7 với Đảng Cộng sản Nhật Bản về chủ đề *“Biến động mới của tình hình thế giới và khu vực, những thách thức và triển vọng”*.

Hội đồng Lý luận Trung ương đã cử Đoàn chuyên gia sang Lào chia sẻ kinh nghiệm về việc xây dựng Đề án nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; Đoàn cán bộ Cơ quan Hội đồng

nghiên cứu, khảo sát tại Liên bang Nga theo kế hoạch đoàn ra năm 2017; cử cán bộ tham gia khóa học về *“Quản lý kinh tế”* theo chương trình của Ban Kinh tế Trung ương, tại Seoul, Hàn Quốc.

Phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương và Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao tổ chức các buổi tọa đàm khoa học chuyên sâu với nhiều nhà ngoại giao, học giả, chuyên gia nước ngoài về nhiều chủ đề liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

6. Một nét mới trong triển khai nhiệm vụ năm 2017 là Hội đồng đã tiến hành Ký Chương trình hợp tác, Quy chế phối hợp giai đoạn 2017-2021 và triển khai kế hoạch công tác năm 2017 nhiều cơ quan: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản. Sau gần 01 năm triển khai các hoạt động hợp tác, về cơ bản, có thể khẳng định chương trình, kế hoạch hợp tác giữa Hội đồng với các cơ quan, đơn vị, địa phương bước đầu được triển khai hiệu quả, thực chất và đúng kế hoạch đề ra. Các

hoạt động hợp tác được lựa chọn, tổ chức khoa học, phù hợp với năng lực thực tế và nhu cầu của mỗi bên.

7. Năm 2017 cũng là năm hoạt động của các tiểu ban được chú trọng và phát huy tốt hiệu quả. Trên cơ sở kế hoạch hoạt động toàn khóa của Hội đồng và của các tiểu ban nhiệm kỳ 2016-2021, các tiểu ban đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác năm 2017, nội dung chính tập trung vào việc nghiên cứu, khảo sát thực tiễn, kết hợp với tọa đàm chuyên sâu phục vụ cho việc xây dựng các báo cáo tư vấn của Hội đồng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

8. Việc tổ chức thẩm định một số nội dung do các cơ quan, ban, ngành Trung ương gửi xin ý kiến và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của cơ quan Hội đồng cũng được thực hiện nghiêm túc, bài bản. Đã góp ý, sửa chữa trực tiếp vào dự thảo 13 văn bản; triển khai 3 đề tài cấp quốc gia, 3 đề tài cấp ban Đảng; phát hành cuốn sách *“Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong Đảng”*; xây dựng, hoàn

thành bản thảo cuốn “Niên giám khoa học của Hội đồng năm 2017” với 4 tập, chuyển Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc triển khai thực hiện *“Tổ chức các lớp nghiên cứu, trao đổi chuyên đề với các đồng chí lần đầu tham gia Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), các đồng chí cấp thứ trưởng và tương đương mới được đề bạt, bổ nhiệm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào”*...

Có thể đánh giá khái quát, năm 2017, với vai trò là cơ quan giúp việc cho Hội đồng, dưới sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Thường trực Hội đồng, trên tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, đổi mới phương pháp làm việc, cách tiếp cận vấn đề, Cơ quan Hội đồng đã triển khai công việc đi vào nền nếp, chất lượng và hiệu quả bước đầu được nâng lên và rõ nét hơn.

Đạt được những kết quả nêu trên là do sự chỉ đạo đúng đắn của tập thể Thường trực chuyên trách, sự phân công rõ trách nhiệm cá nhân của tập thể Thường trực chuyên trách, bố trí công việc hợp lý, đúng người, đúng việc theo đề án vị trí việc làm ■

# KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2017 CỦA CHƯƠNG TRÌNH “NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020”

**N**gày 13-1-2018, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức hội nghị tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Chương trình “Nghiên cứu Lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020” (Chương trình KX.04/16-20).

GS.TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương; GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Chủ nhiệm Chương trình KX.04/16-20; GS.TS Vũ Văn Hiền, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Chủ nhiệm Chương trình KX.04/16-20 dự và chỉ đạo hội nghị.

Theo đánh giá chung, năm 2017 Ban Chủ nhiệm Chương trình và chủ nhiệm các đề tài đã triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình; chất lượng báo cáo của các đề tài bước đầu đều đạt yêu cầu.

Sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương về chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài, kinh phí cho các đề tài, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã khẩn trương hoàn thành việc ký kết với các cơ quan chủ trì và các chủ nhiệm 30 đề tài để triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Việc đảm bảo chất lượng nghiên cứu và đảm bảo tiến độ nghiên cứu được xác định là mục hàng đầu trong chương trình công tác toàn khóa, cũng như kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chủ nhiệm Chương trình.

Dưới sự chỉ đạo của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã nỗ lực tổ chức triển khai Chương trình nghiêm túc, bám sát mục tiêu, chủ động và đúng quy định, quy chế.

Năm 2017, Chủ nhiệm Chương trình đã hai lần tiến hành tổng hợp

chất lọc kết quả nghiên cứu của các đề tài để báo cáo Bộ Chính trị - Ban Bí thư theo quy định. Kết quả chất lọc cho thấy, việc nghiên cứu của các đề tài đã thể hiện được những nội dung mới về lý luận và tổng kết thực tiễn. Đặc biệt trong quá trình nghiên cứu, một số đề tài đã đóng góp vào báo cáo tư vấn chuẩn bị các đề án trình Hội nghị Trung ương 5, Hội nghị Trung ương 6 và Trung ương 7 sắp tới. Một số đề tài đã phục vụ trực tiếp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước như phân biện về chính sách và báo cáo tư vấn với Chủ tịch nước về phân bổ nguồn lực theo yêu cầu.

Cũng qua một năm triển khai nghiên cứu, các đề tài đã có 122 bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước, 4 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế, có uy tín. Có 4 cuốn sách chuyên khảo đã được xuất bản. Việc gắn công tác nghiên cứu với đào

tạo cũng được các đề tài quan tâm. Đến nay các đề tài đã tham gia đào tạo 43 nghiên cứu sinh, 51 thạc sĩ.

Công tác tổ chức khảo sát thực tế ở trong nước và ngoài nước đã được các đề tài triển khai theo kế hoạch. Kết quả nghiên cứu, khảo sát được tổng hợp làm cơ sở “chất liệu” cho nội dung nghiên cứu.

Năm 2018 được xác định là năm bản lề, năm quyết định chất lượng, tiến độ nghiên cứu chung của Chương trình. Kết quả nghiên cứu của Chương trình KX.04/16-20 sẽ được chất lọc, góp phần quan trọng vào xây dựng các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Ban Chủ

nhiệm chương trình sẽ tăng cường chỉ đạo triển khai nghiên cứu, bảo đảm chất lượng, nội dung và đúng tiến độ. Đối với một số đề tài có nội dung nghiên cứu liên quan đến chủ đề Hội nghị Trung ương lần thứ 7 và Hội nghị Trung ương lần thứ 8, cần tập trung nghiên cứu góp phần vào báo cáo tư vấn trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ■

## HỘI THẢO

# "ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI"

**N**gày 11-1, tại huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng lý luận Trung ương và Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học “*Đổi mới cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam trong thời gian tới*”.

Tại hội thảo, các tham luận đã chỉ ra thực trạng của ngành cơ khí Việt Nam trong thời gian qua. Theo đó, ngành cơ khí nước nhà đã từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, có nhiều cố gắng, nỗ lực vươn lên, khẳng định được năng lực ở một số lĩnh vực, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các doanh nghiệp cơ khí mặc dù còn đan xen nhiều trình độ công

nhệ khác nhau, song đa số các doanh nghiệp đã chủ động tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giải quyết hài hòa các mối quan hệ con người và thiết bị. Nhiều doanh nghiệp cơ khí đủ năng lực thiết kế, chế tạo, tích hợp một số dây chuyền đồng bộ, kể cả phần tự động hóa. Một số doanh nghiệp đã tham gia vào một số chuỗi cung ứng cơ khí toàn cầu. Giai đoạn 2006-2015, tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng 3,42 lần, tỷ trọng GDP của công nghiệp duy trì ổn định khoảng 31-32% trên tổng GDP của nền kinh tế.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, ngành cơ khí nước ta vẫn còn không ít hạn chế và yếu kém, chưa phát triển được so với năng lực hiện

có; tính chuyên môn hóa trong sản xuất thấp; thiếu sự phối hợp, phân công lao động; khả năng cạnh tranh thấp; công nghiệp hỗ trợ cơ khí phát triển rất chậm. Hiện cả nước có khoảng 14.800 doanh nghiệp cơ khí, song chỉ có 12 doanh nghiệp có trên 5.000 lao động và 116 doanh nghiệp có trên 1.000 lao động. Nếu tính theo quy mô vốn, mới có khoảng gần 100 doanh nghiệp có vốn từ 500 tỷ đồng trở lên. Công nghiệp cơ khí nội địa chưa đủ nội lực để Việt Nam tự chủ phát triển các ngành kinh tế, công nghiệp khác như: Năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng... Các cơ chế chính sách phát triển ngành cơ khí chưa đến được các doanh nghiệp, còn hạn chế và thiếu nhất quán.

Để ngành cơ khí Việt Nam phát triển trong thời gian tới, theo các chuyên gia, cần phát huy tốt nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài. Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp cơ khí trong các ngành kinh tế khác nhau thuộc mọi thành phần kinh tế theo hướng hợp tác hóa, chuyên môn hóa; kết hợp

chặt chẽ cơ khí dân sự với cơ khí quốc phòng, ra sức phát huy năng lực công nghiệp cơ khí quốc phòng. Hình thành các tổng công ty hoặc tập đoàn cơ khí mạnh về công nghệ và tài chính, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời, tổ chức tốt thị trường trong nước cũng như tạo điều kiện để ngành cơ khí đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm. Đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo ngành cơ khí và cử cán bộ, công nhân giỏi đi đào tạo và thực tập tại nước ngoài. Nhiều ý kiến nhấn mạnh và đề xuất, thời gian tới, Chính phủ cần có chính sách và cơ chế để xây dựng thị trường và bảo vệ thị trường nội địa; rà soát và định hướng lại ngành hàng, sản phẩm cơ khí; tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có thị trường cạnh tranh trong nước để thay thế hàng nhập khẩu và tham gia xuất khẩu; chú trọng xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp mua thiết kế, công nghệ, đổi mới công nghệ; xây dựng các gói tín dụng phát triển cơ khí và công nghiệp hỗ trợ, đầu tư các cơ sở đào tạo ngành cơ khí ■

# TỌA ĐÀM KHOA HỌC TẠI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



*Tọa đàm khoa học tại Bộ Khoa học và Công nghệ do Tiểu ban Chính trị Hội đồng Lý luận Trung ương kết hợp tổ chức với Bộ Khoa học và Công nghệ (Ảnh: TL)*

**T**hực hiện Chương trình công tác năm 2017 và chuẩn bị báo cáo tư vấn về công tác cán bộ, ngày 10 tháng 01 năm 2018, Tiểu ban Chính trị Hội đồng Lý luận Trung ương đã có buổi tọa đàm khoa học tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Tham gia tọa đàm có một số ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương do

Giáo sư, Tiến sỹ Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng dẫn đầu. Về phía Bộ Khoa học Công nghệ, dự tọa đàm có đồng chí Chu Ngọc Anh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, đồng chí Trần Văn Tùng, Phó Bí thư Ban Cán sự đảng và một số cán bộ chuyên môn thuộc Bộ.

Nội dung buổi tọa đàm tập trung vào việc xem xét, đánh giá thực trạng tình hình xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ sau 20 năm thực hiện “Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII) và những vấn đề đặt ra. Tại buổi tọa đàm, Ban Cán sự đảng Bộ khoa học và Công nghệ đã có một bản báo cáo được chuẩn bị kỹ, đánh giá thẳng thắn thực trạng và đề xuất mục tiêu, quan điểm, giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ nước ta trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế hiện nay.

Các ý kiến phát biểu tại buổi tọa đàm đã phân tích sâu sắc thực trạng,

cả về nhận thức và tổ chức thực hiện Chiến lược cán bộ trong đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Xét tổng thể, các quan điểm giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ khoa

**Các ý kiến phát biểu tại buổi tọa đàm đã phân tích sâu sắc thực trạng, cả về nhận thức và tổ chức thực hiện Chiến lược cán bộ trong đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Xét tổng thể, các quan điểm giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trong Chiến lược cán bộ đã được thể chế hóa, được triển khai thông qua một số chính sách cụ thể, có tác động thiết thực.**

học và công nghệ trong Chiến lược cán bộ đã được thể chế hóa, được triển khai thông qua một số chính sách cụ thể, có tác động thiết thực. Hạn chế lớn nhất được nhắc tới là thiếu chiến lược, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là cán bộ khoa học-công nghệ cấp chiến lược, các chuyên gia đầu ngành... phục vụ yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tài liệu và các ý kiến phát biểu tại buổi tọa

đàm là tư liệu quý báu phục vụ cho việc xây dựng báo cáo tư vấn trình

Hội nghị Trung ương 7 khóa XII ■

PV